

# HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KÝ

## QUYỂN 8

**\* Thứ sáu là Tỳ Thuận Nhất Thiết Kiên Cố Thiện Căn Hồi Hưởng.** Ở trong trường hàng cũng có hai, đó là hạnh của phần vị và quả của phần vị.

Trong hạnh của phần vị có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Trong thích có ba:* Một, Thân là chỗ dựa của hạnh; Hai, Từ “Ly chư nghiệp chướng...” trở xuống là trình bày dựa vào thân khởi hạnh; Ba, Từ “Ma-ha-tát nhược năng dĩ thử thiện căn hồi hưởng...” trở xuống là phân rõ về hạnh đã thành tựu lợi ích.

Phần một, thân là chỗ dựa của hạnh, là dựa vào thân của Chuyển Luân Thánh Vương mà khởi hạnh bố thí, có bốn ý: 1) Tại gia là phần vị có thể bố thí; 2) Có bảy báu có thể bố thí; 3) Trình bày về khó bố thí mà có thể bố thí; 4) Nhiếp hóa không dám trái lệnh. Trong văn có hai: Trước là hiển bày về đức thống lãnh thâm nhiếp tự tại của vua; sau từ “Thử Ma-ha-tát...” trở xuống là phân rõ về đức thuộc Chánh báo rất tuyệt vời của vua.

Trong phần trước Luân Vương thành tựu bảy báu, nghĩa sơ lược đưa ra ba môn:

Một, Hiển bày về tên gọi, văn sau nói: 1) Vòng vàng quý báu tên gọi Thắng Tự Tại; 2) Voi quý báu tên gọi Thanh Sơn; 3) Ngựa tía quý báu tên gọi Dũng Tật Phong; 4) Ngọc thần quý báu tên gọi Quang Tạng Bảo Vân; 5) Quan chủ quản kho tạng quý báu tên gọi Đại Tài; 6) Ngọc nữ quý báu tên gọi Tịnh Diệu Đức; 7) Quan chủ quản binh lính quý báu tên gọi Ly Cấu Nhân. Có được bảy loại quý báu này làm Chuyển Luân Thánh Vương ở Diêm-phù-đề.

Hai, Phân rõ về tướng:

1) Phân rõ về vòng vàng quý báu, theo kinh Niết Bàn: “Vua Đảnh Sinh vào ngày 15, ở tại lầu cao tắm gội thọ trai xong, lập tức ở phương Đông xuất hiện vòng xe vàng, đầy đủ ổ trục ngàn tia, không phải là do công thợ làm ra, liền nghĩ rằng mình sẽ thử xem. Dùng tay trái nâng



vòng xe vàng này lên, tay phải bưng lư hương, đầu gối bên phải quỳ sát đất mà phát ra lời nguyện: Nếu là vòng xe quý báu ứng hiện không hư giả, thì giống như Chuyển Luân Thánh Vương quá khứ mà đi hành đạo. Phát ra lời thề này rồi, vòng vàng quý báu này bay vút lên hư không đến khắp bốn thiên hạ rồi trở về nằm trong tay trái của Luân Vương.”

**Theo luận Câu Xá:** “Chỉ riêng cõi Diêm-phù-đề có Luân Vương xuất hiện. Bởi vì phước lực cho nên làm đất trong cung Đế Thích nóng lên, Đế Thích liền biết có Luân Vương xuất thế, phái 500 Dạ-xoa canh giữ cửa cung mang xuống cho Luân Vương một vòng xe quý báu. Bởi vì có được vòng xe quý báu, cho nên gọi là Luân Vương.”

**Lại có luận Tiểu Thừa nói:** “Luân Vương chưa xuất hiện thì những vật quý báu như vòng xe quý báu... này ở trong núi Thiết Vi, được các Đại lực quỷ thần giữ gìn bảo vệ, Luân Vương vừa xuất hiện thì đưa đến chỗ vua, vì vậy trước phải có trú xứ.”

Nếu theo kinh này, thì văn trên nói ví như Chuyển Luân Vương thành tựu bảy vật quý báu thù thắng, mà những vật quý báu ấy không hề có nơi đến, biết rõ chỉ do nghiệp lực mà khởi lên chứ không có từ nơi khác đến. Nhưng vòng xe này có bốn loại: 1) Vòng xe bằng sắt 250 tia; 2) Vòng xe bằng đồng có 500 tia; 3) Vòng xe bằng bạc có 750 tia; 4) Vòng xe bằng vàng có 1000 tia.

**Kinh Bồ Tát Bản Hạnh nói:** “Vòng xe có ngàn tia, ngang dọc 40 dậm, chu vi 250 dậm, lúc Luân Vương sắp đi thì vòng xe ở phía trước dẫn đường, người không phục tùng thì vòng xe vàng tự nhiên xoay tròn ở trên đầu, tự nhiên làm cho hàng phục, không cần đến binh khí.”

2) Voi quý báu, bảy ngà chấm đất, sáu chỗ nổi lên tròn đầy như hoa sen trắng, đi nhanh như gió, Luân Vương cỡi trên mình, trong một niệm đi khắp bốn thiên hạ.

3) Ngựa quý báu màu đen pha hồng, bờm và đuôi màu vàng ròng, đi không nhảy chồm nhanh chóng hơn gió, đến phương xa không mệt mỏi, người cỡi an lành vui vẻ, đi khắp bốn phương không sai ý người chủ, trong một niệm đi khắp bốn thiên hạ.

4) Ngọc thần quý báu, theo kinh Niết Bàn nói: “Ở trong cung vua tự nhiên có ngọc Ma-ni, lớn bằng mắt người, có thể ở trong đêm tối chiếu rọi một Do-tuần. Nhờ vào lực của ngọc này, nếu trời tuôn mưa hạt lớn bằng trục xe, thì có thể làm tán che phủ một Do-tuần, ngăn hạt mưa lớn này không để cho rơi đến ngọc này được.”

**Theo kinh Quán Phật Tam Muội:** “Ngọc thần ấy là tim của chim cánh vàng.”

**Theo Trí Luận:** “Ngọc thần ấy là xá lợi của Phật, sau vào thời mặt pháp biến làm ngọc Ma-ni.”

**Lại theo kinh Hiền Ngụ:** “Có ba phẩm: Phẩm Thượng thì đặt trên đầu trụ cao, nhà vua đốt hương cầu thỉnh, tùy theo ý nhà vua mà mưa xuống các loại tiền của châu báu-đồ ăn thức uống... khắp 80 Do-tuần; phẩm Trung thì mưa khắp 40 Do-tuần; phẩm Hạ thì mưa khắp 20 Do-tuần, ngọc thần ấy luôn luôn sáng chói ngăn che trời mưa cũng như vậy.”

**Lại trong kinh Bồ Tát Bốn Hạnh:** “Ngọc thần quý báu đêm ngày thường chiếu sáng 1600 dặm.”

**Lại theo Tam tạng Chân Đế nói:** “Ngọc châu Như ý có ba loại: 1) Ngọc châu Như ý có thể tùy theo ý người mà thuận theo tâm đã mong muốn. 2) Ngọc châu Thanh thủy làm cho nước đục trở thành trong. 3) Ngọc châu Thổ kim tự có ba phẩm: a) Phẩm Hạ đưa vào một lượng vàng thì nở ra gấp ngàn lần; b) Phẩm Trung đưa vào một lượng vàng thì nở ra gấp vạn lần; c) Phẩm Thượng đưa vào một lượng vàng thì nở ra gấp vô lượng lần.”

5) Quan chủ quản kho tạng quý báu, theo Câu Xá luận: “Quan chủ quản kho tạng quý báu này có được lực của nhãn căn, có thể nhìn thấy tất cả kho tạng ẩn kín trong lòng đất, đưa tay vào biển thì vật báu hiện ra theo năm ngón tay.”

**Lại kinh Bồ Tát Bốn Hạnh:** “Quan chủ quản kho tạng quý báu, lúc ý nhà vua cần đến vàng bạc báu áo quần chăn màn-đồ ăn thức uống thì mở hai tay mình ra, tất cả tài sản báu báu-các thứ cần dùng tùy ý mong muốn, từ trong tay đưa ra mà không có cùng tận.

6) Quan chủ quản binh lính quý báu, nơi nào chưa quy phục thì lập tức suy nghĩ làm cho yên ổn, không có nơi nào không quy phục.

**Lại kinh Bồ Tát Bốn Hạnh:** “Quan chủ quản binh lính quý báu, lúc ý nhà vua muốn có được trăm ngàn vạn binh lính, thì tất cả tự nhiên mà đến.”

7) Ngọc nữ quý báu, thân không cao không thấp-không đen không trắng, các lỗ chân lông phát ra mùi thơm chiên đàn, ánh mắt nhìn xa một Do-tuần, tai nghe-mũi ngửi cũng như vậy, lưới che kín mặt, đưa tay chạm vào áo nhà vua thì biết rõ thân nhà vua an lạc hay là bệnh tật, cũng biết rõ tâm nhà vua. Ngọc nữ quý báu này hóa sinh từ hoa sen.

**Lại theo kinh Bồ Tát Bốn Hạnh:** “Ngọc nữ thơm ngát thanh khiết như hoa Ưu-đàm, lúc ý nhà vua muốn được mát mẻ thì thân tự nhiên mát lạnh, lúc nhà vua muốn được ấm áp thì thân tự nhiên ấm áp, âm

thanh như âm thanh cõi Phạm, thường làm cho nhà vua vui vẻ.”

Ba, Các môn có năm lớp:

1) Dựa theo báo thô thiển, nghĩa là có vật báu ấy có thể ngăn mưa trong 40 dặm..., là bảy vật báu tương tự, như kinh Tát-già-ni nói v.v...

2) Dựa theo báo vi tế, nghĩa là Thật báo của Kim Luân Vương, bảy vật quý báu như trước phân rõ.

3) Dựa theo hành duyên, nghĩa là đồ vật của Bồ-tát như bảy báu... của Luân Vương, đều là do nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát mà phát khởi, có thể sử dụng cho sự tu hành của Bồ-tát. Chính xác có năm nghĩa: a) Khiến cho Bồ-tát không sinh tâm ái nhiễm; b) Khiến cho thành tựu công hạnh bố thí; c) Thỏa mãn ý người cầu xin; d) Khiến cho người cầu xin phát tâm tu hành; e) Có thể giúp cho sự giáo hóa chúng sinh.

**Trí Luận quyển thứ 12 nói:** “Vật báu có ba loại: 1) Vật báu trong loài người có thể mưa xuống đồ vật, như vật báu của Luân Vương...; 2) Vật báu của cõi trời có thể hiểu rõ lời nói sai bảo...; 3) Vật báu của Bồ-tát có thể thuyết pháp giáo hóa chúng sinh...”

4) Dựa theo báo sâu xa, nghĩa là như Viên giáo từ Thế giới tánh... trở lên có vạn người con, từ Luân Vương trở đi vốn có vật báu... như lưới báu sáng ngời, Chuyển Luân Thánh Vương có ngọc Pha-lê Đính Quang soi chiếu trần số thế giới hải của mười cõi Phật, nhờ vào thiện căn của một hằng hà sa Kim Chuyển Luân Vương mà phát sinh như vậy...

5) Dựa theo đức của hành, như văn sau kinh nói: Ba-la-mật là vòng xe vàng, các thần thông là voi quý báu, thần túc là ngựa quý báu, tịnh tuệ vô thượng và diệu hạnh thù thắng là ngọc nữ quý báu, tứ nhiếp phương tiện là quan chủ quản kho tạng quý báu, Vô thượng Chuyển Luân Vương là quan chủ quản binh lính quý báu. Nay trong văn này dựa vào ba môn sau mà nói, bởi vì ở trong pháp giới vô tận thành tựu vô biên hạnh hải của Phổ Hiền.

Sau từ “Thử Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về Chánh báo rất tuyệt vời của vua. Na-la-diên, Trung Hoa nói là Kiên Lao Lực. Theo luận Câu Xá thì có thể duy trì tầng Phong luân của một Đại thiên giới, là hạn lượng của Na-la-diên. Theo kinh Niết Bàn thì so sánh hạn lượng có thể biết.

*Trong phần hai là dựa vào thân khởi hạnh, có ba:* 1) Sơ lược nêu ra sự của hạnh; 2) Từ “Ma-ha-tát như thị chư thiện căn hồi hướng dĩ tác như thị niệm...” trở xuống là mở rộng hiển bày về tướng của hạnh; 3) Từ “Ma-ha-tát dĩ thử thiện căn hồi hướng thời...” trở xuống là hạnh rất phù hợp với Chân. Hai phần trước tức là hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh,

một phần sau tức là hồi hướng Thật tế. Lại hai phần trước là hồi hướng rộng lớn, một phần sau là hồi hướng rất sâu xa.

*Trong phần một có ba:*

a) Sơ lược nêu ra 70 sự về vật đã bố thí, từ đồ ăn thức uống đến giường ghế là 10, từ trú xứ đến tán che là 20, từ cờ phướn đến mắt là 30, từ tai đến thịt là 40, từ tim đến móng là 50, từ vì pháp lao vào lửa đến dùng thân che chở Đức Phật là 60, từ dùng thân bố thí tất cả đến thấy đều có thể rời bỏ là 70. Trong đó có nội thí-ngoại thí và nội ngoại thí. Lại có tài-pháp và vô úy thí, thế mạng cứu giết hại là Vô úy thí. Ngăn chặn giết hại có hai loại: Hướng về thụ động giết hại là Vô úy thí, hướng về chủ động giết hại khiến cho giữ năm giới... là Pháp thí, truyền bá danh hiệu Phật khắp nơi cũng là Pháp thí. Lại giải thích, những hạnh này đã đều là pháp môn, cho nên cùng bao gồm ba loại thí. Lại những hạnh này đều là hạnh tự tại vô ngại thuộc về môn Đại duyên khởi pháp giới vô tận của Phổ Hiền, dùng những hạnh này hoặc là trong hay ngoài, hữu tình hay phi tình, chúng sinh và pháp môn đều đem bố thí cho một chúng sinh. Như một chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng như vậy. Bố thí cho tất cả chúng sinh ở một vi trần xứ-một thế giới, tất cả trần xứ cũng đều như vậy. Như pháp giới hư không của một thế giới..., tất cả thế giới-xứ cũng đều như vậy, nhanh chóng thành tựu Đại thí. Thực hành hạnh bố thí này đối với một sát-na đã khắp nơi thế giới pháp giới như vậy, niệm niệm như vậy tận cùng thời gian trước sau, tất cả các kiếp, tất cả sát-na cũng đều như vậy. Đây là một Bồ-tát dùng thân khắp nơi pháp giới, khởi lên đầy đủ Đại thí vô biên như vậy, vẫn có môn thuận-tạp khác nhau. Nếu dựa theo môn thuận dùng mắt để bố thí, thì thấy tất cả nơi chốn-tất cả thời gian, tất cả đồ vật-tất cả ruộng phước như trước đây chỉ là bố thí mắt, hoàn toàn không thấy những môn khác. Nguyên có thế nào? Bởi vì những môn khác không quán xét như hư không. Ngay một môn này khắp nơi pháp giới cho nên không thấy thời gian bắt đầu bố thí mắt, cũng không thấy thời gian cuối cùng bố thí mắt, bởi vì không có bắt đầu và kết thúc, môn khác cũng như vậy, tùy theo thuận-tạp thấy đều không giống nhau, có thể dựa theo suy nghĩ.

b) Từ “Nhược chư chúng sinh...” trở xuống là trình bày về thành tựu bố thí đối với ruộng phước.

c) Từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là trong phần hiển bày về bố thí bằng việc làm, có tám câu. Có người giải thích rằng: Phần này thâm nhiếp chọn lấy quả Phật, ba tâm kiên cố là hồi hướng Bồ-đề, nay nói văn này giống như Bồ-tát thâm nhiếp chọn lấy, xứng với y-chánh của

pháp giới. Ở trong môn thiện căn kiên cố này, khiến cho đầy đủ duyên của hạnh thù thắng, lại có thể thành tựu hạnh xứng với pháp giới. Người thù thắng là người ở trung tâm đất nước, quyến thuộc là quyến thuộc của mình, vẫn còn lại có thể thấy.

*Trong phần hai là mở rộng hiển bày về tướng của hạnh, có hai:*

a) Riêng biệt hiển bày hương về hạnh Đại thí thuộc 70 môn trước đây, riêng biệt trình bày về hồi hướng; b) Từ “Thử Ma-ha-tát dĩ như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về hồi hướng rất hoan hỷ bằng việc làm.

Trong phần a là 70 môn có tách ra-có hợp lại, đến văn sẽ phân rõ.

*Trong 10 loại thứ nhất. Bồ thí thức ăn, có hai:* Trước là trình bày về tâm tự bồ thí lia xa lỗi lầm; sau từ “Dĩ thử tuệ thí...” trở xuống là chính thức trình bày về dùng thiện căn bồ thí thức ăn này để hồi hướng chúng sinh. Nhưng dùng thức ăn thuộc pháp, theo kinh A Hàm: “Thức ăn xuất thế gian có năm loại: 1) Thiền duyệt thực; 2) Nguyện thực; 3) Niệm thực; 4) Giải thoát thực; 5) Pháp hỷ thực.” Vĩnh viễn lia xa Đoàn thực, theo kinh A Hàm: “Thức ăn thế gian có bốn loại, đó là Đoàn-Tư-Xúc-Thức. Vì giáo hóa chúng sanh, hiện tại tiếp nhận Đoàn thực, khiến cho chúng sinh thành tựu Hóa thân Phật.” Trong Nhiếp Luận nói: “Làm phát sinh thiện căn của người bồ thí, nhưng lúc Như Lai thọ thực thì chư Thiên vì các chúng sinh mà tiếp nhận bồ thí, khiến được thành Phật cho nên thị hiện dùng tay chạm vào thức ăn.” Bồ thí thức ăn đạt được năm quả, kinh nói là thường có được thân mạng-sắc tướng-sức lực-an ổn-vô ngại biện; luận Du-già nói: Bồ thí đồ ăn thức uống có thể cảm được Đại lực.

Hỏi: Nếu nghèo khó không có nhiều thức ăn thì có thể có hạnh Đại thí được thành tựu hay không?

Đáp: Có, như kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển Thượng nói: “Nếu là Bồ-tát sinh trong nhà nghèo khó, thì thậm chí khát thực nếu có được một nắm cơm, cũng giữ lại để bồ thí cho Tăng. Nếu bồ thí một người không lấy làm xấu hổ, thì thuận theo đấy lên ý niệm này: Như Đức Phật đã nói, tâm thêm rộng lớn thù thắng nhờ vào bồ thí tiền của, mình bồ thí tiền của tuy ít mà tâm nguyện Nhất thiết trí là thiện căn thành tựu Nhất thiết trí, khiến cho các chúng sinh đều có được bàn tay quý báu, giống như Đức Như Lai nhờ vào duyên này mà đầy đủ bồ thí hoặc là thiền định-thiền xứ, đó gọi là Bồ-tát thực hành đối với phương tiện.”

Trong bố thí thức uống, hồi hương bên trong đạt được Pháp ái thanh tịnh là Pháp hỷ thực, Pháp thân mềm mại là Giải thoát thực, Tam-muội điều tâm là Thiền duyệt thực.

*Trong bố thí mùi vị:* Một là nêu ra vật đã bố thí; hai là thiện căn hồi hương. Trong đó đạt được tướng của mùi vị bậc Thượng, Cam lộ tràn đầy là tướng của mùi vị bậc Thượng trong 32 tướng của Đức Phật. Kinh nói: “Răng cửa của Như Lai lại có mạch Cam lộ, chỉ đưa thức ăn vào miệng đều trở thành Cam lộ.” Trong các Hồi Hương sau đều bởi vì Sự giống như pháp, tương tự cùng loại mà thành tựu hồi hương. Ba từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Bố thí xe là khiến cho vui mừng được thay cho đi bộ.

Bố thí áo quần khiến cho vui mừng được che kín thân hình. Trong luận Du-già nói: “Bố thí áo quần có thể cảm được sắc tướng tuyệt diệu. Lại giống như tự mình may y mới hoàn thành mang đến để cúng Phật, có hai loại: 1) Tạm thời dâng cúng liền đạt được phước vô lượng; 2) Đưa ra thời gian cúng dường cũng cảm được phước to lớn, như giờ Ngọ hôm nay đem y cúng dường Phật cho đến giờ Ngọ ngày mai, nếu trong thời gian ấy mà lấy thì tức là lấy vật của Phật, đến kỳ hạn đầy đủ mà lấy thì có phước chứ không mất gì.”

Bố thí hoa khiến cho vui mừng được cúng dường, vả lại hoa làm cho người vui vẻ.

*Bố thí thân mình, như Trí Luận quyển thứ 13 nói:* “Trái với Bồ-tát La-ma bố thí, ngoại đạo có chư Thiên sai khiến, tự mình bố thí thì phước hơn hẳn ngoại đạo vô lượng.” Như luận ấy nói đầy đủ.

*Niềm vui tràng hoa trang sức có hai loại:* 1) Xâu hoa làm vòng đặt ở trên đầu; 2) Lấy tơ xâu hoa đeo vào thân mình. Tây Vực chú trọng điều này.

Bố thí Chánh báo trang nghiêm, hương cũng cúng dường, bởi vì giới đức thơm ngát cho nên giống như hương, hương thoa cũng trang nghiêm thân.

Bố thí giường ghế khiến cho vui mừng được an ổn. Trên đây là mười loại thứ nhất.

Bố thí trú xứ và phòng ốc, cũng khiến cho vui mừng được an ổn.

Bố thí đèn sáng khiến cho vui mừng được xua tan bóng tối, gần thì khiến cho cảm được báo về sắc đẹp, xa thì khiến cho chúng sinh cảm được ánh sáng trí tuệ của Phật. Luận Du-già nói bố thí các loại đèn sáng có thể cảm được mắt sáng. Lại trong kinh Nhiên Đăng Công Đức nói: “Thắp đèn cúng dường làm cho tội diệt phước sinh, khiến phát nguyện



rằng: Nguyên có thể lấy biển rộng làm dầu, núi Tu-di làm bắc đèn, thấp ngọn đèn sáng to lớn, chiếu khắp vô lượng cõi Phật, cúng dường không ngưng nghỉ. Lại nguyện lấy pháp tánh làm dầu, Đại trí làm bắc đèn, thấp Đại Bi làm ngọn đèn, soi sáng khắp nơi thế gian.” Vì vậy kinh nói: Tín tâm thanh tịnh làm bắc đèn, Từ Bi làm dầu thơm, Chánh niệm làm đồ chứa quý báu, thấp lên ngọn đèn ấy chiếu sáng thế gian.

Bố thí thuốc thang khiến cho vui mừng được trừ bệnh, tự mình gần thì được vô bệnh như Tỳ-kheo Bạc-câu-la cảm được năm loại Bất tử, xa thì cảm được thân là cây thuốc chúa. Lại như Dược Vương Tử, tay chạm vào người bệnh thì tất cả đều khỏi bệnh, sau khi chết lấy tro đất ở chỗ thiêu thân cũng có thể trừ khỏi bệnh, bệnh thân đã trừ mà bệnh tâm cũng hết.

Bố thí đồ đựng khiến cho vui mừng được chứa đầy.

Bố thí xe khiến cho vui mừng được vận chuyển, cũng là thay cho đi bộ. Luận Du-già nói: “Bố thí xe cộ có thể cảm được vui sướng. Trong đó có ba: Trước là nêu ra năm loại phước điền, tiếp là nêu ra mười loại xe quý báu, sau là tùy theo ruộng phước thành tựu bố thí dùng thiện căn để hồi hướng.”

*Trong này bố thí năm ruộng phước tức là năm đoạn:* 1) Bố thí Phật và tháp, có hai loại hồi hướng tương tự lưu chuyển, một là hồi hướng tương tự dựa theo ruộng phước, như văn khiến cho chúng sinh... cho đến nói đạt được Nhất thiết chủng trí-Vô ngại giải thoát... của các Như Lai; hai là hồi hướng tương tự dựa theo vật đã bố thí, khiến cho chúng sinh thân nhiếp chọn lấy Đại thừa... Trong văn khác cũng có hồi hướng dựa theo tâm bố thí, nghĩa là tâm hoan hỷ bố thí cũng tức là tùy thuận phát khởi hồi hướng... 2) Bố thí hồi hướng Bồ-tát và thiện tri thức; 3) Bố thí hồi hướng Đại chúng Tăng Bảo của chư Phật ba đời; 4) Bố thí hồi hướng Thanh văn-Duyên giác; 5) Bố thí hồi hướng tất cả ruộng phước.

Mười loại đạo của Bồ-tát là Thừa thuộc mười Độ-Hạnh, lại là đạo của Thập Địa.

*Nghĩa về bốn Luân sơ lược đưa ra ba môn:*

**A. Phân rõ về tướng:** Một là Trú chánh quốc Luân, luận Trang Nghiêm quyển thứ sáu nói: “Có bốn loại Luân không phóng dật:

Một, Thắng độ Luân, độ thù thắng có năm nhân duyên: 1) Dễ dàng mong cầu, nghĩa là bốn sự cúng dường thì thân không khó mà có được; 2) Bảo vệ tốt lành, nghĩa là Quốc vương đúng như pháp cho nên người ác và đạo tặc không có thể tồn tại; 3) Nơi chốn tốt lành, nghĩa là xử sở điều hòa cho nên không có dịch bệnh; 4) Bạn bè tốt lành, nghĩa là

giới giống nhau-kiến giống nhau cho nên làm bạn bè; 5) Vắng lặng tốt lành, nghĩa là ban ngày không có ồn ào, ban đêm bất dứt âm thanh.

Hai, Thiện nhân Luân, thiện nhân cũng có đủ năm nhân duyên:

1) Đa văn cho nên thành tựu A-hàm; 2) Kiến đế cho nên đạt được quả Thánh; 3) Khéo léo thuyết giảng cho nên có thể phân biệt các pháp; 4) Xót thương cho nên không tham lợi dưỡng; 5) Không lui sụt cho nên không có mệt mỏi.

Ba, Tự chánh Luân, cũng có đủ năm nhân duyên: 1) Khéo léo duyên với diệu pháp làm duyên; 2) Khéo léo tích tụ phước trí đầy đủ; 3) Khéo léo tu tập Chỉ Quán cho nên các hành tu tập luôn luôn tương ứng; 4) Khéo léo thuyết giảng cho nên không có mong cầu lợi dưỡng; 5) Khéo léo đưa ra pháp bậc Thượng vốn có cho nên cung kính tu tập.

Bốn, Tiên phước Luân, phước trước kia cũng có đủ năm nhân duyên: 1) Đáng vui vốn là do ở trong quốc độ thù thắng làm nhân; 2) Không có hoạn nạn vốn là do gặp được người tốt lành làm nhân; 3) Không bệnh tật; 4) Thiền định; 5) Trí tuệ, ba loại này lấy Tự chánh Luân làm nhân.”

**B. Trừ diệt hoạn nạn**, theo luận Thành Thật nói bốn Luân trừ diệt tám nạn. Trú chánh quốc Luân thì luận ấy gọi là Trú thiện xứ Luân, nghĩa là sinh vào trung tâm đất nước loại trừ năm nạn, đó là ba nẻo ác, Bắc Câu-lô châu và cõi trời Trường Thọ; Y chánh sĩ Luân thì luận ấy gọi là Y thiện nhân Luân, nghĩa là gặp được thời có Phật, loại trừ nạn trước Phật-sau Phật; Bình đẳng nguyện Luân thì luận ấy gọi là Tự phát chánh nguyện, nghĩa là Chánh kiến loại trừ nạn Thế trí biện thông; Bốn công đức Luân thì luận ấy gọi là Túc thực thiện căn, loại trừ nạn đui điếc câm ngọng. Năm loại trước là nạn của nơi chốn xấu ác, loại thứ sáu là nạn của thời gian xấu ác, loại thứ bảy là nạn của nghiệp nhân xấu ác, loại thứ tám là nạn của quả báo xấu ác.

**C. Thành tựu công đức**, trong đó có bốn loại, hai loại đầu là duyên bên ngoài, hai loại sau là nhân bên trong, nghĩa là Nguyện là nhân của trí, Đức là nhân của phước, vô biên tịnh hạnh của Bồ-tát đều nhờ vào nhân duyên này mà đức thành tựu đầy đủ.

Trên đây là cùng dựa theo giáo của Tam thừa để phân rõ. Lại nữa, Chánh quốc là Chân như pháp tánh độ, Chánh độ là Bát-nhã chánh quán, Công đức thí... là năm Độ hạnh, Bốn nguyện của Bồ-tát là mười loại Đại nguyện, đây là dựa theo Chung giáo mà phân rõ. Lại nữa, Chánh quốc tức là Quốc độ hải của mười Phật, Chánh sĩ tức là Chánh báo của mười Phật, Công đức tức là Tánh khởi công đức, Nguyện tức là

Nguyện hải của Phổ Hiền, đây là dựa theo Viên giáo, bởi vì cùng một duyên khởi của Đại pháp giới vô tận.

Bố thí voi-ngựa riêng biệt, hợp lại để hồi hướng.

Trong bố thí giường ghế, đã bố thí trước đây là nói chung về giường ghế như vậy, nay ở đây là pháp tòa mà Thánh Vương an tọa, cho nên không giống nhau.

Ba loại thế gian vốn không thể nào hủy hoại được. Pháp sư Biện giải thích: “Địa tiền là Nguyện lạc thế gian, Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy gọi là Công dụng thế gian, Địa thứ tám đến Đẳng giác là Vô công dụng thế gian, khiến cho có được pháp tòa thù thắng của Phật, ở phần vị của nhân thì ba loại Vô thường của thế gian vốn không thể nào hủy hoại được.” Pháp sư Diễn nói: “Là ba tai họa không hủy hoại được.” Nay giải thích: Bởi vì thích hợp thì không bị ba đời quá khứ-vị lai... làm cho thay đổi hủy hoại ba tướng cũng được, bởi vì là tòa xứng với pháp tánh, kinh nói các pháp Không làm tòa.

Trong 10 loại thứ hai. Bố thí tán che, như Bảo Tích đã cầm tán che Như Lai che khắp ba ngàn thế giới, trình bày về cảnh nhiếp hóa. Lại kinh Bồ Tát Bồ Hạnh nói: “Đức Phật ở tại nước Uất-ti-la, trải qua nóng nực mà đi, có người chặn dê liền dung tâm thanh tịnh bên cỏ làm tán che, đi theo che cho Đức Phật. Đức Phật liền mỉm cười, A-nan thưa hỏi nguyên cớ, Đức Phật nói: Người này lấy cỏ làm tán che mát Ta, trong mười ba kiếp không rơi vào địa ngục, sinh trên cõi trời hay trong loài người thì nhất định có tán che bằng bảy báu, đi theo mà che ở phía trên, sau được xuất gia thành vị Bích-chi Phật.”

Cột cao và cờ phướn kết hợp bố thí, cũng có thể là trên cột cao treo cờ phướn cùng bố thí. Trong kinh Bách Duyên nói: “Lúc Đức Phật xuất thế, có con của vị Trưởng giả tên gọi Ba-đa-ca, vừa sinh ra thì giữa bầu trời có một lá phướn lớn che khắp phía trên kinh thành, đi theo mà che mát. Về sau vị ấy được gặp Đức Phật, xuất gia đạt được quả A-la-hán. A-nan thưa hỏi nguyên cớ, Đức Phật đáp rằng: Xưa kia, sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, dựng tháp bằng bảy báu, lúc ấy có một người ở nơi tháp thiết hội, làm một lá phướn dài treo lên che trên tháp, phát nguyện mà đi. Người ấy trong 91 kiếp không rơi vào đường ác, tùy theo những nơi sinh ra, lá phướn thường che mát phía trên, nay được gặp Ta.”

Mở kho tạng quý báu bố thí, trong đó khiến cho đạt được 16 trí quý báu, theo Tiểu thừa thì tám Nhân-tám Trí là 16. Pháp sư Biện nói: “Địa tiền là bốn Định như Quang Đắc..., Địa thượng là bốn Định như Đại

thừa quang minh..., đều có Tự phần và Thắng tiến là 16, dựa vào đây phát trí là 16 trí quý báu.” Dưới đây giải thích rằng: Tam-muội Chánh thọ cứu cánh thêm rộng là vật báu của trí tuệ. Lại có người giải thích: Phật địa là bốn trí, mỗi trí đều có bốn là 16, bởi vì quả vị tự tại chôn nên có thể dung thông lẫn nhau.

*Trong bố thí đồ vật trang nghiêm, trăm phước đầy đủ tốt đẹp, theo kinh Niết Bàn nói:* “Bồ-tát tu thân, mười thiện như giới bất sát... có năm loại tâm, đó là Hạ-Trung-Thượng-Thượng Trung và Thượng Thượng, cho đến Chánh kiến cũng lại như vậy; 50 tâm này gọi là Sơ phát tâm đầy đủ, cuối cùng thành tựu có 50 tâm, như vậy 100 tâm gọi là trăm phước đầy đủ. Bởi vì trăm phước này cùng thành tựu tốt đẹp như nhau, cho nên nói là trăm phước đầy đủ tốt đẹp mà tự trang nghiêm.”

*Lại theo trong Du-già Quyết Trạch nói:* “Trăm phước hạnh, đó là lìa bỏ mười nghiệp đạo bất thiện, phần ít lìa bỏ sát sinh, cho đến phần ít lìa bỏ tà kiến, là mười hạnh thứ nhất. Phần nhiều lìa bỏ sát sinh, cho đến phần nhiều lìa bỏ tà kiến, gọi là mười hạnh thứ hai. Nếu hoàn toàn lìa bỏ sát sinh, cho đến hoàn toàn lìa bỏ tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ ba. Nếu một thời gian ngắn lìa bỏ sát sinh, cho đến một thời gian ngắn lìa bỏ tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ tư. Nếu một thời gian dài lìa bỏ sát sinh, cho đến một thời gian dài lìa bỏ tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ năm. Nếu suốt đời lìa bỏ sát sinh, cho đến suốt đời lìa bỏ tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ sáu. Nếu tự mình lìa bỏ sát sinh, cho đến tự mình lìa bỏ tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ bảy. Nếu khuyên nhủ người khác không sát sinh, cho đến khuyên nhủ người khác không tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ tám. Nếu tự mình ca ngợi tán thưởng nói về không sát sinh, cho đến tự mình ca ngợi tán thưởng nói về không tà kiến, thì gọi là mười hạnh thứ chín. Nếu thấy người lìa bỏ sát sinh, cho đến thấy người lìa bỏ tà kiến mà vui mừng hoan hỷ, thì gọi là mười hạnh thứ mười.”

Lại theo trong Pháp Hoa Sớ của Pháp sư Triệu, lấy mười thiện làm căn bản, một thiện lấy chín thiện để trang nghiêm gọi là trăm phước, không biết trích ra từ Thánh giáo nào?

Trong bố thí mũ ngọc, dùng bố thí để xông ướp tâm khiến cho càng thành tựu Đại thí thuộc Thắng tiến, cho nên nói là luôn luôn tăng thượng. Nhờ vào ý niệm bố thí này làm cho tuệ sâu xa, thấy Chánh lý trong bố thí, cho nên nói là Tu tuệ. Lại nhờ vào tác ý bố thí khiến cho thành tựu Xả căn, nghĩa là Đại xả đến cuối cùng. Nhờ vào tác ý bố thí khiến cho tuệ hiểu biết rộng rãi. Còn lại tất cả các hạnh trong hồi hướng, làm cho đạt được Vô kiến đánh tướng, là Vô kiến đánh tướng

trong 32 tướng của Đức Phật, vốn là biểu thị cho Đức Phật thù thắng vượt ra lại không có gì hơn được. Mũ vật báu Ma-ni, như mũ cõi trời đội trên đầu của Văn-thù Sư-lợi, là do vật báu Tỳ Lăng-già mà làm thành, do Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm mà khởi lên, trong đó thường hiện rõ vô lượng cõi Phật và thân chư Phật cứu giúp nỗi khổ của ngục tù. Như Bồ-tát Đại Bi..., là những Bồ-tát này chủ yếu ngay môn này, ở tất cả mọi nơi-tất cả mọi lúc, thường xuyên thực hành hạnh này. Còn lại các môn sau đã dẫn ra Bồ-tát cũng đều như vậy.

Thân thay thế cho tử tù, là xả bỏ thân mạng này, so với bố thí tài vật trước đây thật là cao siêu. Như trong kinh Bồ Tát Bản Hạnh: “Quá khứ có 500 vị Trưởng giả, đều đưa ra châu báu-voi ngựa-xe cộ-áo quần-chăn màn-đồ ăn thức uống, hễ ai đến xin thì đều giúp cho. Có một người nghèo khó thấy vậy mà hỏi rằng: Các ông bố thí phước cầu nguyện như thế nào? Đáp: Muốn cầu Phật đạo. Lại hỏi: Phật đạo là gì? Đáp: Trong đó ca ngợi nhiều về công đức của Đức Phật. Người nghèo nghe rồi tự nghĩ: Nay mình muốn học tập nguyện này rộng độ tất cả, lại còn nghèo khó không có tiền của để thực hành bố thí, trước mắt đem thân mình mà dùng để bố thí. Nghĩ xong lấy mật thoa lên thân thể nằm ở giữa bãi tha ma, nói rằng: Nay tôi đem thân bố thí cho tất cả, nếu cần máu-thịt-da-đầu-mắt-tủy-não thì đều đem cho hết, đem công đức này để cầu Phật đạo rộng độ tất cả. Phát ra lời nguyện này rồi, lập tức ba ngàn Đại thiên thế giới đã chấn động dữ dội, chư Thiên kinh hoàng, Đế Thích dung Thiên nhân trông thấy Bồ-tát nằm giữa bãi tha ma dùng thân để bố thí, bước xuống muốn thử xem, hóa làm nhiều chim-chó-thú vật, đi đến muốn ăn thịt. Bồ-tát thấy có loài muốn đến ăn thịt mình, tâm liền hoan hỷ, không có ý dao động thay đổi lui sụt. Đế Thích hiện nguyên hình, ca ngợi hỏi về điều mong cầu, là cầu Luân Vương hay Đế Thích-Phạm Vương? Đáp rằng: Không phải như vậy, chỉ cầu Phật đạo rộng độ chúng sinh. Đế Thích và chư Thiên cùng nhau ca ngợi: Tốt lành thay lời nói của Bồ-tát, lời nói dũng mãnh này của ngài vượt qua sự bố thí của 500 Bồ-tát kia gấp trăm ngàn ức, gấp bội không thể tính kể, sẽ làm Phật trước hết. Người nghèo khó lúc ấy nay chính là Ta, 500 vị Trưởng giả nay chính là 500 Bồ-tát như Di Lặc... này. Ta nhờ vào sức mạnh tinh tiến dũng mãnh, cho nên vượt qua công đức của các Bồ-tát đã thực hiện mà thành Phật trước hết.”

*Bố thí tóc liền với da đầu và viên ngọc quý trong búi tóc, có hai sự việc:* 1) Cắt lột da đầu liền với tóc mà bố thí; 2) Theo chủng tộc cao quý ở các nước phía Tây, đều vào lúc mới sinh ra, lấy dao mổ da đầu đặt

vào bên trong một hạt ngọc thần, phủ thuốc dán kín rồi hạt ngọc còn ở trong da, nay có người xin cầm dao mổ ra để bố thí. Tiếng Phạn là Chu La, Trung Hoa nói là Đảnh Phát.

*Trong 10 loại thứ ba. Bố thí mắt, theo Du-già quyển thứ 49: “Bồ-tát nội thí có hai:*

1) Cầu toàn bộ thân thể của Bồ-tát thì dùng thân thể bố thí mà làm tội lỗi, có ba ý: a) Vì nhanh chóng chứng được Bồ-đề; b) Vì lợi ích an lạc cho chúng sinh; c) Vì bố thí Ba-la-mật phần nhiều mau chóng viên mãn.

2) Cầu riêng biệt đầu-mắt-tay-chân-máu-thịt-gân-xương cho đến tủy não, tất cả đều bố thí tùy theo sự mong muốn ấy. Lại trong Trí Luận quyển thứ 14, Xá-lợi-phất trong 60 kiếp thực hành Bồ-tát đạo, sắp vượt qua dòng sông bố thí, gặp người xin đòi mắt, lui sụt mà không đến được bờ bên kia. Trong hồi hướng khiến cho chúng sinh được mười loại mắt. Lại như xâu kim cho người khác nêu rõ đạo, đều là dụng của bố thí mắt, cũng nên hồi hướng như vậy, dần dần về sau có thể xả bỏ toàn bộ.

Bố thí tai-mũi, dụng cũng dựa theo thích hợp như nhau.

*Diện môn, có người giải thích là miệng. Quang Thống nói: Phần dưới mũi là trụ làm diện môn, lẽ nào lấy mũi bố thí mà cảm được miệng đoan chánh hay sao?*

*Trong bố thí răng. Tượng Vương, như kinh Thập Luân nói: Lại trong Trí Luận quyển thứ 14 nói: “Như voi chúa bố thí ngà là Pháp thân Bồ-tát.” Lại dẫn ra Pháp thân Bồ-tát biến thân làm chim cùng với khỉ vượn và voi làm bạn thân thiết giữ lòng nhân ái cung kính để hóa độ con người và thú vật...*

Trong bố thí lưỡi cũng có dụng của bố thí.

*Trong bố thí đầu, kinh Bồ Tát Bốn Hạnh nói: “Nguyệt Quang Vương muốn bố thí đầu cho Bà-la-môn, các quan can ngăn nhà vua: Thân nhà vua là tất cả mọi người chúng tôi cùng có, như một báu vật tuyệt diệu mọi người cùng có, lẽ nào có thể một người tự mình sử dụng hay sao? Nhà vua nói với Bà-la-môn: Sao ông không lấy ở nơi kín đáo, nay ông rời xa một chút, để tôi an ủi các quan. Nhà vua nói với các quan rằng: Người này đối với Ta có thù oán từ đời trước, nay nếu không đền trả thì vẫn còn mãi về sau đến bao giờ hết được? Rời xa các quan, gọi Bà-la-môn nói: Ông vào trong rừng đợi tôi. Sau đó đến nơi khiến người ấy chặt lấy đầu mình. Người ấy liền lấy tóc nhà vua buộc vào cành cây, đưa dao mà chặt đầu, nhưng chặt lằm vào cành cây. Bà-la-môn nói là đã chặt rồi, liền sinh lòng hoan hỷ. Bởi vì lực của chư Thiên không để*



cho thấy đầu-thân của nhà vua... Thần cây quả trách Bà-la-môn. Bà-la-môn cho rằng thật sự chặt đứt đầu oán thù, tâm được cởi bỏ liền quay trở về.”

Tay và chân cùng bố thí. Hỏi: Nếu Bồ-tát bố thí từng bộ phận của thân..., thì vì tất cả cầu xin mà đều bố thí, hay là có lúc không bố thí? Đáp: Du-già quyển thứ 39 nói: “Nếu các Bồ-tát ý thích thanh tịnh đối với thực hành bố thí, thấy có vô lượng sự việc lợi ích cho chúng sinh đang hiện rõ ở trước mắt, giả sử có người đến cầu xin từng bộ phận của thân thể, thì không nên bố thí. Bồ-tát ấy bởi vì khiến cho ý thích đối với bố thí được thanh tịnh, cần phải xả bỏ sự việc lợi ích chúng sinh hiện rõ trước mắt mà bố thí từng bộ phận của thân thể. Nếu như chúng Thiên ma và chúng sinh do ma sai khiến, đến cầu xin từng bộ phận của thân thể Bồ-tát, thì không nên bố thí, bởi vì tâm ác của ma ấy sợ rằng người ấy sẽ chuốc lấy tội lỗi phẩm Thượng. Có người ngu si điên cuồng, đến cầu xin từng bộ phận của thân thể Bồ-tát, thì không nên bố thí, bởi vì người ấy không trú trong tâm thuộc tự tánh, vốn không vì ý nghĩa lợi ích mà cầu xin, tâm người ấy điên cuồng tán loạn vốn không tự tại, có-không đủ loại lời lẽ nói năng phù phiếm hư vọng, vì vậy không nên bố thí từng bộ phận của thân thể. Trừ ra những loại đã nói trên đây, thì hễ đến cầu xin từng bộ phận của thân thể Bồ-tát, tùy theo mong muốn ấy thấy đều bố thí, đó gọi là Bồ-tát nên bố thí và không bố thí đối với bên trong.

Hủy hoại thân chảy máu và tủy não-da thịt cùng bố thí. Trong Trí Luận quyển thứ 14 nói: “Thái tử Nguyệt Quang ra khỏi thành thấy người mắc bệnh hủi, hỏi người chữa bệnh rằng: Có thể chữa trị hay không? Người chữa bệnh nói: Có thể chữa trị, nhưng thuốc khó có được, đó là phải dùng máu tủy của người từ khi sinh ra đến nay không nổi giận, hòa với thuốc xoa vào thì lành bệnh. Bồ-tát tự nhớ lại, từ khi sinh ra đến nay không thấy mình có nổi giận, liền lấy máu tủy của mình để cứu giúp người ấy khiến cho lành bệnh, nguyện đạt được Pháp thân chữa lành bệnh của tâm. Bố thí thịt này là thứ 40.

Trong ngũ tạng, tim riêng biệt, bốn tạng là ruột-thận-gan-phổi cùng chung bố thí.

**Lại trong Trí Luận quyển thứ 14:** “Thí có ba loại: Bố thí đồ ăn thức uống... là bố thí bậc Hạ, bố thí áo quần châu báu... là bố thí bậc Trung, bố thí đầu-mắt-ngũ tạng... là bố thí bậc Thượng.” Mở rộng dẫn ra Bốn hạnh của Phật Thích-ca, ba sự bố thí này như luận ấy nói.

Từng bộ phận của thân thể và các long xương cùng chung bố thí.

*Bố thí da, trong Trí Luận quyển thứ 16:* “Như rồng độc thọ giới một ngày một đêm, bị lột da năm màu, nén chịu đựng để mà bố thí.” Lại Kim Cang Hiếp Lộc Vương, trong kinh Bồ Tát Bốn Duyên Tập quyển thứ tư: “Bồ-tát ở đời quá khứ rơi vào trong loài súc sinh mà làm thân Nai, hai bên sườn màu vàng ròng, sống lưng tựa như Lưu ly, phần thân còn lại nhiều màu xen lẫn, chủng loại khác nhau khó mà gọi tên, mắt cá chân như Xa cừ, sừng như Kim tinh, thân hình trang nghiêm như kho tạng bảy báu, thân sắc sáng rực như mặt trời mới mọc, mà làm nhiều lợi ích cho các đàn nai. Ở bên dòng sông lớn chảy xiết, trông thấy người sắp chết chìm, liền lao xuống cứu người ấy. Người ấy được cứu giúp sau đó liền bội ân, trình với nhà vua dẫn quân lính đến muốn giết nai lấy bộ da. Dẫn nhà vua và quân lính đến chỗ của nai, đưa tay chỉ ra thì hai cánh tay cùng rơi xuống. Nhà vua biết bội ân liền phát tâm lễ lạy nai sám hối lỗi lầm mà đi.” Rộng ra như trong kinh ấy nói.

Trong bố thí ngón tay-ngón chân, như có người luyện tập ngón tay để cúng dường... cũng là loại ấy.

Trong 10 loại thứ năm. Bố thí móng dính liền với thịt, cũng là cầu pháp mà bố thí.

Vì pháp mà lao mình vào trong hầm lửa bảy Nhẫn, một Nhẫn là bảy thước, 7 lần 7 là hầm lửa 49 thước.

Vì pháp mà nhận chịu khổ đau như vua Dũng Kiện, trong kinh Bồ Tát Bốn Hạnh nói: “Quá khứ có vị vua tên gọi Xứ-xà-na-di-lê, cất thân làm ngàn ngọn đèn để cầu một bài kệ. Sau nhân Đế Thích hỏi mà lập thế nêu tâm, liền trở lại bình phục. Mong cầu một bài kệ nói rằng: Thường thì đều không còn, cao thì cũng rơi xuống, hội tụ có chia li, sinh ra thì có chết. Nhà vua nghe kệ vui mừng quên hết mọi khổ đau, truyền lệnh tất cả mọi người trong nước đều ghi chép học thuộc bài kệ ấy v.v...”

Vì pháp mà rời bỏ đất nước..., như phẩm Đề-bà-đạt-đa trong kinh Pháp Hoa nói...

Khuyên dạy chấm dứt giết hại... là Vô úy thí.

Dùng mạng sống của mình để bố thí, cho nên vượt qua tất cả. Trí Luận nói điều mà thế gian quý trọng, tất cả chỉ có mạng sống của mình, bởi vì không có gì giá trị hơn mạng sống.

Năm giới... hướng về chủ động giết hại là Pháp thí, hướng về thụ động giết hại là Vô úy thí. Ba loại giới là ba Tụ giới như Luật nghi...

Cứu giúp nỗi khổ hủy bỏ hình thể cũng là Vô úy thí. Trong luận Câu Xá có sự việc của người Hoàng môn cứu 500 con trâu hủy bỏ hình



thể, nhờ vào lực của thiện căn này, cho nên hình thể người nam đầy đủ. Đó là hiện báo. Chữ Tứ trong văn là nghĩa về phóng túng. Đầy đủ Vô thượng Trưởng phu Chánh pháp, theo kinh Niết Bàn: “Đừng hỏi nam hay nữ, đầy đủ nghĩa về bốn tướng thì gọi là Trưởng phu, đó là tự mình ngay thẳng, ngay thẳng với người khác, có thể tùy theo hỏi mà đáp, khéo léo giải thích về nghĩa của nhân duyên. Nếu không có đủ nghĩa về bốn loại tướng này, thì tuy nói là người nam mà không gọi là Trưởng phu. Nữ bởi vì ngược lại với trên vẫn gọi là Trưởng phu.” Lại nói: “Tuy là người nữ mà có thể tin tự mình có Phật tánh thì tức là Trưởng phu. Nếu có người nam không biết tự mình có Phật tánh, thì Ta nói người ấy giống như là người nữ.”

Lại nói về bảy Trưởng phu-Thú thì có bốn thuyết:

**A. Dựa vào thế gian**, theo trong luận Du-già: “Trưởng phu có bảy nghĩa: 1) Thọ mạng dài sống lâu; 2) Sắc tướng tuyệt vời đoan nghiêm; 3) Không có bệnh tật ít phiền muộn; 4) Không phải là tội tử, không phải là người nữ, không phải là bán nam-bán nữ; 5) Trí tuệ mạnh mẽ sắc bén; 6) Phát ra lời nói uy thế nghiêm túc; 7) Có sự nghiệp to lớn chính đáng. Có đủ bảy pháp này gọi là Trưởng phu, cũng vốn là có hướng đến.”

**B. Dựa vào Tiểu thừa** cũng có bảy Trưởng phu, tức là bảy Hiền Thánh: 1) Tùy tín hành; 2) Tùy pháp hành; 3) Tín giải thoát; 4) Kiến đạo; 5) Thân chứng; 6) Tuệ giải thoát; 7) Câu giải thoát. Tin theo người khác mà được độ gọi là Tín hành, không tin theo người khác gọi là Pháp hành, ba quả thuộc Độn căn là do Tùy tín hành mà đạt được. Tin chắc quả lìa xa ràng buộc gọi là Tín giải thoát, ba quả thuộc Lợi căn là do Tùy pháp hành mà đạt được, cho nên gọi là Kiến đạo. Diệt tận Chánh thọ là pháp tựa như Niết-bàn kết hợp với thân, cho nên gọi là Thân chứng. Chướng có hai loại, một là Phiền não chướng, hai là Giải thoát chướng, chỉ lìa xa phiền não chướng gọi là Tuệ giải thoát, hai chướng đều loại trừ gọi là Câu giải thoát.

**C. Dựa vào Đại thừa** thì Du-già có bảy Địa, cũng là nơi mà bảy Hiền Thánh-Trưởng phu thường xuyên qua lại, cho nên gọi là hướng đến (Thú): 1) Chủng tánh địa; 2) Thắng giải hạnh địa; 3) Tịnh thắng ý lạc địa; 4) Hành chánh hạnh địa; 5) Quyết định địa; 6) Quyết định hạnh địa; 7) Đáo cứu cánh địa. Hai loại đầu là Địa tiền, một loại tiếp là Địa thứ nhất, một loại tiếp là từ Địa thứ hai đến Địa thứ bảy, một loại tiếp là Địa thứ tám, một loại tiếp là Địa thứ chín, loại cuối cùng là Địa thứ mười và Phật địa nói kết hợp, bởi vì nhân quả đều cứu cánh.

**D. Dựa vào kinh Anh Lạc-Bốn Nghiệp...** cũng có bảy phần vị: 1) Thập Tín; 2) Thập Trú; 3) Thập Hạnh; 4) Thập Hội Hương; 5) Thập Địa; 6) Đẳng Giác; 7) Diệu Giác.

Ca ngợi Đức Phật xuất thế là Pháp thí, như Đồng tử Phổ Trang Nghiêm ca ngợi Đức Phật tiếng kê phát ra vang khắp thế giới trước đây. Lại như trong kinh Bi Hoa: “Thích-ca xưa kia thực hành hạnh Bồ-tát Đại Bi, đi khắp các nước lớn tiếng dạy rằng: Như Lai xuất thế, Như Lai xuất thế là rất khó gặp được...”

Trong bố thí đất đai, Như Lai và tháp, Bồ-tát tri thức cùng cha mẹ đều là Ân điền cũng là Kính điền, Thánh Tăng Nhị thừa là Đức điền cũng là Kính điền, còn lại người ăn xin là người nghèo khó... là Bi điền cũng là Khổ điền, như vậy đều có thể sinh ra phước cho nên gọi là Phước điền, từ Dụ làm tên gọi. Lại có bốn câu: Tự nhiên có là Kính mà không phải là Bi, như Đức Phật...; tự nhiên có là Bi mà không phải là Kính, như chúng sinh nghèo khổ...; tự nhiên có cũng là Bi mà cũng là Kính, như La-hán nghèo khó bệnh tật...; tự nhiên có không phải là Bi cũng không phải là Kính, trừ ra những loại trên đây đã nói.

**Trí Luận quyển thứ 14 nói:** “1) Thương xót mà bố thí, nghĩa là đối với người nghèo khó hèn hạ và các súc sinh; 2) Cung kính mà bố thí, nghĩa là đối với Đức Phật và Pháp thân Bồ-tát...; 3) Thương xót và cung kính mà bố thí, nghĩa là đối với người già yếu-bệnh tật-nghèo khó và A-la-hán, Bích-chi Phật...”

Hỏi: Bi điền và Kính điền, loại nào là hơn hẳn?

Đáp: Có ba nghĩa: 1) Nếu dựa theo cảnh là cứu giúp nỗi khổ hiện tại của họ, dựa theo tâm là tăng thêm hạnh Đại Bi làm căn bản của hạnh Lợi tha, thì Bi điền là hơn hẳn, vì vậy trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Thậm chí chúng sinh cúng dường Phật Bồ-tát Thanh văn, không bằng người bố thí cho súc sinh một chút đồ ăn thức uống...” 2) Nếu dựa theo cảnh thì ân sâu đức dày, dựa theo tâm thì tiếp nhận giáo pháp-tăng thêm trí tuệ làm nguồn gốc của hạnh Tự lợi, thì Kính điền là hơn hẳn, vì vậy trong kinh Giáo Lượng Công Đức nói: “Bố thí súc sinh so sánh đạt được gấp trăm lần...” Lại trong kinh Thâm Hy Hữu nói: “Dùng bảy báu... cung cấp đầy khắp bốn châu, cúng dường Thánh nhân bốn quả và sau khi diệt độ xây tháp rất nhiều, không bằng công đức làm ra tháp Phật như hạt thóc..., thậm chí toán số thí dụ cũng không sánh bằng...” Lại trong kinh Đại Phẩm: “Thiên Đế nói: Ta không phải là không muốn cúng dường xá-lợi, nhưng xá-lợi từ trong Bát-nhã sinh ra, cho nên thà rằng cúng dường Bát-nhã.” 3) Nếu dựa theo Tự lợi-Lợi

tha ngang nhau, Bi-Trí cùng nêu ra, thì Bi điền và Kính điền bình đẳng, như kinh Tịnh Danh nói: “Một phần cúng dường Như Lai khó hơn được một phần bố thí người ăn xin thấp nhất, giống như tướng đến phước điền của Như Lai không có gì phân biệt, chẳng khác gì Đại Bi.” Là nói đến nghĩa này.

Hỏi: Cùng là trong Kính điền, như Ân điền của cha mẹ và Đức điền của Thánh Tăng thì hơn kém thế nào?

Đáp: Như kinh Giáo Lượng Công Đức cho đến nói: “Cúng dường trăm vị La-hán, không bằng cung dường cha mẹ một đời của mình.” Lại trong kinh A-hàm nói: “Công đức cung dường cha mẹ cùng với công đức cúng dường Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ bằng nhau.”

Hỏi: Cùng là Ân điền, Sư Tăng và Phụ Mẫu hơn kém thế nào?

Đáp: Kinh Xá Lợi Phát Vấn nói: “Người tại gia thì lớn nhất là ân cha mẹ, tiếp đến là ân Sư Tăng; người xuất gia thì lớn nhất là ân Sư Tăng, tiếp đến là ân cha mẹ. Bởi vì Sư đối với tại gia thì năng lực giảng dạy kém hơn, xuất gia thì trái lại với điều này. Lại bởi vì Sư Tăng sinh ra và nuôi dưỡng Pháp thân, Pháp thân thì nhiều kiếp không cùng tận; cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng thân này, ân sinh ra thân này chỉ đến bảy đời.”

Hỏi: Cùng là Đức điền, cúng dường riêng biệt và Đại chúng hơn kém thế nào?

Đáp: Như kinh Phạm Võng nói: “Biệt thỉnh 500 vị La-hán không bằng thỉnh một phạm phu Tăng theo thứ tự của chúng Tăng.”

Hỏi: Bố thí có ba sự việc, một là Điền, hai là Vật, ba là Tâm. Ba loại này hơn kém thế nào?

Đáp: Có bốn câu: 1) Tự mình có Điền thua kém mà Tâm... hơn hẳn, như vua Kế-ni-tra lễ lạy ca ngời tháp của Ni-kiền-tử, thì tháp ấy lập tức sụp đổ. 2) Điền hơn hẳn mà Tâm và Vật thua kém, như Đồng tử chơi đùa cúng dường đất vào trong bát của Đức Phật, lúc ấy vốn là Tâm nhẹ nhàng, do Điền hơn hẳn cho nên được làm Thiết Luân Vương. 3) Điền và Tâm hơn hẳn mà Vật thua kém, như trong Trí Luận quyển thứ chín: “Người tố già đem nước rửa bát dâng cúng Đức Phật, cảm được 15 lần thọ phước trời-người, sau đạt được quả vị Bích-chi Phật, có người nghi ngờ Đức Phật đã vọng ngữ, Đức Phật dùng lưỡi che kín mặt để quyết định mối nghi ngờ ấy rằng: Khiến cho Ni-cầu-tử nhỏ sinh ra cây lớn...” 4) Ba sự đều hơn hẳn, như Long Nữ dâng cúng ngọc châu quý báu mau chóng thành Phật... Nay trong này Bồ-tát phát tâm bố thí thì Bi-Trí sánh bằng hư không, phân rõ về chủng loại sự việc của Vật

bố thí thì cùng tận pháp giới, nêu ra Điền bố thí thì phạm Thánh khắp nơi mười phương. Vì vậy trong này tánh của ba sự việc đều sâu thẳm không có đáy, ba sự việc đặc biệt thù thắng không gì sánh được, ba sự việc rộng lớn không có bến bờ, ba sự việc dung hòa với nhau đều không ngăn ngại.

**Lại trong luận Câu Xá:** “Hỏi: Cúng dường tháp xá-lợi, trong này không có chủ động thọ dụng thì tại sao thành phước? Đáp: Phước nghiệp có hai loại: 1) Xả bỏ làm chủng loại, nếu do xả bỏ vật thì phước nghiệp này được phát sinh; 2) Thọ dụng làm chủng loại, nếu do thọ dụng mà xả bỏ vật thì phước nghiệp này phát sinh. Nếu cúng dường xá-lợi thì có phước thuộc chủng loại xả bỏ, không có phước thuộc chủng loại thọ dụng, chủng loại là nghĩa về nhân.

Hỏi: Nếu không thọ dụng thì tại sao có phước?

Đáp: Nếu phước chủ yếu do Lợi tha mà có thể thành tựu phước, thì tu Tam-muội Từ tâm và Chánh kiến..., lẽ ra đều không có phước. Như trong quán về Từ tâm..., tuy không có chủ động thọ dụng và lợi ích cho người khác mà có vô lượng phước phát sinh, từ tự tâm khởi lên.”

Nay trong văn này, trước thì cúng dường Phật, tạo dựng điện thờ phòng ốc, thọ dụng phát sinh phước; sau cúng dường tháp là xả bỏ phát sinh phước. Xá-lợi, chánh âm gọi là Thiết-lợi-la, Trung Hoa nói là Thân, gọi là hoặc thân toàn vẹn, hoặc thân vỡ vụn của Như Lai. Tháp, chánh âm là Túy-đổ-ba, nhâm gọi là Thâu-bà, lại nhâm gọi tắt là Tháp; Trung Hoa phiên dịch là nơi Quy Tông. Dựa vào kinh Trường A-hàm: “Bốn người nên dựng tháp, một là Đức Phật, hai là Bích-chi, ba là Thanh văn, bốn là Luân Vương.”

**Tam tạng Chân Đế dẫn ra kinh Thập Nhị Nhân Duyên:** “Tám người nên dựng tháp: 1) Như Lai, Lộ bàn tám tầng trở lên, là tháp Phật; 2) Bồ-tát bảy Lộ bàn; 3) Duyên giác sáu Lộ bàn; 4) A-la-hán năm Lộ bàn; 5) A-na-hàm bốn Lộ bàn; 6) Tư-đà-hàm ba Lộ bàn; 7) Tu-đà-hoàn hai Lộ bàn; 8) Luân Vương một Lộ bàn, nếu thấy không được lễ lạy bởi vì không phải là tháp bạc Thánh.”

**Lại dựa vào luật Tăng-kỳ:** “Có phạm Tăng cũng dựng tháp, đó là Pháp sư trì luật, Tỳ-kheo quản lý công việc, Tỳ-kheo đạo đức và danh vọng nên xây tháp. Đã không phải là Thánh nhân thì toàn bộ không có Lộ bàn, nhưng làm ở nơi ngăn che, nếu làm trái thì mắc tội.” Dựa theo những văn này, nay mới có người vì Thầy mà làm tháp rộng lớn, dựng lên Lộ bàn, không riêng gì người còn sống mang tội, mà cũng làm liên lụy đến Tiên vong của họ, rất đáng thương xót!

*Lại nói chung về tạo tháp có sáu ý:* 1) Vì biểu thị cho người hơn hẳn; 2) Vì làm cho người khác phát sinh niềm tin thanh tịnh; 3) Khiến cho nêu rõ tâm có tồn tại; 4) Khiến cho cúng dường sinh ra phước; 5) Vì hạnh báo ân đến cùng; 6) Sinh phước diệt tội.

Hỏi: Như tạo tháp Phật cảm được bao nhiêu phước?

Đáp: Có hai:

1) Gần thì cảm được phước cõi Phạm, dựa vào trong luận Câu Xá nói: “Cảm được phước cõi Phạm có bảy loại: a) Nơi này chưa tạo tháp (Chi-đề) thì ở trong đó mà làm; b) Xây dựng Tăng-già-lam; c) Tăng đã phân tán có thể hòa hợp; d) Tu bốn Vô lượng tâm; e) Hy sinh mạng sống thay cho cha mẹ; 6-Tự mình xuất gia khuyên dạy người khác xuất gia; f) Kiến lập pháp tràng. Nếu người từ trong bảy nghiệp trên đây, tùy theo thực hiện một nghiệp, như Phạm Quang Hành Thiên thọ báo vui sướng một kiếp. Lượng phước của cõi Phạm ấy, dùng cộng nghiệp của các chúng sinh cảm đến nghiệp của một Tam thiên Đại thiên thế giới làm lượng của một phước cõi Phạm.”

2) Xa thì tận cùng giới hạn của khổ được thoát khỏi sinh tử, vì vậy trong kinh Vô Thượng Y nói: “Cúng dường Xá-lợi của Phật nhỏ như hạt cải..., đều được cứu cánh thoát khỏi nỗi khổ sinh tử.” Kinh Đại Bi cũng nói như vậy.

Bố thí trẻ nhỏ sai bảo để làm thay mọi việc, lại xả bỏ tự mình để làm tội lỗi cho người, đây là 10 loại thứ sáu, là Đồng sự nhiếp. Chính là dùng thân mình làm tán che-làm bóng mát, che kín Như Lai thành tựu hiếu hạnh cúng dường. Lại chính mình làm tội lỗi bố thí chúng sinh, là tự mình chịu thay vất vả mệt nhọc. Lại dùng thân mình làm người hầu hạ cho chư Phật, là hạnh báo ân...

Bố thí đất nước và ngôi vua. Hỏi: Nếu như có người ác cầu xin ngôi vua này muốn nào hại chúng sinh, thì lẽ nào có thể bố thí hay sao? Đáp: Bồ-tát thấy điều này cũng không bố thí. Như Du-già quyển thứ 49 nói: “Nếu có người hành nghiệp tàn ác, bức bách nào hại chúng sinh thuộc phẩm Thượng, đến cầu xin ngôi vua thì hoàn toàn không bố thí.”

Bố thí khu thành rộng lớn tô điểm trang nghiêm, là trước đây bố thí tất cả đất nước, văn này thì bố thí riêng biệt nơi sinh hoạt của nhà vua, bởi vì tự nghĩ là khu thành rộng lớn khác với những khu thành nhỏ còn lại.

Người nữ quý báu tức là người hầu, không phải là hai vật này cùng bố thí.

Hỏi: Những người nữ quý báu này là Hóa hiện, hay là Thật

báo?

Đáp: Là Thật báo, kinh nói đều là quả báo thuộc nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát mà dùng để bố thí. Lại về sau trong phẩm Pháp Giới nói đều là xưa kia cùng chung thiện căn mà nguyện cầu, như người nữ Diệu Đức..., cho nên nói nếu có thể nhận làm quyến thuộc thì tôi bằng lòng nhận chịu nỗi khổ này. Lại như người nữ bán hoa..., cho nên bố thí đều không sinh lòng phiền muộn.

Hỏi: Trong luận Du-già nói: “Nếu có chúng sinh đến cầu xin các loại đồ vật đã bố thí mà có thể dẫn đến vui chơi, có thể dẫn đến vô nghĩa, thì không nên bố thí.” Nay người nữ quý báu này đã phát sinh tham nhiễm của họ thì tại sao bố thí?

Đáp: Trong này vốn có ba nghĩa, vì vậy mà bố thí: 1. Bồ-tát quán xét người đó có lợi ích mà không có tham nhiễm thì mới bố thí, nếu có lỗi của tham nhiễm thì không bố thí; 2. Người nữ này đã thật sự là quyến thuộc cùng hạnh với Bồ-tát, vì vậy không khiến cho người trước mặt sinh tâm tham nhiễm; 3. Người nữ này có thể dùng pháp môn có lợi ích cho người ấy, vì vậy mà bố thí. Nếu trái với ba nghĩa trên đây thì không nên bố thí.

**Trong Nhiếp Luận nói:** “Có lợi ích cũng có nhiễm ô, không có lợi ích cũng không có nhiễm ô, có nhiễm ô mà không có lợi ích, ba loại này Bồ-tát không thực hành; có lợi ích mà không có nhiễm ô thì Bồ-tát mới thực hành.” Luận Du-già dựa theo ba loại trước, văn này dựa vào một loại sau, cho nên không trái với nhau.

Bố thí vợ con trai gái, sự việc này cũng hợp lại mà nói. Như Tu-đạt-noa, Trung Hoa nói là Thiện Ái, hoặc nói là Hảo Ái, như kinh Thái Tử nói đầy đủ về bố thí vợ con... Hiện Trang Nghiêm Vương, tức là trong kinh Đại Vương Trang Nghiêm nói về bố thí vợ con...

**Lại trong kinh Bồ Tát Bản Duyên nói:** “Vương tử Nhất Thiết Thí, bố thí voi chiến hùng mạnh nhất của nhà vua cho người ở nước đối địch, nhà vua và các quan cùng nổi giận đuổi Vương tử vào núi Tuyết. Trong núi bố thí hai người con rồi, Thiên Đế hóa thân đến, đi theo cầu xin người vợ được rồi vẫn nương nhờ Vương tử. Sau lại cầu xin đôi mắt, Vương tử sắp móc ra, người cầu xin ngăn lại nói rằng: Tạm thời vẫn giữ nơi ông, tôi cần đến thì lấy, ông lại không được bố thí cho người khác. Vương tử nói: Nay tôi đâu có thể tiếp nhận hai vật nương nhờ...” Rộng ra như kinh ấy nói.

Hỏi: Trong này vợ con đã bố thí... là Thật báo hay là Hóa hiện, và người cầu xin ấy cũng là Thật báo hay cũng là Hóa hiện?



Đáp: Điều này có ba nghĩa:

1) Dựa theo Thượng phẩm, đều là Thật mà bố thí. Như: “Vương tử Nhất Thiết Thí, bố thí con cho Bà-la-môn, Bà-la-môn đánh đập dẫn đi, đến dưới một tán gốc cây lại muốn đánh đập, thần cây đưa tay định ngăn Bà-la-môn, Bà-la-môn lập tức ngã nhào. Thần muốn đoạn mạng người ấy, giành lấy Vương tử đưa trở về. Vương tử thưa với thần: Xin đừng làm hại người này, nếu tôi trở về lại sẽ khiến cho Phụ vương tôi thực hành bố thí không đầy đủ, thì trở thành con bất hiếu. Thần liền tha cho người ấy.” Giải thích rằng: Dựa theo đây thì vợ con cũng là người cùng tu Bồ-tát hạnh, thân mạng của mình hãy còn tự xả bỏ, lẽ nào có tránh né khổ đau mà lui sụt hay sao?

2) Dựa theo Trung phẩm, cũng có Thật-Hóa cũng thực hành bố thí. Như kinh Hiền Ngu nói: “Xưa kia Phật làm vua, có Tỳ Sa-môn hóa làm Dạ-xoa đi theo vua cầu xin vợ con để ăn. Ăn xong vì vua mà nói kệ rằng: Tất cả các hành là vô thường, sinh ra thì đều có khổ đau, năm ấm trống rỗng không có tướng, không hề có ngã và ngã sở. Nói kệ này rồi trở lại hình dáng vốn có, vợ con hãy còn tồn tại.” Đây thì vợ con là Thật, người cầu xin là Hóa. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Bồ-tát phần nhiều là trú trong Giải thoát bất tư nghị, vì điều phục luyện tập cho Bồ-tát nhỏ khác làm tăng thêm hành vị của họ, mà hóa làm người cầu xin này. Muốn phá hết ái niệm về vợ con của Bồ-tát này, cho nên ở trước mặt họ thị hiện ăn thịt vợ con của họ.” Lại trong Nhiếp luận nói: “Vua Tỳ-tuần-đà bố thí con cho Bà-la-môn, là sự việc bức bách nào hại người khác, người con này là Hóa hiện, cho nên không có gì nào hại.” Giải thích rằng: Ở đây người cầu xin là Thật, người con là Hóa. Bởi vì Bồ-tát phương tiện mà làm mãn nguyện của Bà-la-môn, khiến cho tâm oán thù không còn, cho nên Hóa hiện như vậy. Lại như Bồ-tát hóa làm nữ sắc, bố thí cho người tham ái để điều phục khiến cho họ lìa bỏ các dục...

3) Dựa theo Hạ phẩm, đều là Thật không bố thí. Trong luận Du-già quyển thứ 39: “Bồ-tát đối với vợ con-tôi tứ-thân thích-quyến thuộc của mình, nếu như không dùng lời lẽ chính đáng nói cho biết trước khiến họ hoan hỷ, thì cuối cùng không cưỡng bức làm cho họ ưu sầu phiền muộn, mà bố thí cho người đến cầu xin. Tuy là trước phải dùng lời lẽ oán giận nói cho biết rõ, khiến họ hoan hỷ sinh tâm vui thích, mà không bố thí cho kẻ làm điều hung bạo như kẻ thù, bạn ác, Dực-xoa, La-sát. Không bởi vì hình thể và dung mạo yếu đuối-dòng họ-trai gái của vợ con, bố thí cho người đến cầu xin để làm tội tở.” Giải thích rằng: Đây là dựa vào sơ tâm của căn cơ yếu đuối mà nói. Vả lại, nếu cả hai

đều là Hóa hiện thì không có ý nghĩa lợi ích lẫn nhau, cho nên không có câu này.

Bố thí nhà cửa khiến cho mọi người vui mừng có được chỗ ở.

Bố thí vườn rừng khiến cho vui mừng được dạo chơi thích thú.

Thiết hội Đại thí là Đại hội Vô già, các loại đều bố thí, nghĩa là không giới hạn đồ vật, không hạn chế thời gian, không ngăn cản mọi người, không có trước-không có sau, vốn là bình đẳng bố thí tất cả. Như tổ chức Đại hội nơi vườn Hương Nha... ở văn sau, tiếng Phạm gọi là Bàn-già-vu-sất, Trung Hoa nói là Vô Già Đại Hội.

Bố thí tất cả đồ dùng cung cấp cho sinh hoạt, là 10 loại thứ bảy. Bởi vì riêng biệt nói đến các loại không thể nào hết được, cho nên cuối cùng tổng quát dựa vào tất cả đồ dùng cung cấp cho sinh hoạt mà thành tựu Đại thí.

Trên đây là tùy theo Đại môn có 70 loại. Nếu trải qua tường tận mà nói về chủng loại không giống nhau trong vật đã bố thí, thì theo Pháp sư Quang Thống nói có 120 loại, thứ tự rộng ra có 84000 loại. Vì sao? Nghĩa là trong 120 sự việc đều có mười thiện nghiệp mà thực hành bố thí cho nên trở thành 1200 loại, lấy bảy pháp thí nhân lên trở thành 8400 loại, trong mỗi một hạnh có đủ mười loại hồi hướng cho nên thành ra 84000 môn thực hành bố thí.

Bảy pháp thí, tùy theo tướng có sáu, hòa vào lý thì trở lại một tức là bảy. Tùy theo tướng có sáu, tâm có ba loại, tức là ba thời vui mừng...; sự có ba loại, tức là người bố thí-người tiếp nhận và tài vật... Hòa vào lý có một, nghĩa là soi chiếu ba sự Không, cùng một lý vắng lặng. Lại giải thích: Dùng bảy Thánh tài nhân lên cũng được, như một hạnh bố thí có 84000 loại, mỗi một hạnh khác cũng đều như vậy. Nếu nói rộng về tướng của hành thì vô lượng không thể nào nói hết.

Đoạn lớn thứ hai từ “Thử Ma-ha-tát dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về việc làm, sinh tâm hoan hỷ hồi hướng, trong đó có bốn: 1) Kết luận về hạnh đã làm; 2) Từ “Hữu lai cầu giả...” trở xuống là hiển bày về hạnh thành tựu không sai lầm; 3) Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là Độ hạnh không sai lầm mà sinh tâm Đại hoan hỷ; 4) Từ “Ma-ha-tát thiện căn...” trở xuống là lấy hạnh hoan hỷ đã thành tựu dùng để hồi hướng.

*Trong phần một có hai:* Một là dựa theo hạnh để kết luận về ý; hai từ “Dĩ Đại Bi...” trở xuống là dựa theo tâm hiển bày về ý.

*Trong luận Du-già quyển thứ 39 nói:* “Lại các Bồ-tát đối với những người có oán thù thì dùng ý vui với Từ mà thực hành Tuệ thí, đối



với những người có khổ đau thì dùng ý vui với Bi mà thực hành Tuệ thí, đối với những người có đức thì dùng ý vui với Hỷ mà thực hành Tuệ thí, đối với những người có ân thân thiện cùng chung ý thì dùng ý vui với Xả mà thực hành Tuệ thí, nên biết cũng gọi là trí tuệ khéo léo của Bồ-tát mà thực hành bố thí.” Kiến lập Như Lai luận, là trên thì nói rằng thọ trì Bồn hạnh của chư Phật biểu hiện rõ ràng Bồn hạnh của chư Phật, như thực hành có thể nói cho nên nói là Lập Luận, nhờ lập ra luận này khiến cho chúng sinh không đoạn mất pháp thiện của Phật.

*Trong phần hai là hiển bày về hạnh thành tựu không sai lầm, có hai:* Một là trình bày về ba sự thành tựu hạnh không sai lầm, trong đó: a) Trình bày về xứng ý người cầu xin lìa xa sai lầm về trái ý; b) Tâm bố thí không hối hận lìa xa sai lầm về tạp niệm; c) Xả bỏ tất cả... trình bày về vật bố thí rộng nhiều lìa xa sai lầm thiếu thốn. Hai từ “Ư chư chúng sinh...” trở xuống là trở lại giải thích về thành tựu: Đầu là giải thích về tâm bố thí trước đây, tâm Bi sâu sắc nhìn như con một, là mình khéo biết mang nặng ân ấy, nhờ vào tâm đầu mà nuôi lớn Đại Bi, nhờ vào tâm sau mà nuôi lớn tâm Hỷ, đều nhờ vào hai tâm trên khiến cho Bi và Hỷ không hủy hoại, dựa vào Bi-Hỷ này mở rộng thực hành tâm Đại thí. Sau là giải thích phần trên, nhờ vào vật dụng dồi dào thì cầu mong xứng ý vui mừng.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát thấy người cầu xin sinh lòng vui vẻ, không đắm nhiễm đối với tài sản?

Đáp: Bởi vì hạnh bố thí thuần thực, bởi vì chướng ngại bố thí không còn. Thế nào là chướng ngại bố thí? Trong luận Du-già quyển thứ 39 nói: “Lại các Bồ-tát đối với chướng ngại bố thí và biết rõ ràng như thật về đối trị. Chướng ngại bố thí có bốn: 1) Trước chưa luyện tập xuyên suốt; 2) Vật bố thí ít ỏi thiếu thốn; 3) Đắm trước vật xinh đẹp tuyệt vời; 4) Vui thích quả báo tài sản đầy đủ ở tương lai.”

Một, Nếu các Bồ-tát hiện có các loại tài vật có thể bố thí, người cầu xin đang ở trước mặt mà tâm bố thí không phát khởi, thì dùng Chánh tuệ nhận biết mình đối với bố thí, trước đây sơ suất chưa luyện tập xuyên suốt; quyết định nhận biết đời trước mình đối với bố thí chưa từng luyện tập xuyên suốt, khiến cho bây giờ có tài sản mà người cầu xin đang ở trước mặt nhưng tâm bố thí không phát khởi. Nếu đời này không mạnh mẽ bố thí, thì tiếp tục ở đời sau nhất định rời bỏ thực hành bố thí. Vì vậy Bồ-tát gắng sức suy nghĩ chọn lựa mà thực hành Tuệ thí.

Hai, Người cầu xin đang ở trước mặt, bởi vì tài vật ít ỏi cho nên tâm bố thí không phát khởi, liền dùng Chánh tuệ thông suốt, hoặc bởi vì

nghiệp đời trước của mình có sơ suất, hoặc bởi vì đời hiện tại lệ thuộc người khác, khiến cho mình đang nhận chịu những nỗi khổ đói khát, không có thể làm ích lợi cho tất cả chúng sinh, giả sử khiến cho thực hành bố thí thậm chí mất mạng thì hãy còn là thù thắng nhất, huống hồ có rau lá có thể dùng để cứu sống tính mạng? Vì vậy chịu đựng khổ sở mà thực hành Tuệ thí. Ba-Người cầu xin đang ở trước mặt, bởi vì vật có thể bố thí rất tuyệt vời cho nên tâm bố thí không phát khởi, liền dùng Chánh tuệ thông suốt, là mình sơ suất đả trước, nay mình đối với khổ đau tùy tiện phát sinh ý tưởng vui thích, bởi vì điên đảo này mà sinh ra nỗi khổ ở tương lai. Vì vậy Bồ-tát gắng sức thực hành bố thí. Bốn-Nếu Bồ-tát bố thí rồi vui thích quả báo tài sản lợi ích to lớn ở tương lai, không mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì dùng Chánh tuệ thông suốt, là quả sai trái thấy rõ sơ suất, quán xét các hành ấy đều là niềm niềm diệt đi, quả đã thọ dụng mau chóng diệt hết, mau chóng chia lìa. Vì vậy diệt hết niềm vui với quả sai trái ấy, thấy rõ thực hành bố thí hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Hỏi: Dựa theo trong kinh này nói thì các Đại Bồ-tát tiền của châu báu vô tận, tâm Bi lại rộng lớn, tại sao thế gian vẫn còn có các loại chúng sinh nghèo khổ?

Đáp: Theo kệ trong Nhiếp Luận nói: “Thấy nghiệp làm chướng ngại điều thiện, ngán hiện tại và ghét điều ác, chúng sinh kia làm hại người khác, không cảm được Bồ-tát bố thí.”

*Điều này có năm nghĩa:* 1) Bồ-tát thấy chúng sinh nghèo túng thì không gây ra nghiệp ác, mà giàu có thì gây ra nghiệp ác; 2) Chúng sinh nghèo túng thì tu phước, mà giàu có thì chướng ngại điều thiện; 3) Chúng sinh nghèo túng thì tâm chán ngán sinh tử hiện rõ trước mắt, mà giàu có thì không chán ngán; 4) Chúng sinh nghèo túng thì hiền lành thân thiện, mà giàu có thì căm ghét người khác; 5) Chúng sinh nghèo túng thì không có thể làm hại mạng sống của chúng sinh, mà giàu có thì làm tổn hại mạng sống của loài khác. Bồ-tát bởi vì thấy nghĩa của năm loại này, mà khiến cho chúng sinh trải qua trăm ngàn vạn kiếp thường nghèo túng không gây ra nghiệp ác nhiễm trước sinh tử, không khiến cho chúng sinh ở trong một sát-na giàu có phóng túng gây ra điều ác rơi vào bốn nẻo khổ đau. Vì vậy trong luận Du-già nói: “Đối với các hữu tình có an lạc mà không có lợi ích, thì Bồ-tát cũng không làm.”

*Trong phần ba là sinh tâm Đại hoan hỷ, có hai:* Đầu là niềm vui thù thắng nuôi dưỡng thân sắc, trong luận Trượng Phu Hạnh nói: “Bồ-tát vui mừng vượt quá niềm vui của thế gian và niềm vui Niết-bàn của Nhị

thừa.” Trong này chỉ hướng về cao hơn thế gian. Sau từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là nhờ vui mừng tăng thêm tâm, có năm câu có thể biết.

*Trong phần bốn là hồi hướng thiện căn, có mười câu-năm cặp:* 1) Khiến cho lìa xa nhân quả khổ đau; 2) Khiến cho đạt được nhân quả vui sướng, hai cặp trên đều trước là nhân-sau là quả; 3) Cảnh và tâm; 4) Tâm và hành; 5) Phần và mãn. Trên đây là mở rộng hiển bày về tướng của hành, tức là phần hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, xong.

Từ đây trở xuống là phần 3 trình bày về hạnh rất phù hợp với Chân, tức là hồi hướng Thật tế. Lại trước là trình bày về hạnh rộng lớn, từ đây trở xuống là làm sáng tỏ về hạnh rất sâu xa, trong đó có hai: Một là hiển bày về hạnh thuộc tâm Vô niệm, tổng quát trình bày về hồi hướng mà không ràng buộc vướng mắc; hai từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về đối với cảnh không nhiễm trước, riêng biệt hiển bày về hồi hướng mà không ràng buộc vướng mắc.

Trong phần một, lúc hồi hướng như vậy là nhắc lại hạnh trước đây đối với thân... không ràng buộc vướng mắc, tổng quát trình bày về chủ động hồi hướng ba nghiệp Vô niệm mà thành tựu hồi hướng. Sau là riêng biệt hiển bày về tướng của Vô niệm, trong đó có hai: Trước là trình bày Vô tướng về Ngã-Pháp..., sau là trình bày Vô niệm về nghiệp báo...

*Trong phần trước:* Một, chín câu trình bày Vô tướng về Ngã. Thiên đầu, người xưa nói: Đây gọi là thấy tất cả chúng sinh có Hình-có Thể. Nay lại hỏi Tam tạng Pháp sư nói rằng: Ở đây dịch là Sinh. Hai từ “Vô hữu tướng...” trở xuống là mười câu-năm cặp trình bày Vô tướng về Pháp: 1) Lìa xa Tướng về pháp có-không; 2) Lìa xa Tướng về pháp lưu chuyển ba đời; 3) Lìa xa Tướng về Thường-Vô thường; 4) Lìa xa Tướng về ba cõi-không phải ba cõi; 5) Cũng lìa xa Tướng-lìa xa Vô tướng. Trên đây là trình bày về Vô tướng chủ động duyên vào tự Thể.

Phần sau là trình bày về Vô niệm chủ động duyên vào nghiệp dụng, nghĩa là không bị Tướng và Niệm làm cho ràng buộc, gọi là không ràng buộc vướng mắc. Qua lại rỗng rang vô ngại mà thành tựu hồi hướng, cho nên nói là hồi hướng tâm giải thoát không ràng buộc-không vướng mắc. Trong đó, suy nghĩ và báo của suy nghĩ là dựa theo ý nghiệp, nhân của nghiệp và nghiệp báo là dựa theo thân-ngữ nghiệp. Và lại, nghiệp dựa theo nghiệp tướng tự, suy nghĩ dựa theo Thể của nghiệp. Như vậy Vô tâm không có Vô tâm mà thực hiện hồi hướng Đại thí như trước đây.

Từ đây trở xuống trình bày về đối với cảnh không nhiễm trước,

riêng biệt trình bày về hồi hướng. Trong đó có bốn: 1) Riêng biệt trình bày về không vướng mắc; 2) Từ “Ma-ha-tát nhược ư...” trở xuống riêng biệt trình bày về không ràng buộc; 3) Từ “Nhược ư thử pháp nhi bất phược...” trở xuống riêng biệt trình bày về tâm giải thoát; 4) Từ “Ma-ha-tát dĩ thử nhất thiết thiện căn...” trở xuống riêng biệt trình bày về hồi hướng.

Trong phần một, lúc hồi hướng như vậy, là cần phải giải thích riêng biệt, như lúc hồi hướng Đại thí đã thực hiện trước đây, thường không duyên vào niệm, vì vậy nay tiếp tục tổng quát để nhắc lại. Sau là riêng biệt hiển bày về không vướng mắc, trong đó Nội là sáu căn, Ngoại là sáu trần, Duyên là chủ động duyên, Cảnh là thụ động duyên, còn lại có thể biết.

Trong phần hai là không ràng buộc, trước tiên nhắc lại phần trước, không vướng mắc là dựa vào phần trước phát khởi phần sau, nghĩa là tâm nhiệm trước đối với cảnh gọi là vướng mắc, cảnh quán lấy tâm gọi là ràng buộc. Trong kinh Lăng Già nói: “Tâm ràng buộc đối với cảnh giới, trí hiểu rõ về tướng tùy chuyển.” Là nói đến nghĩa này. Bởi vì hết sức tham đắm vào cảnh, cho nên tâm bị cảnh ràng buộc không được tự tại, nay đều không có. Ở trong năm Uẩn đều có ba nghĩa: 1-Không ràng buộc Sắc là tổng quát hiển bày về không ràng buộc gì; 2-Không ràng buộc Sắc thủ là riêng biệt dựa theo phàm phu chấp thủ năm Uẩn; 3-Không ràng buộc Sắc diệt là riêng biệt dựa theo Thánh nhân không giữ lấy năm Uẩn. Lại không ràng buộc-không giữ lấy là không ràng buộc về Hữu; không ràng buộc Diệt là không ràng buộc về Vô; cả hai không có chấp trước, không bị ràng buộc.

*Trong phần ba là trình bày về tâm giải thoát, trong đó có ba:* Đầu là nêu ra, nghĩa là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, đối với pháp này là đối với pháp Hữu-Vô thuộc năm Uẩn trước đây. Bởi vì hiểu rõ nguồn gốc pháp ấy vốn tự nhiên không có ràng buộc, tánh vốn giải thoát chứ không phải là nay mới giải thoát, cho nên nói là cũng không có gì giải thoát. Tiếp là nêu ra, sau là giải thích. Trước riêng biệt giải thích nguyên cớ về tánh giải thoát ở trong pháp có trước đây, nghĩa là pháp có này tức là không có sinh diệt..., vốn là tánh tự nhiên giải thoát. Sau từ “Bồ-tát như thị kiến pháp...” trở xuống là riêng biệt giải thích nguyên cớ về tánh giải thoát ở trong pháp không có trước đây. Thấy pháp là Phi pháp bởi vì đoạn dứt ngôn ngữ, nhắc lại pháp có ngay nơi tánh tự nhiên không có trước đây; Phi pháp là pháp, phát khởi phần sau đối với không có mà cũng lia xa tánh, bởi vì không trú vào không có cho nên không ngăn

ngại có. Trước thì có mà không có, cho nên giải thoát đối với có; ở đây thì không có mà không phải không có, cho nên giải thoát đối với không có. Bởi vì không hủy hoại nghiệp cho nên tu hành đầy đủ, không đắm vào Không cho nên không giống như Nhị thừa, vì vậy cầu Nhất thiết trí không lui sụt, những câu còn lại có thể biết.

*Trong phần bốn là riêng biệt giải thích về hồi hướng:* Trước là tổng quát, nghĩa là hướng về Chứng trí, từ “Dĩ hóa chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày. Trước là hỏi về phát khởi, sau là đáp để hiển bày có mười câu, đều là giáo hóa chúng sinh thành tựu những sự việc này, cho nên gọi là hồi hướng, có thể biết. Trên đây là phần hồi hướng Thật tế, xong. Tổng quát là đoạn lớn thứ hai dựa vào thân khởi hạnh, xong.

*Từ đây trở xuống là phần ba phân rõ về hạnh đã thành tựu lợi ích, trong đó có hai:* 1) Lúc chính thức thành tựu hồi hướng lợi ích thuận theo nhân quả như nhau. Câu riêng biệt có chín: Đầu là hai câu thuận theo Phật Bảo-Pháp Bảo như nhau; tiếp là hai câu Nhân trí-Quả trí như nhau; tiếp là hai câu Tâm-Cảnh tùy theo sự như nhau, nói nghĩa là nghĩa về cảnh; tiếp là hai câu Tâm-Cảnh hòa vào lý như nhau; sau cuối là một câu thuận theo pháp giới thanh tịnh như nhau. 2) Từ đây trở xuống trình bày về lợi ích khiến cho mình và người tiến vào pháp sau khi đã hồi hướng, trong đó cũng có chín câu: Một câu đầu là lợi ích về Lợi tha, tám câu còn lại là lợi ích thuộc Tự hành, nghĩa là xứng với pháp mà hiểu rõ cho nên không có sai trái. Lại không rời bỏ Chân Không, không trái với duyên Hữu, Không-Hữu vô ngại cho nên nói là pháp lực đầy đủ.

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai trình bày về quả đã thành tựu của phần vị. Câu riêng biệt có mười: 1) Ngoài được Phật gia hộ; 2) Trong được pháp kiên cố; 3) Tiến lên tu trí Phật; 4) Khéo léo hiểu rõ nghĩa lý; 5) Chiếu rọi thông hiểu lý tánh; 6) Đạt được thiện căn kiên cố; 7) Sở nguyện đầy đủ; 8) Đạt được pháp hành thuận theo kiên cố không thể hủy hoại; 9) Đạt được nguyện kiên cố; 10) Tự tại đối với pháp. Lại mười loại này hướng về lợi ích của hạnh trước đây phối hợp giải thích, có thể biết.

*Trong đoạn lớn thứ hai là kệ tụng, có hai:* Trước là tựa về nhân duyên thuyết kệ, sau là chính thức hiển bày về kệ.

Trong phần trước nương theo Phật lực là trình bày về chỗ dựa phát khởi thuyết giảng. Sau là phân rõ dựa vào lực mà thành tựu, có mười

câu: 1) Quán xét mười phương là hiển bày mười phương cùng thuyết giảng; 2) Quán xét Đại chúng là trình bày về thuyết giảng đã phủ khắp; 3) Quán xét pháp giới là trình bày về nghĩa đã thuyết giảng; 4) Tiến sâu vào... là hiển bày về giáo chủ động thuyết giảng; 5) Tu vô lượng... là hiển bày về tâm phát khởi thuyết giảng; 6) Giác ngộ... là trình bày về trí thuyết giảng mở mang giác ngộ; 7) Hòa vào công đức của Phật là trình bày về đạt được đức thuyết giảng của Phật; 8) Đến được... là trình bày về đạt được thân thuyết giảng của Phật; 9) Phân biệt... là trình bày về hiểu rõ căn hợp thời; 10) Tùy thuận Pháp thân... là trình bày về dựa vào Chân phát khởi Ứng, Ứng phát khởi thuận theo Chân, vì vậy ngay nơi thuyết giảng mà thường không thuyết giảng.

Trong phần chính thức kệ tụng, bốn câu làm thành tụng, có 41 kệ, chỉ tụng về hạnh của phần vị chứ không tụng về quả của phần vị. Trong đó phân ba: Một, có năm kệ tụng về thân làm chỗ dựa của hạnh trước đây; hai, từ “Bồ-tát cụ hành bố thí...” trở xuống có 30 kệ rưỡi tụng về dựa vào thân mà khởi hạnh trước đây; ba, từ “Tùy thuận tư duy...” trở xuống có năm kệ rưỡi tụng về hạnh đã thành tựu lợi ích trước đây.

*Ngay trong phần hai đã khởi hạnh:* Đầu là 19 kệ tụng về sơ lược nêu ra sự việc thực hành và mở rộng phân rõ về tướng của hạnh trước đây, tức là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, đối với 70 môn bố thí khéo léo tóm lược không nói tất cả. Từ “Bồ-tát quán sát nhất thiết pháp...” trở xuống là 11 kệ rưỡi tụng về hạnh rất hợp với Chân trước đây, tức là hồi hướng Thật tế, trong đó: Đầu là hai kệ rưỡi tụng về tổng quát trình bày Vô niệm hồi hướng trước đây; tiếp từ “Tâm bất phân biệt...” trở xuống là bảy kệ rưỡi riêng biệt tụng về đối với có nhưng không vướng mắc mà tánh tự nhiên giải thoát trước đây; sau cuối từ “Bồ-tát tuy phục suy cầu...” trở xuống là hai kệ riêng biệt tụng về đối với không có nhưng không trú vào mà tự nhiên giải thoát trước đây. Văn còn lại có thể thấy.

\* **Thứ bảy là Đẳng Tâm Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hướng**, ở trong trường hàng cũng có hai: Trước là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị.

Trong phần trước cũng có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Ngay trong giải thích phân ba:* 1) Trình bày về tất cả tướng của hạnh đã tu; 2) Từ “Ma-ha-tát ly cấu thanh tịnh Bồ-đề tâm...” trở xuống là thân nhiếp để hồi hướng; 3) Từ “Ma-ha-tát hành như thị hồi hướng thắng xuất...” trở xuống là trình bày hồi hướng đã thành tựu lợi ích.

*Trong phần một có hai:* Một, trình bày về thiện căn đã tu; hai, từ



“Ma-ha-tát hành như thị đẳng...” trở xuống là trình bày về thành tựu đức nhờ vào tu. Lại giải thích: Trước là trình bày về Thể của hạnh, sau là trình bày về Dụng của hạnh.

Trong phần một có 30 câu, đầu là 10 câu nói thẳng về Thể của thiện, tiếp là 10 câu dựa theo cảnh để trình bày về thiện căn, sau là 10 câu dựa theo mười Độ hành để trình bày về thiện căn.

**Pháp sư Quang Thống nói:** 10 câu đầu là thực hành phát ra từ bên trong, 10 câu tiếp là sinh khởi thuận theo duyên phát ra, 10 câu sau là công phu thành tựu thuộc về mình.

*Trong 10 câu đầu tăng trưởng ba phẩm thiện thì có hai nghĩa:* 1) Ba phẩm khác nhau, tăng trưởng khác nhau khiến cho cùng mở rộng...; 2) Đối với một thiện căn lúc bắt đầu tu tập xông ướp vào Thức mới trở thành chủng tử gọi là Hạ phẩm tăng lên, từ chủng tử phát sinh hiện rõ khiến cho càng tăng trưởng gọi là Trung phẩm tăng lên, trở lại xông ướp thành tựu chủng tử gọi là Thượng phẩm tăng lên.

**Lại giải thích:** Phát khởi thực hành tùy theo sự việc gọi là Hạ phẩm tăng lên, khiến cho thực hành tiến vào lý tăng thêm thành tựu gọi là Trung phẩm tăng lên, dựa vào lý khởi hạnh khiến cho xứng với lý rộng lớn gọi là Thượng phẩm tăng lên. Từ “Vô lượng đẳng...” trở xuống đều là sai biệt trong thiện thuộc Thượng phẩm. 4) Hành đức không phải một gọi là vô lượng thiện; 5) Tất cả giống như pháp giới gọi là thiện rộng lớn; 6) Tùy duyên không giống nhau gọi là đủ loại thiện; 7) Thể sâu sa khó suy lường; 8) Diệu dụng khó nghĩ bàn; 9) Kể ra không thể nào cùng tận; 10) Không còn ranh giới.

*Trong 10 câu tiếp là dựa theo cảnh:* 1) Nhờ mong cầu cảnh của Phật mà phát sinh đạt được thiện; 2) Nhờ mong cầu cảnh của Pháp; 3) Nhờ học theo hạnh của Tăng; 4) Nhờ mong cầu thiện hữu. Dựa vào bốn cảnh trên mà phát sinh thiện căn thuộc Trí. 5) Duyên với chúng sinh làm cảnh phát sinh thiện căn thuộc Bi; 6) Khiến cho Bi-Trí dẫn dắt lẫn nhau gọi là cảnh phương tiện; 7) Điều cùng nhau hợp với Chân gọi là cảnh vi diệu cảnh; 8) Thiện thuộc Tự lợi gọi là bên trong; 9) Thiện thuộc Hóa tha gọi là bên ngoài; 10) Tổng quát kết luận về nhiều môn gọi là vô lượng công đức, bởi vì đều phát sinh thiện căn.

Trong 10 câu sau dựa theo cảnh của mười Độ hành mà phát sinh thiện căn: 6 câu đầu có thể biết; 7) Phương tiện khéo léo nhận biết tâm khí chúng sinh; 8) Đại nguyện tích tập các công đức thanh tịnh; 9) Niệm lực vượt qua nghiệp dụng; 10) Đại trí.

Từ “Phổ bi...” trở xuống là trình bày trong phần hai về đức đã

thành tựu, cho đến giải thích xong là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; từ “Tắc năng...” trở xuống là chính thức trình bày về đã thành tựu, trong đó có hai: Trước là trình bày về đức của Thể tròn vẹn đầy đủ; sau từ “Phổ năng...” trở xuống là trình bày về tác nghiệp thù thắng.

*Trong phần trước có hai:* Trước là thành tựu đức thuộc Tự phần, có hai: Trong Tự lợi, một là Nhẫn, hai là Giới như khéo léo điều phục..., ba là Tuệ như vĩnh viễn lìa xa..., có thể làm... là kết luận về ba hạnh thành tựu pháp khí; rộng khắp vì... là Lợi tha. Sau từ “Thường vi...” trở xuống là trong phần thành tựu đức thuộc Thắng tiến: Trước là nhờ Đức Phật che chở gia hộ mà phát sinh thiện-đầy đủ nguyện; sau là nhờ rất vui với Phật tâm mà đạt được giống như Phật.

*Trong phần sau là tác nghiệp thù thắng, có hai:*

Một, Trên là nghiệp cúng dường Đức Phật, nghĩa là thực hành cúng dường thuận với lý, không mong cầu... là lìa xa lỗi lầm.

Hai, Từ “Nhất thiết thiện căn...” trở xuống trình bày dưới là nghiệp cứu giúp chúng sinh, trong đó có hai: 1) Đầy đủ đức Hóa tha. 2) Từ “U sinh tử trung...” trở xuống là thành tựu đầy đủ hạnh Hóa tha, trong đó có ba: a) Khiến cho vượt khỏi sinh tử, đưa vào Đại trí Bồ-đề; b) Từ “Phổ thị...” trở xuống là khiến cho rời bỏ trần nhiễm, đạt được công đức rất thanh tịnh; c) Từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích. Trên đây là trình bày về hạnh đã hồi hướng, xong.

*Từ đây trở xuống là phần hai thâm nhiếp để hồi hướng, trong đó có bốn:* Một, Dựa theo tâm Bồ-đề thâm nhiếp thiện căn. Hai, Từ “Ma-ha-tát phục tác thị niệm như thử thiện căn nhược hữu quả báo...” trở xuống là dùng thiện căn trước đây hồi hướng thành tựu đầy đủ hạnh, nghĩa là giúp cho lúc tu tập thực hành, các duyên không thiếu hụt, xứng với nguyện mong mỗi ban đầu mà thành tựu Đại hạnh. Ba, Từ “Dĩ thử thiện căn niệm niệm hồi hướng...” trở xuống là dùng thiện căn này dựa vào hạnh, mà phát khởi thiện căn hồi hướng chúng sinh khiến cho đạt được Bồ-đề. Bốn, Từ “Tu hành như thị hồi hướng thời bất trước nghiệp...” trở xuống là trình bày về hành rất phù hợp với Chân, thực hành không có gì thực hành, hồi hướng không có gì hồi hướng. Trước thì hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, đây thì hồi hướng Thật tế. Lại trước thì dùng Trí thuận theo Bi thành tựu hồi hướng rộng lớn, sau thì dùng Bi thuận theo Trí thành tựu hồi hướng rất sâu xa.

*Trong phần một:* Trước là nêu ra Đại tâm đã thâm nhiếp thiện căn; từ “Tác thị niệm...” trở xuống là hiển bày về tướng của thiện căn



đã thâm nhiếp, trong đó có mười câu, năm câu trước dựa theo Thể của tâm phát khởi thiện, năm câu sau dựa theo nghiệp dụng của tâm thành tựu thiện.

*Trong năm câu trước:* Một câu đầu là tổng quát. Bốn câu sau là riêng biệt: 1) Bắt đầu thuộc Tự phần, 2) Cuối cùng thuộc Tự phần, 3) Bắt đầu thuộc Thắng tiến, 4) Cuối cùng thuộc Thắng tiến.

*Trong năm câu về nghiệp dụng:* Một câu đầu là tâm này lấy Đại Bi làm căn bản, thương xót chúng sinh mà phát khởi thiện; hai câu tiếp là vì chúng sinh cho nên cầu trí của quả Phật, một là bắt đầu, hai là cuối cùng; hai câu sau cuối là tập trung phát khởi nhân ấy, một là hành rộng lớn xứng với pháp giới, hai là hành kiên cố không lui sụt.

Từ đây trở xuống là phần hai hồi hướng thiện căn trước đây để thành tựu đầy đủ hạnh, trong đó: 1) Tổng quát nêu rõ về hạn kỳ cần thiết, nghĩa là tâm Bồ-đề này đã thâm nhiếp thiện căn, nếu quyết định có quả không trống rỗng, thì mình thực hành hạnh Bồ-tát đến tận cùng đời kiếp vị lai, không rời bỏ chúng sinh... Điều này có hai ý: Một, bởi vì thiện căn này như ý nguyện của mình thành tựu quả lợi ích cho chúng sinh; hai, bởi vì thiện căn này đã đạt được quả thuộc y báo (Y quả), khiến cho mình tu hành thâm nhiếp chúng sinh, thì duyên không có gì thiếu hụt, vì thế cho nên mình có thể tu Bồ-tát hạnh đến tận cùng thời gian vị lai. Văn này chọn lấy ý sau. 2) Từ “Linh vô số thế giới...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về hạnh đã thành tựu đầy đủ, trong đó có hai: Một, hồi hướng thành tựu hạnh bố thí cung cấp tiền của; hai, từ “Phục thứ...” trở xuống là khiến cho thành tựu hạnh bố thí phát sinh tiền của.

Hỏi: Sao không hồi hướng khiến cho thành tựu các hạnh khác, mà lại thành tựu hạnh Tuệ thí này?

Đáp: Trong này Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh, bởi vì hạnh bố thí này có đủ có ba nghĩa: 1) Tiền của... hiện có thêm nhiều khiến cho lìa xa khốn khổ; 2) Nhờ bố thí thâm nhiếp khiến cho tiến vào pháp thành tựu hạnh; 3-Bởi vì thiện căn đã phát sinh hồi hướng bố thí chúng sinh, hạnh khác không đầy đủ cho nên chỉ riêng hạnh này.

*Trong phần một là bố thí cung cấp tiền của, có bốn:* 1) Cung cấp tiền của rộng rãi, vốn có 11 sự việc; 2) Trình bày về người cầu xin rộng rãi, vốn là tất cả chúng sinh; 3) Trình bày về tâm bố thí rộng rãi; 4) Thời gian bố thí rộng rãi, vốn là tận cùng vị lai.

*Ngay trong tâm bố thí, có 11 loại:* 1) Không chọn lựa đối với oán thù, gọi là tâm bình đẳng; 2) Không chú trọng đối với thân thích, gọi là tâm không thiên vị; 3) Không vì danh tiếng thế gian; 4) Tâm tư vui

thích không phải là cưỡng ép, cho nên gọi là không phiền muộn; 5) Bồ thí rồi xứng với niềm vui, cho nên không có giữa chừng hối hận; 6) Tập trung nghĩ đến Bồ-đề; 7) Không xen tạp Vô minh, cho nên nói là thanh tịnh; 8) Tâm tư không có ý niệm gì khác, cho nên nói là nhất hướng; 9) Đại Bi hiện rõ trước mắt; 10) Điều phục lìa xa Hữu vi; 11) Tiến vào an trú Vô vi.

*Trong phần hai là bố thí phát sinh tiền của, có ba:*

Một, Tiền của rộng rãi cũng có 10 sự việc. Bà-la Mã Vương là Tam tạng nói, chánh âm nói đầy đủ là Bà-la-ha, Trung Hoa gọi là Vân Mã, nghĩa là đi lại giữa mây trời nhanh chóng không ngăn ngại, nhân đó lấy làm tên gọi. Lại nói trong biển rộng có một châu tên gọi Bạt-đà-la, ngựa này thường ở trong đó, luôn luôn phát ra tiếng nói rằng: Ai muốn ra biển, ta sẽ đưa đi. Ngựa này chính là Long Mã, nhưng có tâm Từ, hoặc là do Bồ-tát hóa hiện.

Hai, Từ “Tu tập...” trở xuống là dựa theo thời gian-nơi chốn đối với người trình bày về thực hành bố thí rộng lớn.

Ba, Từ “Ma-ha-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là trình bày về tâm bố thí hoàn toàn thanh tịnh, có 14 loại tâm: 1) Không đắm vào nhân bố thí; 2) Không mong cầu quả bố thí; 3) Qua lại rỗng rang lìa xa ràng buộc; 4) Rộng rãi che phủ khắp nơi; 5) Tương ứng với lý. Năm loại trên là tâm tiến vào lý. 6) Khéo léo bố thí thâm nhiếp chúng sinh; 7) Bình đẳng bố thí không hề thiên vị; 8) Không kể đến thân mạng; 9) Keo kiệt bủn xỉn đã phá trừ, gọi là tâm khéo léo điều phục; 10) Tâm nhất định làm lợi ích cho chúng sinh; 11) Không phiền muộn đối với chúng sinh. Sáu loại trên là tâm thâm nhiếp chúng sinh. Ba loại sau là tâm mong cầu quả. 12) Mong cầu quả không rời bỏ, gọi là an trú...; 13) Quán xét hiểu rõ về pháp; 14) Hướng đến tiến vào quả Phật.

Lại năm loại trước là tâm lìa xa hữu vi, sáu loại tiếp theo là tâm thâm nhiếp chúng sinh, ba loại sau là tâm mong cầu Phật quả. Lại năm loại trước là bảo vệ phiền não, sáu loại tiếp theo là bảo vệ tâm hẹp hòi của Nhị thừa, ba loại sau là bảo vệ tâm nhỏ bé của Nhị thừa. Lại năm loại trước là tâm thẳng thắn, sáu loại tiếp theo là tâm Đại Bi, ba loại sau là tâm sâu xa. Trên đây là phần hồi hướng thành tựu đầy đủ hạnh, xong.

Trong phần ba là hồi hướng chúng sinh khiến cho đạt được Bồ-đề, đây tức là Xả thí. Trí Luận quyển thứ 14 nói: “Bố thí có hai loại: 1) Người thế gian có thể xả bỏ tiền của mà không có thể xả bỏ bố thí; 2) Người xuất thế gian có thể xả bỏ tiền của cũng có thể xả bỏ bố thí.”

Văn trong này dài, phạm vi giới hạn khó thấy, nhưng mỗi một câu đều là một hạnh, cũng không thể nào phân biệt.

*Nay tạm thời dựa vào Pháp sư Viễn phân làm hai phần:* 1) Trình bày về hồi hướng tâm Từ; 2) Từ “Như thị Bồ-tát lân mẫn dĩ...” trở xuống là trình bày về hồi hướng tâm Bi.

*Trong phần một tổng cộng có 118 câu phân hai:* Một, 80 câu đầu là hồi hướng chúng sinh khiến cho tu nhân hướng về quả; Hai, từ “Linh chúng sinh nghệ chư Phật sở văn pháp...” trở xuống là 38 câu hồi hướng chúng sinh khiến cho nhân tròn vẹn-quả đầy đủ. Lại có thể trước là trình bày về Tự phần, sau là trình bày về Thắng tiến.

*Trong mục một có sáu:* 1) Khiến cho tu thiện hướng đến hạnh thuộc phần vị Hiền Thủ; 2) Từ “Linh đắc bất khả hoại chánh trực chi tâm...” trở xuống là khiến cho tu hành thành tựu trong phần vị Chứng tánh; 3) Từ “Linh cụ túc Bồ-tát vô lượng thanh tịnh...” trở xuống là khiến cho tu hành thành tựu trong phần vị Giải hạnh; 4) Từ “Linh thành tựu thanh tịnh bình đẳng thí...” trở xuống là khiến cho tu các hạnh như mười Độ... trong phần vị Thập Địa; 5) Từ “Linh tu bình đẳng hạnh cụ chư thiện...” trở xuống là khiến cho tu hành ở trong phần vị Đăng Giác; 6) Từ “Linh hiển hiện nhất thiết nghiêm tịnh...” trở xuống là khiến cho thành tựu hạnh thuộc quả Phật.

*Trong mục hai là hạnh Thắng tiến, nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, có bốn:* 1) Khiến cho chúng sinh tròn vẹn đầy đủ nhân hạnh đối với phần vị Chứng tánh; 2) Từ “Linh ư chư pháp trung đắc ly hư vọng...” trở xuống là khiến cho tròn vẹn đầy đủ nhân hạnh trong phần vị Giải hạnh; 3) Từ “Linh tất đắc Bồ-tát bất thối...” trở xuống là khiến cho tròn vẹn đầy đủ nhân hạnh trong phần vị Thập Địa; 4) Từ “Linh đắc Tát-bà-nhã thành đẳng...” trở xuống là trình bày về thành tựu đầy đủ Phật quả. Trên đây là phần hồi hướng tâm Từ, xong.

*Trong phần hai là hồi hướng tâm Bi, có ba:* Một, Khiến cho lìa xa Hoặc nghiệp mà thành tựu khổ hạnh; Hai, Từ “Linh chúng sinh an trú...” trở xuống là khiến cho lìa xa ồn ào đạt được yên lặng thành tựu tâm hạnh bình đẳng; Ba, Từ “Dĩ như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng lợi ích của hồi hướng, có thể biết. Trên đây là phần hồi hướng rộng lớn, xong.

Từ đây trở xuống là phần bốn trình bày về hồi hướng rất sâu xa, tức là hồi hướng Thật tế. Trong đó có hai: Đầu là trình bày về hiểu rõ Sự giống như Lý, hồi hướng mà không có gì hồi hướng; sau từ “Ma-ha-tát như thị hồi thời tác như thị...” trở xuống là trình bày về dựa vào Lý

phát khởi Sự, không có hồi hướng mà hồi hướng. Lại đầu tức là lia xa có, sau tức là lia xa không có. Lại đầu là Tự hành giống với Như, sau là khiến cho người khác cũng giống với mình. Lại đầu chính là hồi hướng Thật tế, sau là hồi hướng bằng việc làm.

Trong phần đầu, tu hành như vậy lúc hồi hướng, là nhắc lại hồi hướng rộng lớn trước đây; sau là hiển bày về rất sâu xa, có mười câu-năm cặp: 1) Dựa theo nghiệp báo của mình là một cặp về nhân và quả; 2) Dựa theo Chánh báo của mình là một cặp về thân và tiền của; 3) Dựa theo Y báo là một cặp về phương hướng và xứ sở; 4) Dựa theo chúng sinh đã hóa độ là một cặp về có và không có; 5) Dựa theo pháp hành đã hồi hướng là một cặp về tổng và biệt. Đầu nói không vướng mắc là không hề có phân biệt, đều nói hồi hướng là trình bày về thời gian hồi hướng rộng lớn trước đây. Thường xuyên như vậy không vướng mắc mà luôn luôn làm sự việc thực hành hồi hướng ấy, cho nên cũng không thể không có hồi hướng ấy.

Trong phần sau là trình bày về tu hồi hướng bằng việc làm, như vậy lúc hồi hướng là nhắc lại hồi hướng rất sâu xa trước đây; sau hiển bày bằng việc làm có năm câu: Hai câu đầu là nêu ra, hai câu tiếp theo là giải thích, một câu sau cuối là phân rõ phần vị. Trong đó: 1) Phật trí là Bồ-đề; 2) Tịnh tâm là Niết-bàn. 3) Giải thích về câu đầu; 4) Giải thích về tâm thanh tịnh; 5) Phật gia là phần vị. Trên đây là phần trình bày về hạnh hồi hướng, xong.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ ba trình bày về lợi ích của hồi hướng, tức là hạnh này đã thành tựu đức rộng lớn. Trong đó có bốn: 1) Thành tựu đức của nhân rộng lớn; 2) Từ “Ma-ha-tát tu hành thời thành tựu...” trở xuống là trình bày thành tựu đức của quả thanh tịnh; 3) Từ “Ma-ha-tát như thị hành hồi bất vi...” trở xuống là trình bày về thành tựu đức tự tại trái với hiểu biết; 4) Từ “Ma-ha-tát đắc bình đẳng nghiệp...” trở xuống là trình bày về đạt được đức bình đẳng không còn trái nhau. Lại một là thành tựu đức hiện tại, hai là thành tựu đức vị lai, hai loại này là một cặp về nhân quả; ba là hiểu rõ về tướng, bốn là đạt được chân thật, hai loại này là một cặp về nhiếp pháp.

Trong phần một có mười câu, hai câu đầu là tổng quát ca ngợi hiển bày thù thắng, tám câu sau là riêng biệt hiển bày về tướng thù thắng: 1) Hành rộng lớn thù thắng; 2) Từ “Dĩ thiểu...” trở xuống là nhìn thấy khắp nơi thù thắng; 3) Từ “Tất đắc...” trở xuống là giữ gìn biện giải thù thắng; 4) Từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là hiện rõ chúng sinh thù thắng; 5) Từ “Hựu ư niệm niệm...” trở xuống là trang nghiêm quốc độ

thù thắng; 6) Từ “Linh bất khả thuyết...” trở xuống là lợi ích chúng sinh thù thắng; 7) Từ “Đắc vô ngại...” trở xuống là nghe pháp thù thắng; 8) Từ “Trú vô sở hữu...” trở xuống là thần túc thù thắng. Dựa theo Dụng của đức này, nếu không phải là các phần vị của Viên giáo thâm nhiếp lẫn nhau, thì đâu cho phép Địa tiên có thể có đức vô ngại như vậy?

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về có thành tựu đức của quả, trong đó có ba: Một là nhắc lại hiện tại để so sánh với tương lai; hai là phân rõ xa về tương tương lai; ba là nêu ra tương lai để kết luận về hiện tại.

Một là nhắc lại hiện tại để so sánh với tương lai, kết luận phần trước sinh khởi phần sau, nghĩa là kết luận về đức của nhân trước đây hãy còn vô tận như vậy, huống gì thành tựu quả vị tương lai lẽ nào có thể lường tính hay sao? Hai từ “Sở vị...” trở xuống là phân rõ xa về tương trạng của đức thuộc quả thành tựu ở tương lai, câu riêng biệt có mười, sáu câu đầu là tướng của quả tròn vẹn, bốn câu sau là đức của quả đầy đủ. Trong tướng của quả: Hai câu đầu là trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh thanh tịnh; hai câu tiếp là Chánh báo tổng-biệt thanh tịnh, căn là các căn như Nhãn...; hai câu sau cuối là chủ-bạn tròn vẹn thanh tịnh, nghiệp báo là chủ thanh tịnh. Bốn câu sau là trong đức đầy đủ: Hai câu đầu là hạnh tròn vẹn chứng tận cùng, tiến vào pháp là Chứng; hai câu sau là nguyện đầy đủ tự tại, đều nói thanh tịnh là nhiệm không có gì không hết, bình đẳng là lý không có gì không chứng. Những loại này đều là nhờ vào lực hồi hướng trong phần vị này mà khiến cho Bồ-tát này sẽ thành tựu đức của quả Phật như vậy. Ba từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là nêu ra tương lai để kết luận về hiện tại, nghĩa là đạt được pháp môn thanh tịnh là đạt được Thể lia nhiệm, trang nghiêm là đức tướng trọn vẹn đầy đủ. Đây là hiện tại đã đạt được.

Từ đây trở xuống là phần ba trình bày về tự tại trái với hiểu biết, trong đó có 30 câu làm thành 15 cặp phân ba: Đầu là bảy cặp trình bày về dung hòa với Sự duyên khởi khiến cho tương trái nhau không còn; tiếp là một cặp về lý-sự dung hòa lẫn nhau, cả hai không có chướng ngại; sau là bảy cặp về hiểu rõ duyên ngay nơi Thật hiển bày lý dung hòa không có trái nhau, đây cũng là hiển bày pháp theo thứ tự.

*Trong bảy cặp đầu:* 1) Hạnh hồi hướng này, bởi vì thanh tịnh cõi Phật cho nên nói là cõi không trái nhau, bởi vì an lập chúng sinh cho nên cũng không trái nhau; 2) Khiến cho chúng sinh dựa vào cõi khởi hạnh, cõi và nghiệp không trái nhau; 3) Nghiệp dựa vào tâm mà khởi, tâm vương-tâm sở không trái nhau, lại Tự là Thể của nghiệp xông ướp

Thức-Tâm vốn có cho nên không trái nhau; 4) Nghiệp dựa vào cảnh mà thành, Tư và cảnh không trái nhau, bởi vì cảnh là chỉ do tâm mà hiện bày, cho nên nói là tâm cảnh; 5) Do nghiệp mà cảm quả thì duyên và báo không trái nhau; 6) Nghiệp và dấu tích của nghiệp tích, chính thức và phụ giúp không có gì trái nhau. Viễn Công nói: “Hiểu rõ phiền não đều là tâm khởi lên, chỗ dựa của nghiệp gọi là dấu tích của nghiệp.” Pháp sư Biện nói: “Phương tiện tạo tác gọi là nghiệp, nghiệp đạo căn bản gọi là dấu tích.” Nay giải thích: Tư quyết định là nơi mà thân-khẩu nghiệp thường xuyên qua lại, gọi là dấu tích của nghiệp. Lại giải thích: Tư ở sát-na thứ nhất là đạo dẫn phát, Tư ở sát-na thứ hai là Thể của nghiệp, đạo tức là dấu tích. Lại giải thích: Thể của Tư là nghiệp, xông ướp vào Thức vốn có làm thành chủng tử là dấu tích của nghiệp. Lại giải thích: Tư là nghiệp, nghiệp có công năng cảm đến quả báo của các đạo là nghiệp đạo, đạo tức là dấu tích. 7) Thể và tướng của pháp, chủ động-thụ động không trái nhau, nghĩa là những nghiệp ấy đã là hữu vi, chắc chắn có đủ bốn tướng.

*Trên đây có hai loại không trái nhau:* 1) Bởi vì đều là duyên khởi giúp đỡ nhau-thuận theo nhau, cho nên không trái nhau; 2) Đã đều là dựa vào nhau không có tự tánh, tự tánh không có thì cái gì trái nhau?

Một cặp tiếp là dựa theo lý-sự cùng dung hòa để trình bày về không trái nhau, nghĩa là pháp sinh không trái với tánh, bởi vì duyên sinh thì vốn là vô tánh; tánh không trái với sinh, là dựa vào căn bản vô trú mà thiết lập tất cả các pháp. Lại đầu thì không hủy hoại giả danh mà nói đến Thật tướng, sau thì không động đến Chân tế mà kiến lập các pháp.

Bảy cặp sau dựa theo lý dung hòa trình bày về không trái nhau, nghĩa là tướng của cõi và chúng sinh tuy tựa như khác nhau, mà lý bình đẳng không khác lẫn nhau, cho nên không trái nhau. Những câu còn lại, có thể biết.

*Từ đây trở xuống là phần bốn đạt được bình đẳng không còn trái nhau, trong đó có hai:* Đầu là mười câu trình bày về đạt được bình đẳng, bởi vì tướng trái nhau trước đây không còn, cho nên đạt được Sự xứng với tánh bình đẳng này, nghĩa là mười loại như nghiệp báo...; sau từ “Đắc kiến Phật...” trở xuống có mười câu về có thể thành tựu hạnh vị cứu cánh, đều có thể biết.

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là trong phần thứ hai trình bày về quả của phần



vị, có mười sáu câu, mỗi hai câu làm một, thấu nhiếp làm thành tám cặp: 1) Đoạn quả nhiễm ô, nghĩa là chế phục ma oán ngăn chặn duyên ác, nhổ bỏ gai dục đoạn dứt nhân ác. 2) Tiến vào chứng quả, nghĩa là đạo Vô sinh là nhân của tu chứng, đến không hai là đích thực chứng tánh, đó là Lý bất dứt chủ động-thụ động cho nên không hai, Trí phù hợp với pháp ấy cho nên nói là đến. 3) Từ “Đắc vô lượng...” trở xuống là quả thành tựu lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là đạo pháp cứu giúp chúng sinh, thần thông hóa độ mọi vật. 4) Từ “Thường lạc...” trở xuống là quả của Tịch-Dụng vô ngại. 5) Từ “Tất năng...” trở xuống là trình bày về quả của Hạnh và Nguyện rộng lớn. 6) Từ “Phân biệt...” trở xuống là quả của Trí và Thông thù thắng, trước là Trí-sau là Thông. 7) Từ “Đắc vô ngại...” trở xuống quả của thấy nghe tự tại. 8) Từ “Tu chư...” trở xuống là quả của thực hành tu tập đầy đủ. Sau là kết luận, có thể biết.

*Trong phần hai là kệ tụng, có 21 kệ phân ba:* Đầu là nửa kệ tụng về tướng của hạnh trước đây; tiếp là các kệ trung gian tụng về hồi hướng trước đây; sau cuối là một kệ tụng về lợi ích của hồi hướng trước đây.

*Ngay trong tụng về hồi hướng, có ba:* Một có ba kệ tụng về hồi hướng thành tựu đầy đủ hạnh trước đây; hai từ “Dĩ thử...” trở xuống có sáu kệ tụng về nhân hạnh sinh thiện trước đây, hồi hướng chúng sinh khiến cho đạt được Bồ-đề; ba từ “Thâm nhập...” trở xuống có mười kệ rưỡi tụng về hồi hướng Thật tế trước đây. Trong đó có hai: 1) Ba kệ rưỡi tụng về các nghiệp không vướng mắc, thuộc Tự hành giống với Như trước đây; 2) Từ “Bồ-tát quán sát...” trở xuống là bảy kệ tụng về khiến cho người khác tiến vào Thật trước đây.

Một kệ sau cuối là kết luận ca ngợi về lợi ích, có thể biết.

\* **Thứ tám là Như Tướng Hồi Hướng Đồng Lý**, thiện căn là tướng Như xứng với lý mà hồi hướng gọi là Như Tướng Hồi Hướng. Hồi hướng này cùng với trên-dưới khác nhau thế nào? Nghĩa là bảy Hồi hướng trước đây trình bày hiểu rõ Sự hướng về Lý, Hồi hướng thứ tám này trình bày Sự không còn thì Lý hiện bày, vì vậy các hạnh... đều là Như Tướng mà hồi hướng, về sau Hồi hướng thứ chín trình bày từ Lý khởi Dụng, Hồi hướng thứ mười trình bày Dụng giống như Thế, giống như Thế mà Dụng, cho nên nói là Hồi Hướng Pháp Giới.

*Trong trường hàng cũng có hai:* Một, trong hạnh của phần vị cũng có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Trong giải thích cũng có ba:* 1) Nêu ra Thể của hạnh; 2) Từ “Ma-ha-tát dĩ như thị đẳng thiện căn hồi hướng dục linh...” trở xuống là chính thức đem hồi hướng; 3) Từ “Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời...” trở

xuống là trình bày về do hồi hướng mà thành tựu đức.

*Trong phần một:* Trước có 30 câu, nêu ra thiện căn sai biệt; sau cuối là một câu kết luận thành tựu một quán.

*Trong phần trước:* Một là 10 câu hiển bày về thiện căn đã tu; hai từ “Tuệ nhãn...” trở xuống là 10 câu trình bày về nuôi lớn thiện căn khiến cho tăng nhiều hơn nữa; ba từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là 10 câu kết luận ca ngợi thiện căn sai biệt đầy đủ đức.

*Trong 10 câu thứ nhất:* Trước là hai câu trình bày về quán thành tựu tiến vào lý thiện, câu đầu là nêu ra, câu sau là giải thích hiển bày. Nghĩa là Lià si giải thích về Trí, Chánh niệm giải thích về Niệm, Kiên cố giải thích về an trú, Bất thối giải thích về bất động. Đây là Chánh niệm thành tựu về Chỉ, Lià si thành tựu về Quán, Chỉ-Quán cùng vận dụng vô ngại hiện rõ trước mắt, cho nên nói là thành tựu... Sau từ “Đắc Đại thừa...” trở xuống là trình bày về Đại hạnh tùy theo sự việc để quy tụ thiện căn, có dựa vào tám loại tâm để quy tụ thiện căn: Một-Dựa vào tâm sâu xa để phát khởi thiện căn, trước là nêu ra công năng của tâm, nghĩa là tâm dựa vào lý phát khởi cho nên dũng mãnh không sợ, sau là dựa vào tâm dũng mãnh này phát khởi hai thiện căn. 1) Rộng nhiều vô tận; 2) Xứng lý thù thắng vi diệu; 3) Dựa vào pháp thiện thanh tịnh phát khởi Đồng Thể Đại Bi, tức là tâm Bi; 4) Trình bày về tâm thẳng thắn chánh niệm chư Phật; 5) Tâm hồi hướng xứng với lý không thay đổi; 6) Dựa vào tâm cầu đạo khéo léo phát sinh thiện kiên cố; 7) Dựa vào tâm chánh niệm phát sinh tất cả các thiện; 8) Dựa vào tâm tuệ khéo léo hồi hướng thành tựu Lợi tha.

*Trong 10 câu thứ hai trình bày về nuôi lớn thiện căn:* Đầu là Tuệ nhãn quán sát thiện căn tức là Thật, vì vậy khiến cho thiện căn này tăng trưởng, đây là nguyên cơ nuôi lớn thiện căn lành. Sau là trình bày về thiện căn đã tăng trưởng, trong đó câu đầu là tổng quát hiển bày, tám câu sau riêng biệt phân rõ: 1) Trình bày về phạm vi giới hạn của thiện căn không giống nhau, cho nên nói là phân biệt...; 2) Đầy đủ đức không thiếu sót, cho nên nói là cụ túc; 3) Thể lià xa lỗi lầm nhiễm ô; 4) Chỉ trú vào Bồ-đề không giống với phàm phu-Tiểu thừa, cho nên nói là nhất hướng; 5) Tu tập sửa trị khiến cho tăng thêm; 6) Tư duy khiến cho mở rộng; 7) Do tu hành mà thành tựu; 8) Xứng với Thật nói rộng ra.

Trong 10 câu thứ ba là kết luận ca ngợi sai biệt, trong đó trình bày thiện căn này có nhiều công năng-đức khác nhau cho nên có thể thành tựu hồi hướng. Trong mười: 1) Các loại Môn là qua lại thông suốt không phải một; 2) Các loại Cảnh là sở duyên không giống nhau; 3)



Các loại Tướng là Thể trạng phân biệt; 4) Các loại Sự là duyên thành tựu khác nhau; 5) Các loại phân biệt là phạm vi giới hạn không xen tạp; 6) Vô lượng hạnh là nhiều loại như bố thí...; 7) Con đường ngôn ngữ thì thiện căn này là nơi đi lại của vô lượng ngôn giáo; 8) Sinh ra... là dựa vào thiện căn này có thể sinh ra nhiều trí phân biệt; 9) Tu hành... là các pháp thiện trang nghiêm lẫn nhau; 10) Đều có năng lực... là cùng hưởng về quả Phật.

Trong một câu sau cuối là kết luận thành tựu một quán hiển bày về rất sâu xa, nghĩa là tuy có đủ loại nhiều môn như vậy, nhưng đều là một ý vị như nhau, cùng chung Chân tánh, cho nên nói là không hai. Cảnh Nhất thiết trí, nghĩa là thiện đồng tánh này chỉ riêng trí Phật mới có năng lực nhận biết. Lại giải thích: Thiện đồng tánh này có thể thành Phật, bởi vì chính là cảnh của Nhất thiết trí. Đây là sai biệt trong vô sai biệt của các môn trước, cho nên có nhiều môn. Đây chính là vô sai biệt trong sai biệt, cho nên chỉ có một ý vị quay về với Phật quả. Trên đây là nêu ra Thể của hạnh thuộc thiện căn đã hồi hướng, xong.

*Từ đây trở xuống là phần hai chính thức đem hồi hướng, trong đó có bốn:* Một, Nhờ vào thành tựu Tự hành để tu hồi hướng; Hai, Từ “Phục thứ...” trở xuống là nhờ vào sự khởi hạnh tiếp tục tu hồi hướng; Ba, Từ “Ma-ha-tát thiện căn như thị hồi hướng bất trước thế...” trở xuống là trình bày về không có tướng hồi hướng của hai hồi hướng trước đây, hai loại trước là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, loại này là hồi hướng Thập tế; Bốn, Từ “Như pháp môn...” trở xuống là trình bày về hồi hướng tự tại thuần thực xứng tánh. Lại hai loại đầu là hồi hướng rộng lớn, một loại tiếp là hồi hướng rất sâu xa, một loại sau là hồi hướng sâu rộng. Dùng thiện căn cùng là Như thành tựu hồi hướng xứng với Chân để giải thích về thành tựu Như Tướng.

*Trong phần một có hai:* Trước là dùng thiện căn trước đây hồi hướng thành tựu Tự hành; sau từ “Như vị dĩ thân...” trở xuống là chính thức hồi hướng Chúng sinh.

*Trong phần trước có hai:* 1) Hồi hướng thành tựu hạnh thuộc ba nghiệp của Pháp thân; 2) Từ “Đắc ly si...” trở xuống là hồi hướng thành tựu hạnh trang nghiêm Tịnh độ.

*Trong phần một có ba:* a) Thành tựu hạnh về thân nghiệp; b) Thành tựu hạnh về khẩu nghiệp; c) Thành tựu hạnh về ý nghiệp.

*Trong hạnh về ý nghiệp có ba:* Một, trình bày dựa vào tâm thành tựu đức thuộc Tự hành; hai, từ “Nhậm trì...” trở xuống là thành tựu đức thuộc Lợi tha; ba, từ “Cụ túc...” trở xuống là một câu tổng quát kết luận

về đã thành tựu.

*Trong mục một, dựa vào bảy loại tâm thành tựu bảy hạnh thù thắng:* 1) Dựa vào tâm Vô ngại thành tựu hạnh thanh tịnh, nghĩa là thấu suốt lý vô ngại khiến cho hạnh thanh tịnh; 2) Dựa vào tâm Đại thí thành tựu hạnh Tài thí, vừa ý chúng sinh; 3) Dựa vào tâm Chiếu pháp thành tựu hạnh Pháp thí; 4) Dựa vào tâm Bất hoại thành tựu hạnh kiên cố cầu mong Phật trí; 5) Dựa vào tâm Bồ-tát thành tựu hạnh soi chiếu tất cả các pháp; 6) Dựa vào tâm Niệm Phật thành tựu hạnh Tam-muội; 7) Dựa vào tâm Chánh trực thành tựu hạnh lìa nhiễm.

Trong mục hai, trình bày về hạnh Lợi tha, câu riêng biệt cũng có bảy: Đầu là một câu về thành tựu hạnh Hóa tha, nghĩa là thâm nhiếp căn không sai lạc gọi là tùy ý giữ gìn, đầy khắp tất cả là giáo hóa rộng rãi, mà không dừng nghỉ là thường xuyên giáo hóa. Tiếp là hai câu trình bày về chỗ dựa của hạnh Hóa tha, một là giáo hóa giống như Phật trí cho nên nói là an trú, hai là dựa vào Định khởi Dụng để đến với mọi căn cơ cho nên nói là đạt được Tam-muội sâu xa. Tiếp là hai câu trình bày về nơi chốn nhiếp hóa, một là qua lại rộng khắp, hai là an trú khắp nơi. Tiếp là một câu về thành tựu sự việc Hóa tha, cho nên nói là giáo hóa chúng sinh không nghỉ. Sau cuối là một câu về thành tựu trí Hóa tha, nghĩa là thành tựu về Tuệ phương tiện.

Mục ba là một câu tổng quát kết luận về đã thành tựu, nghĩa là thành tựu đầy đủ hạnh Tự-Tha, Tuệ sâu rộng khó suy lường cho nên nói là không nghĩ bàn.

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về hạnh trang nghiêm Tịnh độ, trước là riêng biệt hiển bày có sáu cặp: 1) Lìa si là Thế, phân biệt là Dụng, nghĩa là lìa xa phân biệt mà phân biệt; 2) Một niệm trang nghiêm quốc độ là Dụng rộng lớn, đối với các Thông-Tuệ là chỗ dựa của Dụng; 3) Tiến vào Thật pháp là Thế sâu xa, thị hiện... là Dụng rộng lớn; 4) Một thấy tất cả là Dụng vô ngại, cứu cánh... là chỗ dựa của Dụng, nghĩa là giữ gìn tất cả không để cho hư hoại; 5) Dùng Bồ-tát trang nghiêm đầy đủ là Thế của Đức, ứng hiện điều phục chúng sinh là Tướng của Dụng; 6) Một thế giới Phật... là Thế rộng lớn, đạt được cứu cánh... là Dụng duy trì. Sau là tổng quát kết luận về quốc độ đã trang nghiêm khiến cho chúng sanh vừa lòng, nghĩa là trang nghiêm quốc độ này chỉ vì thâm nhiếp chúng sinh. Trí duy trì phân biệt hồi hướng, là tổng quát kết luận về trí duy trì quốc độ hồi hướng trước đây. Trên đây là phần thành tựu Tự hành, xong. Bởi vì muốn hồi hướng cứu giúp chúng sinh, cho nên trước phải phân rõ Tự hành làm căn bản, mới có thể trải qua đời kiếp

thâu nhiếp chúng sinh.

*Từ đây trở xuống là phần sau chính thức hồi hướng chúng sinh, trong đó:* Trước là nêu ra Tự ví dụ về Tha, kết thúc phần trước sinh khởi phần sau. Sau là chính thức hiển bày về hồi hướng có hai: 1) Hồi hướng khiến cho ra khỏi chướng có sáu câu, ba câu đầu là ra khỏi ba chướng, một là lìa xa báo chướng, hai là lìa xa nghiệp chướng, ba là lìa xa phiền não chướng; ba câu sau là thành tựu hạnh đối trị, một là đối trị lìa xa phiền não, hai là đối trị lìa xa nghiệp, ba là đối trị lìa xa khổ, có thể biết. 2) Khiến cho thành tựu đức, như mây-mưa lớn thì có năm nghĩa: a) Rộng khắp nơi; b) Trở thành lợi ích; c) Có thể tuôn mưa; d) Mưa có thể dập tắt tro nóng; e) Mưa có thể sinh ra cỏ cây. Đại nguyện hồi hướng cũng có đủ năm nghĩa, có thể biết.

*Sau là riêng biệt hiển bày về đã thành tựu có chín câu:* Hai câu đầu là thành tựu hạnh, một là lìa xa lỗi lầm gọi là thanh tịnh, hai là phát sinh pháp thiện gọi là ruộng đất. Hai câu tiếp là khiến cho tiến vào chứng, một là quán xét phương tiện tiến vào chứng là Như Lai Tạng khiến cho không quên mất gọi là thọ trì bảo vệ, hai là chính thức thành tựu chứng cho nên nói là trú trong pháp giới thanh tịnh. Hai câu tiếp là khiến cho thành tựu đức, một là thành tựu đức tự tại của tâm, hai là giúp cho đức tự tại của thân. Ba câu sau cuối là thành tựu ba thiện căn, một là thiện Vô ngại, hai là thiện Vô tham cho nên gọi là thâu nhiếp thanh tịnh, ba là thiện Vô sân.

Từ đây trở xuống là phần hai nhờ vào sự khởi hạnh tiếp tục tu hồi hướng, trước đã thành tựu hồi hướng thuộc Tự hành, nay lại thành tựu hồi hướng nhờ vào sự, cho nên nói là lại tiếp tục. Trong đó có ba: 1) Nhờ vào sự khởi hạnh; 2) Từ “Ma-ha-tát như thị hồi hướng...” trở xuống là chính thức đem hồi hướng; 3) Từ “Như thị Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về hồi hướng đã thành tựu lợi ích.

*Trong phần một có hai:* Một, Nhờ vào thấy sự việc thù thắng; Hai, Khéo léo thuận theo khởi hạnh có ba: a) Trình bày đã thành tựu đức của hạnh, có pháp-dụ-hợp, nghĩa là tùy theo sự việc đã thấy nhờ vào đó thành tựu hạnh cho nên nói là phương tiện khéo léo tu tập.... Đã thấy sự việc đáng vui, thì có vui thích mong cầu Thật nghĩa như vậy. b) Từ “Xảo diệu...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng của hạnh; c) Như thiện căn... là kết luận về Thể giống nhau của hạnh.

Trong phần hai là chính thức hồi hướng chúng sinh đều khiến cho đạt được sự việc đáng vui, là nhờ trước đây thấy cảnh đáng vui liền phát khởi thiện niệm đáng vui, khiến cho hồi hướng chúng sinh thành

tự công đức đáng vui, đây là Dụng của phương tiện khéo léo mà thôi. Trong đó có ba: Một, Người chưa tiến vào pháp thì khiến cho có thể tiến vào pháp, đây là thuộc về Địa tiền; Hai, Từ “Linh Bồ-tát...” trở xuống là người đã tiến vào pháp thì khiến cho có thể tiến vào Địa, đây là thuộc về Địa thượng; Ba, Từ “Cụ Bồ-tát...” trở xuống là người đã đạt được Địa thì cuối cùng khiến cho đạt được quả.

*Trong phần một có bảy câu:* 1) Trong câu một không những thấy Phật không chấp lấy Thể tánh, mà cũng là thấy chúng sinh cũng không chấp lấy, cho nên nói là cũng lại như vậy. Lại giải thích: Khiến cho thấy Phật đúng như pháp, đối với Phật không vướng mắc; không chấp lấy pháp tánh, thấy pháp không vướng mắc; vô số chúng sinh giống như Tăng, không có gì vướng mắc, cho nên nói là thanh tịnh. Kinh Duy Ma nói: “Không đắm vào cầu Phật, không đắm vào cầu Pháp, không đắm vào cầu Tăng.” Giống như ý câu này. 2) Khiến cho làm thị giả xứng với ý Phật; 3) Khiến cho đất nước thanh tịnh đáng vui; 4) Vui trong pháp đã mong cầu; 5) Khiến cho vui với pháp xuất thế; 6) Vui với giữ gìn không quên; 7) Đạt được pháp sáng tỏ thuộc Chánh tuệ.

*Trong phần hai trình bày về hạnh của Địa thượng:* Một, hai câu thành tựu hạnh Tài thí-Pháp thí của Địa thứ nhất. Hai, từ “Đắc Tam-muội...” trở xuống trình bày về hạnh thuộc phần vị công dụng từ Địa thứ hai trở đi: 1) Đạt được Định sâu xa; 2) Đạt được tổng trì; 3) Đạt được trí ghi nhớ; 4) Đạt được thần thông thù thắng. Trên đây là đức thuộc Tự phần, dưới đây trình bày về đức thuộc Hóa tha. 5) Thuyết giảng rộng rãi; 6) Thuyết giảng khéo léo; 7) Tâm hóa độ chính là Bi; 8) Thường xuyên hóa độ không ngừng; 9) Hóa độ rộng rãi, nghĩa là ở nhiều nơi trải qua thời gian dài.

*Trong phần ba trình bày về hạnh thuộc phần vị Vô công dụng từ Địa thứ tám trở lên, trong đó:* 1) Nhờ Đức Phật hiện tại khuyến khích có thể rời bỏ vắng lặng phát khởi tu tập, gọi là phương tiện khéo léo; 2) Xứng với lý khởi hạnh, gọi là phương tiện sâu xa; 3) Từ “Vĩnh ly...” trở xuống là trình bày về Địa thứ tám, bởi vì vô ngại mà rời bỏ tâm tham như ái Bồ-đề của Phật..., cho nên nói là ly dục-hiểu sâu... trình bày về thâm nhiếp thành tựu hạnh đối trị; 4) Từ “Cụ túc...” trở xuống trình bày về Địa thứ tám tiến vào quán Vô sinh; 5) Trong Địa thứ chín thuyết pháp xứng với cơ, gọi là Vô tranh; 6) Trong Địa thứ mười đạt được đạo Vô gián thuộc pháp Kim Cang hiện rõ trước mắt, gọi là thành tựu đầy đủ, bởi vì diệt hết mọi chướng ngại vướng mắc vi tế, cho nên nói là diệt chướng đạo pháp. Sau cuối là trình bày về Địa thành tựu đầy đủ Phật

quả, có thể biết.

Từ đây trở xuống trình bày về phần ba là hồi hướng đã thành tựu lợi ích, nghĩa là do lực hồi hướng nhờ vào sự khởi hạnh mà khiến cho thiện căn của mình chuyển đổi tăng lên nhiều hơn, gọi là nuôi lớn. Từ “Đắc tịnh...” trở xuống riêng biệt hiển bày có mười câu: 1) Bên trong tăng thêm Tuệ sáng suốt; 2) Bên ngoài được thiện hữu bảo vệ, đây là lợi ích về phát sinh hiểu biết; 3) Phật tuệ chiếu sáng tâm; 4) Ngu si ám chướng không còn, hai loại trên đây là lợi ích về đoạn trừ chướng ngại; 5) Tu pháp tiến vào trí, là lợi ích về chứng pháp; 6) Từ “Thiện học...” trở xuống là lợi ích về phát khởi Hậu trí; 7) Từ “Nhất thiết thiện căn...” trở xuống là lợi ích về Đại nguyện; 8) Từ “Nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là lợi ích về cùng tận nguồn phước; 9) Từ “Thành tựu...” trở xuống là lợi ích về thành tựu trí tuệ kiên cố; 10) Từ “Minh giải...” trở xuống là hiển bày về lợi ích hiểu biết rộng rãi. Trên đây là hồi hướng nhờ vào sự, xong.

Từ đây trở xuống là phần ba trình bày về không có tướng hồi hướng của hai hồi hướng trước đây, tức là hồi hướng Thật tế. Các hồi hướng Thật tế trước đây cùng với hồi hướng Thật tế này khác nhau thế nào? Trước đây đều thâm nhiếp Tướng quy về Thể, trong này thâm nhiếp Tướng quy về Tướng, vì vậy mà khác nhau. Trong đó có hai: Trước là dựa theo hạnh để phân rõ; sau từ “Như thị...” trở xuống là dựa theo tâm hiển bày.

*Trong phần trước có hai:* Một, Trình bày về hồi hướng này tức là luôn luôn không đắm trước; Hai, Từ “Quán thậm thâm...” trở xuống là trình bày nhờ vào không đắm trước mà thành tựu hồi hướng.

*Trong phần một có bốn:*

1) Không đắm vào có, nghĩa là đối với trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh trước đây, bởi vì đều không đắm trước, cho nên nói là không đắm trước thế giới.... Tâm không dựa vào là trình bày về không có tướng thụ động chấp thủ, vắng lặng không tán loạn là không khởi lên chủ động chấp thủ; Chánh niệm đối với pháp là trình bày về tương ứng với Chánh lý khéo léo bắt dứt chủ động-thụ động. Luận Khởi Tín nói: “Trú chánh niệm là biết chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài.” Là nói đến nghĩa này.

2) Từ “Cụ túc...” trở xuống là đối với không có nhưng không đắm trước-không ngăn ngại mà khởi hạnh, trí vô phân biệt gọi là không có chọn lựa, không trái với hồi hướng là khởi hạnh không ngăn ngại, không trái với Chánh pháp là tiến vào lý không ngăn ngại.

3) Từ “Bất hoại Phật tướng...” trở xuống là trình bày về có và không có đều lìa xa. Ban đầu không hủy hoại tướng Phật là không đắm vào không có, quán xét ba đời như nhau là không đắm vào có, ở đây dựa theo tôn kính mà không đắm trước, biết rõ chúng sinh trống rỗng là không đắm vào có. Không hề dựa vào là không trú vào không có, nghĩa là không hướng về không có mà trú trước. Đây là dựa theo cảnh Bi không đắm trước, là ngay nơi quán xét Như Lai trống rỗng mà không mất đi sự kính dưỡng, hiểu rõ chúng sinh vắng lặng mà không mất đi sự nhiếp hóa, là nói đến nghĩa này.

4) Từ “Thuận Như Lai...” trở xuống là trình bày về lợi ích lìa xa đắm trước, có ba: a) Hiểu biết chính đáng dần dần đến lợi ích; b) Từ “Như thật phân biệt...” trở xuống là lợi ích của trí tuệ tròn vẹn; c) Từ “Vị tầng...” trở xuống là trình bày về lợi ích của Tịch-Dụng cùng thực hành, có pháp-dụ-hợp, có thể biết.

Trong phần hai là trình bày nhờ vào không đắm trước mà thành tựu hồi hướng. Quán xét về pháp sâu xa trước đây mà phát sinh Thật trí, nghĩa là trí không đắm vào có và không có, dựa vào Thật trí này mà thành tựu hồi hướng. Sau là riêng biệt hiển bày: 1) Trình bày về hồi hướng Lý-Sự vô ngại, Chỉ-Quán dung thông; 2) Nhờ vào vô ngại trước đây mà thành tựu hồi hướng thuộc Tự hành; 3) Từ “Nhiếp thủ...” trở xuống là thành tựu hồi hướng thuộc hạnh Hóa tha. Trên đây là dựa theo hạnh, xong.

Từ đây trở xuống là phần sau dựa theo tâm phân rõ, có tám loại tâm: 1) Tâm không yếu hèn hồi hướng Phật pháp; 2) Tâm rộng lớn hồi hướng thanh tịnh chúng sinh; 3) Tâm không hề điên đảo hồi hướng quốc độ không nhiễm ô; 4) Tâm không sót lại gì hồi hướng cảnh không nhiễm ô; 5) Tâm lìa xa thế gian hồi hướng đạt được xuất thế gian; 6) Tâm không đắm trước hồi hướng thành tựu hạnh Bi; 7) Tâm thấy pháp hồi hướng thành tựu đạo thù thắng hướng đến quả; 8) Tâm chán ngán lìa xa hữu vi hồi hướng phát sinh pháp thiện chân thật. Trên đây là hồi hướng Thật tế, xong.

Từ đây trở xuống là phần bốn trình bày về hồi hướng sâu rộng tự tại thuần thực, trong đó mở rộng trình bày về hồi hướng Như Tướng.

*Giải thích về nghĩa Chân Như đưa ra bốn môn:*

1) **Giải thích tên gọi**, không hư hoại gọi là Chân, không có gì khác gọi là Như, trước là không phải bốn Tướng thay đổi, sau là Thể không có sai biệt, đây là dựa theo Thủ giáo. Lại không biến đổi gọi là Chân, thuận theo duyên gọi là Như. Do nghĩa trước cho nên cùng với



pháp hữu vi không phải là như nhau, do nghĩa sau cho nên cùng với pháp hữu vi không phải là khác nhau, hai nghĩa hợp lại làm một pháp gọi là Chân Như.

**2) *Chủng loại*:** Hoặc chỉ có một ý vị, đó là dựa theo Thật vốn không có gì sai biệt. Hoặc hai, đó là an lập đế Chân Như, phi an lập đế Chân Như. Lại do hai Không mà hiển bày cũng là hai, tức là do Sinh Không mà hiển bày Chân Như, do Pháp Không mà hiển bày Chân Như. Lại hai, đó là Không Chân Như, Bất Không Chân Như, pháp nhiệm mà không nhiệm gọi là Không, có đủ tánh công đức gọi là Bất Không. Hoặc ba, đó là dựa theo ba Vô tánh, tức là Vô Tướng Như, Vô Sinh Như, Vô Tánh Như... Lại có thiện pháp Chân Như, bất thiện pháp Như, vô ký pháp, như trích từ Tạp Tập Luận, đây là dựa theo giải thích phân rõ. Hoặc bảy, luận Hiển Dương nói: “1) Lưu chuyển Chân Như, đó là tư duy về Thật tánh lưu chuyển của các hành; 2) Thật tướng Chân Như, đó là tư duy về các pháp không có tánh của hai Ngã; 3) Duy thức Chân Như, đó là tư duy về tánh Duy thức của các pháp; 4) An lập Chân Như, đó là Thể của pháp nhiệm ô tư duy về Khổ đế; 5) Tà hạnh Chân Như, đó là nhân của pháp nhiệm ô tư duy về Tập đế; 6) Thanh tịnh Chân Như, đó là Thể của pháp thanh tịnh tư duy về Diệt đế; 7) Chánh hạnh Chân Như, đó là hạnh thanh tịnh tư duy về Đạo đế.” Hoặc mười Chân Như, đó là dựa theo Chân Như đã chứng trong mười Địa có mười lớp... Hoặc một trăm môn, đó là mười-mười vô tận, thuận theo pháp môn viên thông vô ngại. Hoặc bao gồm tất cả các pháp.

**3) *Trình bày về Đức Dụng*:** 1) Thành tựu Dụng nương tựa duy trì, nghĩa là pháp nhiệm-tịnh nương tựa duy trì mà thiết lập; 2) Thành tựu cảnh quán, nghĩa là Dụng tiến vào chứng; 3) Theo luận Khởi Tín: “Có ba Đại: a) Thể Đại, đó là Chân Như vốn bình đẳng không tăng-giảm; b) Tướng Đại, vốn đầy đủ công đức thuộc tánh vô lậu; c) Dụng Đại, vốn có thể thành tựu tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian.”

Hỏi: Các pháp bất thiện... đã không phải là Dụng của Chân thì thuận theo lìa xa Thể của Như chăng?

Đáp: Bởi vì trái với Chân cho nên không lìa xa Chân, bởi vì trái với Chân cho nên không phải là Dụng của Như. Ý luận này bởi vì các thiện pháp thuận với Chân, cho nên đều là Dụng của Chân.

Hỏi: Kinh nói Như Lai Tạng phát khởi và tạo ra tất cả thế gian, giống như người có tay nghề làm ra các loại kỹ thuật..., thì nhất định pháp nhiệm này cũng là thụ động tạo ra, vì sao nói là không?

Đáp: Lý thật thì nhiệm-tịnh đều là thụ động duy trì mà được kiến

lập, nhưng trái-thuận sai khác không giống nhau. Điều này thế nào? Bởi vì như quán sát về thực hành bố thí, ba quan hệ đều rỗng rang, khiến cho phước bố thí rộng lớn giống như hư không; nếu quán sát Thế của tội lỗi rỗng rang là khiến cho tội chướng diệt mất, thì tại sao cũng không khiến cho tội lỗi rộng lớn? Vậy thì biết tội lỗi trái với Chân, tiến vào Như thì diệt mất; thiện thuận với Chân, tiến vào Như thì rộng thêm, cho nên không giống nhau. Vậy thì khắp nơi phát khởi nhiễm-tịnh thuận với Dụng chứ không trái. Trên đây là dựa theo Thỉ và Chung giáo mà nói. Vả lại, tùy duyên sai khác gồm chung tất cả các pháp, toàn bộ là Dụng của Chân, có đủ Đế võng vi tế, trùng trùng vô tận, viên dung tự tại, ngay nơi Tướng không cần hội tụ, ngay nơi Tánh không cần tùy theo. Như trăm môn này đã phân rõ dựa theo Viên giáo để hiển bày mà thôi.

**4) Dựa theo Giáo hiển bày:** Chân Như có hai môn, là Nhất thừa Chân Như và Tam thừa Chân Như.

*Nhất thừa cũng có hai môn:* 1) Biệt giáo là viên thông các sự hàm chứa tất cả vô tận như Nhân-đà-la võng và vi tế..., mở rộng về trăm câu này nói trong phần Như. 2) Đồng giáo thì nghĩa giống với Tam thừa, nhưng bởi vì hồi hướng trí cho nên thâm nhiếp vào Nhất thừa.

*Tam thừa Chân Như cũng có hai môn:* 1) Đốn giáo là như Duy Ma cứ im lặng để hiển bày về ý sâu xa, Như này bật dứt tướng của giáo nghĩa, Tướng đều không theo kịp, nói như phần Na-già Thất-lợi trong kinh Đại Bát Nhã. 2) Tiệm giáo thì tóm lược có ba môn: Một là Chung, hai là Thỉ, ba là Thế gian đã nhận biết.

Một, trong Chung giáo lại có hai loại: a) Thỉ là như 32 Bồ-tát hiển bày về pháp môn Bất Nhị; b) Chung tức là Bất Nhị mà Văn-thù Sư-lợi đã hiển bày. Hai môn Thỉ-Chung này đều có đủ hai môn Không-Hữu thuộc giáo nghĩa Vô phân biệt.

Hai, trong Thỉ giáo cũng có hai: a) Thỉ là như luận Bách Pháp thâm nhiếp tất cả pháp thuộc về sáu Vô vi, hiển bày về Nhân Không-Pháp Không, có thể biết Chân Như không sánh kịp, hai Không là trên hết, môn này bao gồm giáo nghĩa Phân biệt và Vô phân biệt. b) Chung thì như Duy Ma vì Ca-chiên-diên mà nói không sinh-không diệt là nghĩa Vô thường... Lại trong Kim Cang Bát Nhã nói vi trần thì không phải là vi trần... Lại trong luận Đối Pháp tách sáu Vô vi thành tám, thì ba loại Chân Như thuộc về Vô vi thâm nhiếp, có thể biết Chân Như trở thành Vô vi là trên hết. Thỉ-Chung thuộc Sơ giáo này đều bao gồm giáo nghĩa Phân biệt và Vô phân biệt. Nghĩa vô phân biệt gọi là chứng Chân Như, Giáo vô phân biệt là dựa vào cảnh quán sát về ý của ngôn ngữ vô phân

biệt mà tỏ ngộ ngôn giáo Đại thừa. Nghĩa phân biệt thì nói giáo nghĩa vốn là Không. Nay trong Sơ giáo thì Chân Như chỉ là nghĩa Không, không giống như Chung giáo.

Ba, thế gian đã nhận biết chân thật lại có hai loại: a) Thủ là chính thiện căn của trời-người và Nhị thừa ngu pháp đều thâm nhiếp vào tánh chân thật. Luận Trung Biên nói: “Thế gian đã nhận biết chân thật thâm nhiếp vào tánh chân thật.” Theo văn của luận ấy thì thế gian chỉ trừ ra hư cuồng vọng ngữ..., còn lại đều đưa vào chân thật, bởi vì thừa nhận là phương tiện xa của Bồ-đề. b) Chung là bởi vì luận nói tất cả pháp chỉ có tên gọi, nghĩa là phân biệt tên gọi, tư duy tên gọi mà biết được, không giống như pháp thuộc phương tiện xa. Nghĩa này chỉ hạn chế trong mười tên gọi thuộc hai loại, bởi vì là phương tiện gần của Đại thừa; Chân Như thì thậm chí lưu chuyển vào mười tên gọi, lý không thể nào hủy hoại cho nên cùng là Chân Như.

Ở trong văn này đếm tất cả có trăm câu, kiểm tra văn thiếu đi một câu, một câu đầu là tổng quát, còn lại đều là riêng biệt.

Trong tổng quát thì Chân tánh không khác gọi là Như; tự Thế tuyệt diệu, quy phạm xứng với pháp, thần thông trí tuệ qua lại phù hợp nói là Môn, cũng là không giống với sinh diệt môn, cho nên gọi là Môn. Đến tất cả các đạo là hiển bày về phạm vi giới hạn, nghĩa là trình bày về lý rộng khắp các hành. Hồi hướng thiện căn vô lượng vô biên là trình bày về hành rộng khắp như lý, nghĩa là xứng với Như mà thành tựu hồi hướng. Lại giải thích: Lý thật thì Chân Như là pháp sai biệt vô lượng vô biên rộng khắp tất cả các đạo, bởi các pháp ấy là Như Thuyên Môn, Chân Như đối với Dị Thuyên Môn sai khác ấy mà khiến cho Thế hiển bày rõ ràng, Môn chính là nhiều phạm vi cho nên nói là rộng khắp tất cả... Nay tạm thời dựa vào Bách Môn để trình bày về mười-mười vô tận, vậy thì tất cả các pháp là Môn của Chân Như, cho nên nói là Như Pháp Môn. Đây vốn là chuyển đổi thuận theo tiếng Phạm. Nghĩa chính xác nên nói là Như rộng khắp tất cả các đạo vô lượng vô biên, tất cả các pháp ấy là pháp môn của Như, cho nên nói là Như Pháp Môn, đây là nêu ra. Rộng khắp tất cả... là giải thích để hiển bày, nghĩa là tất cả các đạo thì đạo là Môn, bởi vì có thể hiển bày về Chân Như. Hồi hướng thiện căn, nghĩa là trình bày về dùng thiện căn rộng khắp giống với Như, tùy theo Môn sai khác mà thành tựu hồi hướng.

*Sau là riêng biệt hiển bày, trong mỗi một câu đều có ba nghĩa: 1) Như Như là nêu ra như lý, nghĩa là như Chân Như ấy; 2) Thiện căn cũng như vậy là nêu ra thiện giống với Như; 3) Hồi hướng... là dùng thiện*

căn giống với Như để hồi hương thành tựu lợi ích giống với Như, vì vậy thiện căn đã hồi hương và chúng sinh đã hồi hương cùng với tướng lợi ích đã thành tựu đều là Chân Như mà có những thành tựu.

*Lại trong ba nghĩa này:* 1) Giải thích về Như; 2) Hiển bày về Tướng của Như; 3) Giải thích về hồi hương, cho nên gọi là Như Tướng Hồi Hương. Lại một là phân rõ về Thể của Như, hai là Tướng, ba là Dụng, tức là ba Đại của Chân Như. Mỗi một câu sau cũng đều như vậy.

Ở trong phần riêng biệt này, Pháp sư Anh phân làm mười phần, đó là 10 câu thứ nhất trình bày về Như trong phần vị Hiền Thủ, 10 câu thứ hai trình bày về Như trong phần vị Thập Trú, 10 câu thứ ba trình bày về Như trong phần vị Thập Hạnh, 10 câu thứ tư trình bày về Như trong phần vị Thập Hồi Hương, 10 câu thứ năm trình bày về Như trong địa Tịnh Tâm, 10 câu thứ sáu trình bày về Như trong địa Hành Tích, 10 câu thứ bảy trình bày về Như trong địa Quyết Định, 10 câu thứ tám trình bày về Như trong địa Cứu Cánh, 10 câu thứ chín trình bày về Như trong phần vị Đẳng Giác, 10 câu thứ mười trình bày về Như trong Phật Địa. Phân văn như vậy cũng chưa thấy thuận với điều ấy.

Vả lại, Pháp sư Linh Dụ, Pháp sư Ý-Pháp sư Cự... ở Bắc Đài đều phân làm mười, tất cả đều không giống nhau, nhưng đối với xu thế của văn thì tất cả đều không thuận theo cho nên không nói đến.

**Pháp sư Viễn nói:** Như vậy nào khác nhau, tướng khác nhau khó nhận biết. Nay lại nói về điều đó: 10 câu đầu dựa theo những công hạnh của Địa tiền mà phân rõ về Như, 88 câu sau dựa vào những công hạnh từ Địa thứ nhất trở lên để phân rõ về Như. Cách phân định này cũng khó. Nay nói các Môn đều là một pháp, đều chọn lấy tất cả Thể-Tướng-Dụng của Chân Như, cũng không thể phân chia làm thành từng đoạn thuận theo nhau. Ở trong các môn Chân Như đều là Thể thuận theo duyên sai khác, nghĩa là Tánh Như mà không phải là Tướng Như..., thiện căn giống với Như cũng tùy theo môn riêng biệt, vì vậy Tánh Như của thiện căn không phải là Tướng Như của thiện căn... Thể thuận theo môn sai khác, khởi Dụng cũng sai khác, vì vậy các môn sau như Tánh Môn hồi hương, Vô Tánh Môn hồi hương, Thật Tướng hồi hương..., đều dựa theo đó nhận biết.

Quá khứ không phải là như nhau, Pháp sư Đại Phạm ở Tương Châu nói: Đây là phá chấp về ba đời của Tiểu thừa, nghĩa là họ chấp quá khứ làm có. Nếu là có thì giống như hiện tại, nay đã diệt không có, cho nên nói là không giống nhau. Nói vị lai không vốn có, Tiểu thừa

cũng chấp vị lai có pháp lưu chuyển đến hiện tại. Nếu như vậy thì lẽ ra vốn có pháp nay đã là vị lai, duyên chưa đến cho nên rốt cuộc là không có pháp, cho nên nói là không vốn có. Hiện tại không khác nhau, họ chấp hiện tại quyết định là có, nay trình bày chờ duyên tạm thời hội tụ, suy ra thì không vốn có, không khác gì không có quá khứ-vị lai, cho nên nói là không khác nhau.

**Pháp sư Dụ nói:** Quá khứ không giống nhau là Tập khởi mà không có Tập khởi, không vốn có là chuyển biến mà không phải chuyển biến, không khác nhau là tướng sai khác mà không phải tướng sai khác. Phát khởi mới hoại thì hợp với quá khứ, trừ diệt sinh tử thì giống như vị lai, thanh tịnh sinh ra thì tựa như không khác nhau.

**Pháp sư Viễn nói:** Quá khứ không thường còn, cùng trở về diệt hết, đối với hiện tại vốn không có, cho nên nói là không giống nhau. Pháp vị lai mới sinh khởi, không phải tánh vốn có, cho nên nói là không vốn có. Pháp hiện tại đều trống rỗng, cho nên nói là không khác nhau. Tất cả ba không (Phi) này, lấy đó để làm Như.

**Pháp sư Cự nói:** Quá khứ không giống nhau là trình bày về Thể của Như, tuy ở quá khứ mà không thay đổi diệt đi, không giống với không có. Vị lai không vốn có, tuy là Tập khởi mà không có tướng khởi, trình bày về nơi đã khởi không vốn có. Hiện tại không khác nhau, tuy ở hiện tại mà không có hình thể-xứ sở, không khác gì quá khứ-vị lai.

**Pháp sư Anh nói:** Pháp quá khứ diệt đi tương tự với không có, gọi đó là giống nhau. Nay trình bày dựa vào Như mà phát khởi hạnh nguyện mới, không giống với pháp quá khứ không có, cho nên nói là không giống nhau. Nghiệp cũ tàn lụi rơi rụng thì mới nhận lấy báo vị lai, gọi đó là vốn có. Nay trình bày về chứng Như, rời bỏ nghiệp cũ ấy, cho nên nói là không vốn có. Hiện tại tạo nghiệp kết buộc không giống với quá khứ-vị lai, gọi đó là khác nhau. Nay quán sát về nghiệp kết buộc vốn không có tạo khởi, hoàn toàn thanh tịnh, cho nên nói là không khác nhau. Phát khởi mới hoại... là giải thích về quá khứ, trừ diệt... là giải thích về vị lai, thanh tịnh... là giải thích về hiện tại.

*Nay lại giải thích rộng ra, luận về pháp ba đời, có hai môn:* 1) Tánh Không môn; 2) Thành Hữu môn. Tánh Không, nghĩa là quá khứ đã diệt cho nên Không, vị lai chưa đến cho nên Không, hiện tại không dừng lại cho nên Không. Nay trong văn này dựa theo Thành Hữu môn, nghĩa là pháp ở niệm trước là quá khứ diệt, bởi vì có thể dẫn dắt phát khởi sinh ra pháp ở niệm sau, cho nên quá khứ không giống nhau. Luôn luôn chỉ có đoạn diệt, niệm sau là nhà của niệm trước. Vị lai tuy do niệm trước

diệt khiến cho niệm sau này sinh ra, nhưng nay không có pháp của niệm trước có thể truyền đến niệm sau, cho nên nói là vị lai không vốn có. Vì vậy pháp cũ trong niệm trước, nay không có ở niệm sau. Pháp hiện tại hướng về niệm trước giống như vị lai, hướng về niệm sau giống như quá khứ, cho nên nói là không khác nhau. Vì vậy niệm trước tàn lụi diệt đi, tuy không giống như hết sạch, nhưng không có pháp đến sau. Niệm sau nối tiếp niệm trước, tuy dựa vào niệm trước khởi lên, nhưng pháp mới không vốn có. Vì vậy trong hồi hướng, phát khởi tâm Bồ-đề mới hoàn. Bởi vì niệm trước không giống nhau, khiến cho niệm sau nối tiếp khởi lên, làm cho tâm Bồ-đề không Đoạn. Bởi vì niệm sau không vốn có, cho nên niệm niệm mới hoàn, khiến cho tâm Bồ-đề không Thường. Trừ diệt sinh tử-thanh tịnh phát sinh, hiển bày về tác nghiệp của tâm, ý vẫn như vậy suy nghĩ có thể thấy. Vả lại, hiện tại niệm niệm thành Chánh giác, nghĩa là thông hiểu rõ ràng hiện tại cũng bình đẳng, cho nên thấy Lý gọi là Giác. Bốn đoạn trên đây toàn bộ là phần thứ hai chính thức hồi hướng, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ ba kết luận do hồi hướng mà thành tựu đức. Lúc hồi hướng như vậy, là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, nghĩa là do hồi hướng thiện căn giống với Như trước đây, cho nên đạt được tất cả các pháp ngay nơi bình đẳng mà có tác dụng làm lợi ích. Mười câu phân năm: 1) Hai câu dựa theo xứ sở, một là ngay nơi bình đẳng mà thành tựu trang nghiêm, hai là ngay nơi bình đẳng mà từ trong đó chuyển Pháp luân. 2) Hai câu tiếp dựa theo con người, một là Bồ-tát ngay nơi bình đẳng mà phát ra nguyện ấy, nghĩa là khởi nguyện Nhất thiết trí là Bồ tát, hai là quán sát Thể của nhiều Đức Phật không khác nhau. 3) Hai câu tiếp dựa theo pháp, một là dựa theo Tánh của pháp, hai là dựa theo Tướng của pháp tướng; lại một là Chân, hai là Tục. 4) Hai câu tiếp dựa theo hạnh, một là hạnh của Bồ-tát, hai là hạnh của Phật. 5) Hai câu sau cuối dựa theo đức, một là dựa theo Thể của Phật bình đẳng, hai là dựa theo Dụng của Phật bình đẳng.

Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về tên gọi, có thể biết. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là trong phần thứ hai trình bày về quả của phần vị, đạt được mười quả: 1) Đạt được quả pháp của Phật, đó là đạt được pháp môn thanh tịnh vô biên là Chứng pháp, vừa nhiều vừa sâu là đạt được Thể của Phật làm người hùng mạnh là thành tựu Tướng của Phật, gầm lên tiếng Vô úy là đạt được sự Thuyết giảng của Phật, thành tựu Bồ-đề là đạt được sự Hóa độ của Phật, không ngưng nghỉ là đạt được



Thời gian hóa độ của Phật. Lại một là chứng pháp sâu xa, hai là trở thành người cao quý, ba là lợi ích hóa độ rộng rãi, bốn là thời gian hóa độ lâu dài. Trên đây là câu tổng quát. Chín câu sau là hiển bày riêng biệt: 1) Đạt được Thân viên mãn của Phật; 2) Đạt được Âm viên mãn của Phật; 3) Đạt được Lực viên mãn của Phật; 4) Đạt được Pháp viên mãn của Phật, nghĩa là vượt ra ngoài chúng sinh cho nên nói là thù thắng, mà vẫn đến với cơ cho nên nói là thị hiện tất cả; 5) Đạt được Thông viên mãn của Phật; 6) Đạt được Dụng viên mãn của Phật, đó chính là Giải thoát không nghĩ bàn; 7) Đạt được Định viên mãn của Phật; 8) Đạt được Biện viên mãn của Phật; 9) Đạt được Giác viên mãn của Phật, nghĩa là hiện rõ Đẳng Giác của Phật đối với chúng sinh. Sau là kết luận.

*Trong phần thứ hai là kệ tụng, có 29 kệ phân năm:* 1) Đầu có hai kệ tụng về Thể của hạnh trước đây; 2) Từ “Bồ-tát tư duy...” trở xuống có bốn kệ tụng về hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề; 3) Từ “Dĩ thử...” trở xuống có hai kệ tụng về hồi hướng Thật tế; 4) Từ “Thâm lạc...” trở xuống có 16 kệ tụng về hồi hướng tự tại vô ngại thuần thực, đối với trăm môn trên đây sơ lược tụng không hết, lại không theo thứ tự, trong đó bảy kệ đầu chính thức tụng về hồi hướng giống với Như thuần thực trước đây, chín kệ sau bao gồm tụng về quả của phần vị sau, suy nghĩ có thể thấy; 5) Cuối cùng có năm kệ tụng về do hồi hướng mà thành tựu đức, có thể biết.

**\* Thứ chín là Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Tâm Hồi Hướng,** có bốn môn phân biệt:

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Tâm Hồi Hướng này dựa theo Đại hạnh Vô đẳng mà lập thành tên gọi. Không ràng buộc không vướng mắc, có sáu loại: 1) Bởi vì lìa xa phàm phu cho nên không ràng buộc sinh tử, bởi vì ra khỏi Tiểu thừa cho nên không vướng mắc Niết-bàn; 2) Không ràng buộc vì lìa xa sáu Thức giữ lấy cảnh bên ngoài, không vướng mắc vì lìa xa Thức thứ bảy chấp ở bên trong; 3) Lìa xa hiện hành ràng buộc, không có chủng tử vướng mắc; 4) Không ràng buộc giữ lấy Hữu, không vướng mắc chấp vào Không; 5) Không có ràng buộc của Hoặc chướng, không có vướng mắc của Trí chướng; 6) Không có ràng buộc của Sử thô thiếu, không còn vướng mắc của tập khí, cho nên gọi là Vô Phược Vô Trước, đây là trình bày về Thể của hạnh. Giải Thoát là Đại Dụng vô ngại, không phải là chỉ thoát khỏi các chướng, đây là Dụng của hạnh. Tâm là Thể của hạnh, tâm là chỗ dựa của Dụng, nghĩa là tâm Đại Trí của Bồ-tát là chỗ dựa của thiện căn,

dùng thiện căn đã thâm nhiếp trong tâm này đều dùng để hồi hướng, thành tựu đức sâu rộng của Phổ Hiền, cho nên lấy làm tên gọi, đây là từ chủ động hồi hướng mà lập thành tên gọi.

Hỏi: Văn sau cũng có Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Thân... đã thâm nhiếp thiện căn, cũng thành tựu hồi hướng, vì sao nêu ra tên gọi chỉ dựa vào tâm mà lập thành tên gọi?

Đáp: Lý thật thì gồm chung các loại còn lại, nhưng các loại ấy ở trong ngàn môn thuộc văn sau, trăm môn trong Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Tâm này, ở phần văn hồi hướng mở rộng phân rõ, các loại còn lại đều dựa theo nối thông với nhau, vì vậy dựa vào nơi rộng rãi này để làm tên gọi.

**B. Ý ĐƯA RA:** Trước là hiểu rõ Tướng thuận theo Thể, nay dựa vào Thể phát khởi Dụng, bởi vì hiển bày thuần thực tự tại, cho nên đưa ra phần vị này.

**C. THỂ CỦA PHÁP:** Dùng Đại Dụng thuộc ba nghiệp vô biên-tự tại rất sâu-rộng lớn vô ngại của Phổ Hiền, làm pháp của phần vị này.

**D. GIẢI THÍCH VĂN:** Ngay trong trường hàng cũng có hai, trước là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị.

Trong phần trước là giải thích, trong giải thích có ngàn môn phân hai: Đầu là mở rộng giải thích về trăm môn trong tâm giải thoát không ràng buộc-không vướng mắc; 900 môn còn lại dựa theo thể lệ giải thích chung.

*Ngay trong phần đầu, trong trăm môn lại phân hai:* 20 môn đầu phân rõ về Thể của hạnh có thể hồi hướng, 80 môn còn lại hiển bày về Dụng của hạnh đã hồi hướng.

*Ngay trong 20 môn đầu cũng có hai:* Một, 10 môn đầu dùng tâm Bất khinh thâm nhiếp thiện căn; Hai, Từ “Thường lạc...” trở xuống là 10 môn tích tập nuôi lớn muốn sử dụng để hồi hướng.

*Trong 10 câu phần một:* Đầu là một tâm tổng quát phân rõ, chín tâm còn lại là hiển bày riêng biệt. Trong riêng biệt, dựa theo tổng quát nói đầy đủ thì phải nói là: Không sinh tâm coi khinh đối với thiện căn ra khỏi sinh tử, cho nên nói là tâm không coi khinh ra khỏi sinh tử. Sau đều dựa theo đây. Vì sao? Bởi vì không coi khinh có hai nghĩa: 1) Bởi vì từ Phật quả phát ra; 2) Có thể thành tựu Vô thượng Đại Bồ-đề, như trong kinh Pháp Hoa nói thậm chí xưng niệm một tiếng nhỏ đều đã thành Phật đạo..., như cây Ni-câu-đà hạt nhỏ trái lớn..., như thiện niệm quét tháp... trong phẩm Hiền Thủ trước đây thành tựu đốn nghiêm sáng ngời trong Phật quả..., cho nên không thể coi khinh.

Hỏi: Lý ra còn có thiện căn thù thắng vi diệu, vì sao vẫn sau dựa theo một lần chấp tay mà trình bày về không coi khinh?

Đáp: Đây là điều nhỏ bé nhất mà người thế gian coi khinh, Bồ-tát thâm nhiếp cho đến đối với điều này hãy còn không coi khinh như vậy, huống hồ tất cả những điều khác, cho nên dựa theo như vậy mà phân rõ.

*Trong riêng biệt:* 1) Lìa bỏ pháp ác; 2) Thâm nhiếp pháp thiện; 3) Rộng tu những pháp còn lại, có thể biết.

*Trong phần hai là tích tập có mười câu:* Đầu là một câu tổng quát bởi vì không coi khinh các thiện căn trước đây, cho nên thường vui thích thâm nhiếp tiếp nhận pháp thiện ấy. Sau là chín câu riêng biệt: 1) Thâm nhiếp khiến cho không mê lầm; 2) Khế hợp tương ứng cho nên nói là an trú; 3) Nhớ nghĩ không gián đoạn; 4) Phương tiện khéo léo tăng thêm gọi là nuôi lớn; 5) Không để tâm nhiễm ô làm vấy bẩn thiện căn ấy, cho nên nói là không vướng mắc; 6) Chỉ dùng tâm ngay thẳng mà thành tựu thiện căn, cho nên nói là đầy đủ chính đáng...; 7) Không có sai lầm có thể loại trừ cho nên nói là không lựa chọn, lại cũng có pháp thiện này thu nhận cho nên nói là không lựa chọn; 8) Có thể thành tựu Phật quả cho nên nói là tùy thuận; 9) Có thể đạt được Phật quả cho nên nói là đạt được tự tại. Câu trước thuận theo hướng về Phật quả, câu này chính thức đạt được Phật quả. Nêu ra thiện đã hồi hướng, xong.

*Từ đây trở xuống là trong phần sau chính thức hồi hướng, có hai:* Một, 60 môn trình bày về hồi hướng rộng lớn; Hai, Từ “Bất vọng thế gian...” trở xuống là 20 môn trình bày về hồi hướng rất sâu xa, sâu rộng vô ngại là Đại hồi hướng. Lại cũng đầu là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, sau là hồi hướng Thật tế.

Trong phần một có 60 môn, bên trong rộng lớn là hiển bày về Đức Dụng tự tại của Phổ Hiền. Trong đó, một môn đầu là tổng quát, nghĩa là tâm giải thoát không gì ràng buộc-không gì vướng mắc là tâm có thể hồi hướng; thiện căn ấy là các thiện căn đã thâm nhiếp trước kia, hồi hướng đầy đủ... chính là đã hồi hướng.

Hỏi: Vì sao trong này không nói đến hồi hướng Chúng sinh?

Đáp: Chỉ khiến cho thành tựu ba nghiệp của Phổ Hiền, mới có thể tận cùng chúng sinh giới mà thâm nhiếp giáo hóa, vì vậy cũng là hồi hướng Chúng sinh...

Sau là riêng biệt hiển bày về Đức Dụng thuộc ba nghiệp của Phổ Hiền. Trong đó, chỉ biết mỗi một môn đều thâm nhiếp Đức Dụng tự tại của pháp giới, hoặc là Lý-hoặc là Hạnh, hoặc là Trí-hoặc là Cảnh,

hoặc là hạnh Tự lợi-hoặc là Hóa độ chúng sinh, hoặc là Thể-hoặc là Dụng, hoặc là Nhân-hoặc là Quả, hoặc là Người-hoặc là Pháp, mỗi một loại đều tổng quát thâm nhiếp tất cả các pháp, cho nên không thể nào thuận theo nhau phân tích riêng biệt. Nay sơ lược phân hai: Một, 24 môn hiển bày về nhân vị cứu cánh của Phổ Hiền; Hai, Từ “Ư nhất nhất cảnh giới...” trở xuống là 35 môn hiển bày về quả vị cứu cánh của Phổ Hiền, bởi vì trong môn Phổ Hiền gồm chung nhân quả, cho nên có hai môn này. Lại giải thích: Trước là dựa theo Tự phần, sau là Thắng tiến, bởi vì hai phần vô ngại vốn là đức của Phổ Hiền.

*Trong phần một cũng có hai:* 1) Mười bốn môn trình bày về ba nghiệp tự tại của Phổ Hiền; 2) Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là mười môn trình bày về ba nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền.

*Trong phần một:* Một môn đầu là chỗ dựa của hạnh, nghĩa là nhờ dũng mãnh tinh tiến khiến cho thành tựu đức của hạnh. Sau là trình bày về đức đã thành tựu: Đầu là bốn môn trình bày về Tổng trì vô ngại, là ý nghiệp tự tại; tiếp là sáu môn trình bày về Lực dụng vô ngại, là thân nghiệp tự tại; tiếp là một môn trình bày về Viên âm vô ngại, là ngữ nghiệp tự tại; sau cuối là hai môn trình bày về tự tại đối với Chúng sinh thế gian và Khí thế gian.

*Trong phần hai là trình bày về ba nghiệp rộng lớn, mười môn phân bốn:* Đầu là ba môn trình bày về ngữ nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền, một là âm thanh thuyết giảng khắp nơi, hai là duy trì những pháp đã thuyết giảng, ba là thuyết giảng không ngừng; tiếp là hai môn trình bày về thân nghiệp rộng lớn, một là Thể, hai là Dụng; tiếp là hai môn trình bày về ý nghiệp rộng lớn, một là trí thuộc Nhân, hai là trí thuộc Quả; sau cuối là ba môn bao gồm kết luận về ba nghiệp, một là trình bày về chịu khó mở rộng ba nghiệp, hai là trình bày về thân-ngữ sâu rộng, ba là trình bày về ý nghiệp thâm nhiếp pháp. Trên đây là nhân của Phổ Hiền, xong.

*Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về quả đức của Phổ Hiền có 35 môn, tùy theo tướng phân ba:* 1) Mười môn trình bày về đạt được đức thâm nhiếp pháp rộng lớn của Phổ Hiền; 2) Từ “Ư nhất niệm khoảnh tất năng...” trở xuống là mười lăm môn trình bày về thâm nhiếp pháp tự tại; 3) Từ “Diệu trí tri sắc vi tế...” trở xuống là mười môn trình bày về trí vi tế của Phổ Hiền.

Lại phần một là biết về pháp trong một lớp bằng phẳng khắp nơi, phần hai là biết về pháp ngay trong nhau-hòa vào nhau trùng trùng, phần ba là biết về pháp vi tế dung nạp duy trì rất sâu xa. Đây cũng là

tướng dần dần theo thứ tự.

*Trong phần một là 10 môn:*

- 1) Trí khéo léo tự tại, gọi là Vương phương tiện.
- 2) Vô minh trú địa không còn, gọi là Pháp Vương lia si.
- 3) Tuệ soi chiếu pháp hành, gọi là Pháp Minh.
- 4) Khéo léo thành tựu hóa độ, gọi là Phương tiện, trong đó nêu ra mười loại, từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về Vô tận.

Hỏi: Đoạn trước trình bày về nhân của Phổ Hiền, vì sao trong đó cũng có hạnh của Phật? Trong phần này trình bày về quả, vì sao cũng có hạnh của Bồ-tát?

Đáp: Biện Công giải thích là phần trước nêu ra quả để hiển bày nhân, phần này nêu ra nhân để hiển bày quả. Lại nói là Bồ-tát tu hạnh cùng với Phật như nhau gọi là hạnh Phổ Hiền, Phật thực hành Đại hạnh gọi là hạnh Phổ Hiền. Nay lại giải thích trong kinh nói: Tuy đạt được Phật đạo, chuyển vận Pháp luân, tiến vào Niết-bàn, mà không rời bỏ đạo của Bồ-tát, là hạnh của Bồ-tát. Nghĩa là nhân đầy đủ thành tựu Dụng của quả, đạt được quả mà không rời bỏ nhân. Lại do hai phần vị nhân-quả, ngay trong nhau-hòa vào nhau vô ngại đều thu nhận pháp giới, nghĩa là nhân tận cùng pháp giới đầy đủ đối với quả, quả thâm nhiếp pháp giới hàm chứa đối với nhân.

5) Thân nghiệp khiến cho vui mừng được thấy.

6) Khẩu nghiệp nhận biết lời nói thanh tịnh.

7) Trí biết tất cả các pháp.

8) Đạt được tự Thể-Tướng-Dụng thuộc Pháp thân của Phật.

9) Đạt được căn viên mãn, căn có hai nghĩa: a) Nghĩa về sinh sau, đó là xuất sinh vô tận; b) Nghĩa về thọ pháp, đó là căn khí tiếp nhận giáo pháp. Không có hạn lượng cho nên dựa theo nơi đã phát ra-nơi đã tiếp nhận mà nói, và tự Thể sai biệt nêu ra 15 loại, có thể biết.

10) Đạt được thần lực vô tận, trong đó một câu đầu là tổng quát, mười câu sau là riêng biệt, dựa vào những Lực này mà tu hạnh Phổ Hiền.

Từ đây trở xuống là 15 môn trình bày về tự tại vô ngại thâm nhiếp pháp trùng trùng, trong đó:

1) Thân và Trí vô ngại, nghĩa là Thân có thể khắp nơi bên ngoài mà hàm chứa bên trong, Trí hòa vào Vô sinh mà phát sinh Đại hạnh.

2) Sinh vào nhà Như Lai, tu Trí thuộc hạnh pháp giới.

3) Dùng ánh mắt rộng khắp nhìn thấy pháp giới tự tại, cho nên

nói là đối với một phàm phu (mao đạo)... Con đường dung nạp một mảy lông gọi là mao đạo, trong đó có ba pháp viên mãn: a- Dung nạp tất cả quốc độ dựa theo Sự; b- Tất cả pháp giới dựa theo Lý; c- Đến tận cùng Không giới ngay nơi Sự Không. Vì sao như vậy? Nghĩa là có hai nghĩa: Một là bởi vì pháp tánh dung thông cho nên Sự thuận theo Lý dung hòa, hai là bởi vì tướng duyên khởi vô ngại cho nên ngay trong nhau-hòa vào nhau dung nạp duy trì tự tại. Môn này có Đồng Thể và Dị Thể, dựa theo trên suy nghĩ.

4) Trí tiến vào Kiếp tự tại, nghĩa là dài-ngắn vô ngại.

5) Thân nghiệp tự tại, là khiến cho một thân ngay nơi nhiều, đều dung nạp trong nhiều.

6) Thấy Phật nghe pháp tự tại, nghĩa là không đắm vào Phật, không trái với pháp.

7) Trí tiến vào Thế giới tự tại, nghĩa là chuyển biến qua lại tùy theo trí vô ngại.

8) Trí nhận biết về Tướng tự tại, nghĩa là tất cả các pháp đều vốn là trong Niệm Tướng mà thành lập, vì vậy tất cả đều là Tướng, trong đó có ba: a) Một câu là tổng quát; b) Nêu ra 38 loại Tướng đã nhận biết; c) Từ “Như thị...” trở xuống là hiển bày về đức chủ động nhận biết, trước là trình bày về đức lìa xa tướng, sau từ “Nhất thiết Như Lai...” trở xuống là trình bày do nhận biết tâm mà thành tựu đức, có thể biết.

9) Trí nhận biết về Tâm tự tại, là các tâm hòa vào nhau và nghiệp dựa vào tâm khác.

10) Trí nhận biết về Xứ tự tại, nghĩa là một ngay nơi tất cả...

11) Trí nhận biết về Nghiệp tự tại.

12) Trí nhận biết về Pháp tự tại.

13) Trí nhận biết về Ngũ tự tại, nghĩa là đạt được Nhĩ căn thanh tịnh vô ngại.

14) Trí có thể nhận biết về Căn mà thuyết pháp.

15) Trí nhận biết về Căn tự tại. 15 môn trên đây đều là một trong tất cả mà nhận biết rõ ràng vậy thôi.

*Từ đây trở xuống là 10 môn trình bày về Trí vi tế tự tại của Phổ Hiền:*

1) Trình bày Trí vi tế nhận biết về Pháp thế gian, trong đó có ba:

a) Một câu tổng quát nêu ra Trí chủ động nhận biết.

b) Nêu ra 11 loại pháp vi tế.

**Pháp sư Diễn nói:** Sự thụ động nhận biết sâu xa, Trí chủ động nhận biết vi tế.



**Biện Công nói:** Những loại này đều khó biết, cho nên gọi là vi tế. Nay dựa theo kinh văn trên-dưới, ở trong một pháp có tất cả các pháp, rõ ràng như nhau cùng lúc hiển hiện, là nghĩa về vi tế.

c) Từ “Như thị...” trở xuống là trình bày về đức chủ động nhận biết.

2) Trí vi tế nhận biết về Chúng sinh, đầu là nêu ra mười loại thụ động nhận biết, sau là kết luận về đức chủ động nhận biết.

3) Trí vi tế nhận biết về Đức thuộc hạnh của Bồ-tát, nghĩa là nêu ra Sơ phát tâm..., chọn lấy tất cả Bồ-tát, nêu ra 21 loại vi tế đã nhận biết.

4) Trí nhận biết về Đại Dụng của đức ở phần vị Bồ-tát: a) Nêu ra 42 loại đã nhận biết, 11 loại đầu trình bày về phần vị của hạnh thành tựu đầy đủ, từ “Đâu-suất Thiên...” trở xuống trình bày về phần vị đầy đủ Đại Dụng, đó là tám tướng... b) Từ “Như thị...” trở xuống trình bày về đức chủ động nhận biết, đó là thành tựu đức thuộc hạnh tự tại của Phổ Hiền.

5) Trí nhận biết về Tánh của chúng sinh, trước là nêu ra 10 loại đã nhận biết, sau từ “Như thị...” trở xuống là đức chủ động nhận biết.

6) Trí nhận biết về Thế giới, đầu là một câu tổng quát, tiếp là nêu ra 20 loại riêng biệt có ba thế gian tự tại, sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết. Lại những môn này đều nói về Trí vi tế là Trí thuận theo cảnh mà gọi tên. Lại vi tế này ở trong Trí cho nên Trí tức là vi tế.

7) Trí nhận biết về Pháp giới, trước là nêu ra đã nhận biết, một loại là tổng quát, mười loại là riêng biệt; sau là kết luận về đức chủ động nhận biết.

8) Trí vi tế nhận biết tiến vào Kiếp, đầu là một câu tổng quát, từ “Vô lượng...” trở xuống là riêng biệt nêu ra 10 loại; sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết, thành tựu mười loại tâm, có thể biết.

9) Trí vi tế nhận biết về Pháp, trước là nêu ra 10 loại Trí vi tế về pháp, sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về thành tựu đức chủ động nhận biết. Nghĩa về pháp trong mục trước có bốn lớp: a) Thể của pháp đầy đủ đức; b) Tất cả tức là một... trình bày về Dụng của pháp ngay trong nhau; c) Tiến vào không phải pháp... là trình bày về Lý-Sự ngay trong nhau; d) Tiến vào phương tiện vô dư là Thể-Dụng khéo léo.

10) Trí vi tế nhận biết về Vô dư, trước là nêu ra mười loại đã nhận biết, sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận

biết. Đầu xuất sinh, nghĩa là Lượng Trí từ Lý phát khởi gọi là xuất sinh; nhận biết không có gì không tận cùng gọi là vô dư. Môn này cũng là tổng quát kết luận, cho nên nói là nhận biết không sót lại gì. Trên đây là phần hồi hướng rộng lớn, xong.

Từ đây trở xuống là trong phần hai trình bày về hồi hướng rất sâu xa, trong 20 câu đều hai câu một kết hợp nêu ra tổng quát làm thành 10 cặp: 1) Thể gian và pháp thể gian giả-thật trái ngược nhau. 2) Bồ-đề và Bồ-tát toàn phần là một cặp. 3) Thể và Dụng là một cặp, hành là Thể, ra khỏi sinh tử là Dụng. Lương Nhiếp Luận nói: “Đối với tánh Y tha phân biệt, không thấy hạnh mà Bồ-tát đã thực hành và hành đạo.” Là nói đến nghĩa này. 4) Nhân và Pháp. 5) Sinh và Thực. 6) Hành và Nguyện. 7) Tự và Tha. 8) Thí và Thọ. 9) Nhân và Quả. 10) Cảnh và Trí. Những loại này là các sự việc trong hồi hướng rộng lớn trước đây, tuy thành tựu đức tự tại rộng lớn mà đối với pháp ấy không có chấp thủ sai trái, vì vậy đều nói là không giữ lấy hư vọng. Trên đây là trăm môn, xong.

*Từ đây trở xuống là trong phần hai tương tự 900 môn còn lại, nêu ra 10 loại Chương môn:* Một Chương đầu là kết luận những loại thuộc về 100 môn trước đây, chín Chương còn lại theo thứ tự kết luận về 900 môn sau, nghĩa là như thiện căn do Tâm không ràng buộc-không vướng mắc đã thâu nhiếp thành tựu 100 môn hồi hướng này, thiện căn do Thân giải thoát không ràng buộc-không vướng mắc đã thâu nhiếp cũng hồi hướng như vậy; còn lại đều dựa theo đây.

*Trong mười Chương:* Đầu là ba chương về ba nghiệp; tiếp là hai chương về nghiệp báo; tiếp là hai chương về quốc độ nhiễm-tịnh, nghĩa là thế gian nhiễm ô là nơi giáo hóa; tiếp là hai chương về căn và thuốc, nghĩa là chúng sinh là đã giáo hóa, pháp là thuốc pháp; sau cuối là một chương về Chánh trí. Mười chương này đều là tự tại không có gì ràng buộc mà phát sinh thiện căn, bởi vì thành tựu hồi hướng đầy đủ đức của Phổ Hiền, cho nên đều nói là giải thoát không ràng buộc-không vướng mắc. Một chương đầu thiết lập hồi hướng thiện căn như vậy, còn lại tóm lược mà dựa theo, đều có đủ tất cả, nên biết! Trên đây là mở rộng và tóm lược toàn bộ 1000 môn về Đại hồi hướng, xong.

*Từ đây trở xuống trong phần sau là trình bày về quả của phần vị, có hai:* Đầu là quả thuộc thực hành, sau là quả thuộc phần vị.

*Trong phần đầu có mười câu:* 1,2,3) Ba câu đầu là thực hành hồi hướng giống như chư Phật và Bồ-tát ba đời; 4) Đạt được Chánh giáo; 5) Đầy đủ Chánh pháp, nghĩa là Chứng pháp; 6) Cảnh giới như nhau,

nghĩa là chúng sinh làm cảnh của Bi; 7) Thiện căn như nhau; 8) Cư trú như nhau, nghĩa là vùng đất Đại Bi là nơi cư trú, luận gọi là Phạm Trú; 9) Cùng chung một cảnh, đó là Chân đế; 10) Không trái với chủng loại, không ngăn ngại nhiều. Trên đây là phần giải thích, xong.

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi. Quả thuộc thực hành, xong.

Phần sau là trình bày về quả thuộc phần vị, trong đó có 12 câu đạt được hai loại quả: 1) Hiện thành quả; 2) Chuyển sinh quả.

1) Hiện thành cũng có hai: a) Quả của hạnh kiên cố; b) Quả của hạnh thù thắng. Một, hai câu đầu nêu ra hai quả này, từ “Nhất thiết chúng ma...” trở xuống là giải thích hiển bày về quả của hạnh kiên cố; hai, từ “Phổ hiện...” trở xuống là ba câu giải thích về quả của hạnh thù thắng, một là hạnh rộng lớn thù thắng, hai là khéo léo hóa độ thù thắng, ba là lìa nhiễm thù thắng.

2) Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là sáu câu trình bày về Chuyển sinh quả, cũng có hai: a-Bên ngoài đạt được quả quyền thuộc, nghĩa là không hủy hoại quyền thuộc; b-Bên trong đạt được quả thành tựu đức có năm câu, một là thành tựu đức của pháp khí, hai là đức của hạnh sâu xa, ba là đức của nhân tròn vẹn, bốn là đức của Dụng thuộc quả, năm là đức của nhân quả vô ngại.

*Trong phần thứ hai là kệ tụng, có 51 kệ phân ba:* Một, ba kệ tụng về Thế của hạnh đã hồi hướng; hai, từ “Sở tác...” trở xuống là 44 kệ tụng về hồi hướng rộng lớn, lược qua không tụng về hồi hướng rất sâu xa; ba, từ “Quá khứ nhất thiết...” trở xuống là bốn kệ tụng về do hồi hướng mà thành tựu quả.

*Ngay trong phần hai là 44 kệ:* Một kệ đầu tụng về nhân vị cứu cánh của Phổ Hiền, kệ còn lại tụng về nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, trong đó: Đầu từ “Thế gian vô lượng quần sinh...” là một kệ tụng về Trí vi tế nhận biết Thế gian; tiếp một kệ tụng về Trí vi tế nhận biết Nẻo của chúng sinh; tiếp một kệ tụng về Trí nhận biết Thế giới; tiếp một kệ tụng về Trí nhận biết Tâm; tiếp một kệ tụng về Trí nhận biết Căn; tiếp một kệ tụng về Trí nhận biết Nghiệp; tiếp ba kệ tụng về Trí tiến vào Kiếp và nhận biết Si-Mạn... của ba đời. Tiếp từ “Thập phương thế giới chư Như Lai...” trở xuống là 27 kệ tụng về phần vị của hạnh Bồ-tát thành tựu đầy đủ Đại Dụng, trong đó: Đầu là một kệ tụng về tổng quát; tiếp một kệ tụng về an trú cõi trời Đâu-suất; tiếp một kệ tụng về Nhập thai, là vi tế cho nên trong thai có đủ tám tướng; tiếp hai kệ tụng về Đản sinh; tiếp bốn kệ tụng về bảy bước-ngay lúc đó mỉm cười-thử gằm lên-phát ra ánh

sáng, đều là một kệ tụng, có thể biết; tiếp một kệ tụng về tại cung và xuất gia; tiếp năm kệ tụng về ngôi nơi đạo tràng-hàng ma-thành Chánh giác; tiếp năm kệ tụng về chuyển Pháp luân; tiếp ba kệ tụng về nhập Niết-bàn, cũng là hiển bày thị hiện tự tại ở những nẻo khác; tiếp một kệ kết luận về hồi hướng thiện căn của Bồ-tát này; tiếp ba kệ tụng về nghi thức thực hành của hồi hướng Đại quả. Trên đây là Dụng của phần vị, xong. Tiếp từ “Hữu số vô số...” trở xuống là bốn kệ tụng về tiến vào Kiếp và quốc độ đều là hạnh đã thực hành; tiếp hai kệ tụng về Trí xuất sinh-vô dư; tiếp một kệ tụng về Trí vi tế thuộc Tánh của chúng sinh.

Trong phần ba là bốn kệ tụng về phạm vi của quả ấy, hai kệ đầu tụng về quả thuộc thực hành, hai kệ sau tụng về quả thuộc phần vị, có thể biết.

\* **Thứ mười là Pháp Giới Đăng Vô Lượng Hồi Hướng**, cũng đưa ra bốn môn:

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Pháp Giới Đăng Vô Lượng Hồi Hướng là từ pháp lập thành tên gọi, có bốn nghĩa: 1) Dựa theo pháp thực hành mà hồi hướng, nghĩa là bởi vì thực hành Pháp thí mà thành tựu hồi hướng, cho nên gọi là Pháp Giới Đăng; 2) Dựa theo Thể của hạnh đã hồi hướng, nghĩa là Thể của hạnh đã hồi hướng rộng lớn vô biên giống như pháp giới; 3) Dựa theo trí chủ động hồi hướng; 4) Dựa theo đức đã hồi hướng, nghĩa là dùng thiện căn sánh bằng pháp giới để hồi hướng Đại Trí xứng với pháp giới, nhờ vào Đại Dụng hồi hướng pháp giới cho nên lập thành tên gọi. Đây là phần vị đầy đủ đến tận cùng, cho nên nêu ra mà gọi là Pháp Giới.

**B. Ý ĐƯA RA:** Trước trình bày dựa vào Thể khởi Dụng, ở đây trình bày về Thể-Dụng vô ngại, trọn vẹn vô cùng tự tại cho nên tiếp theo đưa ra.

**C. THỂ CỦA PHÁP:** Dùng Pháp thí rộng lớn thành tựu đức Đại thiện xảo tự tại của Phổ Hiền, là Thể của pháp này.

**D. TRONG VẤN GIẢI THÍCH:** Trong trường hàng cũng có hai: Hạnh của phần vị, quả của phần vị.

Trong hạnh có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Trong giải thích có ba:* Một, Nêu ra Thể của hạnh; Hai, Từ “Ma-ha-tát ư bỉ thiện căn hồi hướng...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hướng; Ba, Từ “Như thị hồi hướng thời...” trở xuống là trình bày do hồi hướng mà thành tựu đức.

*Trong phần một có ba:* 1) Nêu ra hạnh đã thành tựu; 2) Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống trình bày về nuôi lớn thiện căn. Lại trước là Tự

phần, sau là Thắng tiến. Lại trước là Lợi tha, sau là hạnh Tự lợi.

*Trong phần một có mười câu:* Đầu là một câu tổng quát trình bày về đạt được phần vị Pháp sư, như Địa thứ mười tiếp nhận phần vị từng phần đạt được Tam-muội Ly Cấu, cấu nhiệm này không còn thì tiếp nhận chức vị đầy đủ, bên trong đạt được Định ấy rưới vào đỉnh đầu của tâm, tướng bên ngoài biểu hiện rõ ràng, cho nên nói là Hệ Đảnh. Pháp từ dụ gọi tên là Ly Cấu Hội, chỉ có màu vẽ (Hội) này gắn trên đỉnh đầu liền biết. Người ấy đạt được pháp lìa xa cấu nhiệm, tiếp nhận phần vị thành tựu đầy đủ, nhờ đạt được phần vị này mới có thể thuyết pháp như mây ùn mưa tuôn, làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, vì vậy nói là thọ ký Đại Pháp sư. Lại như trong kinh Lăng Già, Bồ-tát Thập Địa như Đại Tuệ... được Đức Phật tự tay dùng thần lực rưới trên đảnh, cho nên có thể tự tại thuyết pháp, giống như ở đây.

*Nhưng tiếp nhận chức vị có hai:* Một, Dựa theo Dụ, như Thái tử của Luân Vương tiếp nhận địa vị... Hai, Dựa theo Lý hành, như trong tâm chứng Lý rưới trên đỉnh của Trí ấy, dựa theo Sự của phần vị có năm lớp: a) Dựa theo Tín-Hạnh đầy đủ, nói như phẩm Hiền Thủ; b) Dựa theo Trú đầy đủ, như Trú thuộc quán đảnh trên đây và phân rõ ở phần Đức Phật thuyết pháp trên đỉnh đầu Tỳ-kheo Hải Tràng sau này; c) Dựa theo phần vị của Hạnh, nói như ở phần Thập Hạnh đầy đủ, tiến vào pháp giới Nhân-đà-la vi tế...; d) Dựa theo phần vị Thiệt xảo, nói như phần vị này; e) Dựa theo phần vị Chứng, nói như Địa thứ mười.

Trong năm lớp này tùy theo một nơi thành tựu thì chắc chắn có đủ Lý hành, bởi vì tương ứng bên trong. Lại trong năm lớp này, chỉ một phần vị đầy đủ thì nhân tròn vẹn cứu cánh lại không cần đến phần vị khác. Lại nếu đạt được một phần vị thì đạt được phần vị khác. Lại toàn bộ là tiếp nhận chức vị thuộc một pháp giới, tùy theo môn sai biệt mà năm phần vị không giống nhau, Thể của pháp dung thông hàm chứa thâm nhiếp vô ngại. Đây là dựa theo tong chỉ của Viên giáo mà nói, nếu trong những Giáo khác thì không nối thông với sự việc này, dựa theo đó suy nghĩ.

*Sau là chín câu riêng biệt hiển bày về đức của Pháp sư:* 1) Một câu trình bày thiết lập về đức của Pháp sư, có thể mở rộng pháp thí là phân rõ về Tuệ không cạn; thành tựu Đại Từ Bi là hiển bày tâm thí vô tận; an lập như nhau là do bố thí mà thành tựu lợi ích, nghĩa là khiến cho đạt được Đại tâm, thành tựu Đại hạnh, mới chính là pháp thí. Kinh nói: “Nếu vì Tiểu thừa mà hóa độ thì Ta rơi vào tham lam keo kiệt.” Vả lại, Pháp thí vượt qua Tài thí trăm ngàn ức lần cho đến bất khả thuyết, phạm

vi không gì sánh được Pháp thí, như luận Trương Phu Hành v..v... Cổ đức nói: “Nói đến Pháp thí: Một là phát khởi, dùng trí tuệ làm phương tiện tuyệt vời để phát sinh hiểu biết; hai là chuyển hóa, dùng nhiều người làm dấu chân mở rộng của bến bờ vượt qua; ba là làm căn bản để khởi hạnh, dựa vào đây mà giải thích tốt đẹp; bốn là làm bậc thêm tiến vào Thánh, dấu hiệu hướng dẫn đến con đường chính.” Trong kinh này dựa vào con người để hoằng đạo, phần nhiều khen ngợi về đức thù thắng của Pháp sư, dựa vào hạnh để biểu thị cho pháp, thường dẫn ra Phổ Hiền làm bài cuối, cho nên biết Pháp thí là đạo của cứu cánh, Trí tuệ là cuối cùng của đầy đủ, công lao Tự lợi-Lợi tha còn mãi chỉ là Pháp thí. 2) Lợi ích nhiều thêm..., là trình bày về thường xuyên bố thí, nghĩa là dùng tâm Bồ-đề sinh ra và nuôi lớn thiện căn làm lợi ích nhiều cho chúng sinh không ngừng nghỉ. 3) Thành lập tên gọi của Sư, nghĩa là làm vị thầy giảng dạy, chỉ ra con đường thành Phật. 4) Dùng mặt trời giáo pháp để soi chiếu, trước Sư là pháp này cho nên gọi là Pháp sư, tức là trao cho pháp thực hành. 5) Hiểu bày về tâm của Pháp sư, đó là tâm bình đẳng, là tâm không thiên vị, tâm rộng lớn, tâm không điên đảo, muốn khiến cho như nhau là tâm bình thường. 6) Tăng trưởng..., là trình bày về phước-tuệ chuyển hóa tăng thêm hai trang nghiêm, nói thiện căn là phước. 7) Vì chúng sinh..., là trình bày về tướng của dẫn dắt, chọn lấy nơi quý báu là chỉ rõ con đường đúng đắn. 8) Bởi vì Lợi tha là trước phải tu các hạnh, cho nên có thể làm Pháp sư Từ Bi. 9) Giáo hóa khiến cho sự việc thay đổi, những thiện hữu khác không hạn chế đối với mình, là Pháp sư Vô Trước, như tri thức Thiện Tài lại chỉ rõ người khác khiến cho họ mong cầu là vậy.

*Trong phần hai là trình bày về nuôi lớn thiện căn, có sáu câu: Một, Dựa vào Pháp thí này khéo léo thâm nhiếp tâm đạt được Phật quả; Hai, Thấu đến bờ giải thoát; Ba, Dựa vào Pháp thí khéo léo tu tâm Bồ-đề Kim Cang; Bốn, Thành tựu Đại nguyện; Năm, Dựa vào thiện hữu với ý đích thực cầu pháp; Sáu, Thông hiểu rõ ràng về cảnh của quả, vì vậy khiến cho Pháp thí trước đây lại càng rộng thêm. Thể của hành, xong.*

Từ đây trở xuống là phần hai chính thức trình bày về hồi hướng, trong đó cũng có hai: Đầu là dùng thiện căn thành tựu hồi hướng rộng lớn; sau từ “An lập pháp giới...” trở xuống là thành tựu hồi hướng rất sâu xa. Trước là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, sau là hồi hướng Thật tế.

*Trong phần đầu là rộng lớn có 15 môn: Thứ nhất là một môn dùng thiện căn ấy hồi hướng thấy Phật mà tu Phạm hạnh Tự-Tha, trong đó có ba: 1) Dùng thiện căn hồi hướng nghĩ đến giống như hạnh của chư*



Phật Bồ-tát ba đời, thiết lập về Tướng kỳ lạ. 2) Từ “Đắc thị tướng cố...” trở xuống là trình bày dựa vào Tướng mà được thấy Phật. 3) Từ “Chư Phật Bồ-tát...” trở xuống là trình bày dựa vào Phật khởi hạnh, trong đó có ba: Một, Vì người mà tu tập công hạnh của mình; Hai, Dùng chính mình để chuyển hóa người khác thực hành; Ba, Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về người khác chuyển hóa bởi vì thuận theo mình.

*Trong phần một có 20 câu:* Đầu là 10 câu trình bày về đã thành tựu; sau là 10 câu thuận theo trên.

*Trong 10 câu đầu:* Trước là năm câu về lìa nhiễm: 1) Tổng quát hiển bày; 2) Tánh thành tựu; 3) Oai nghi đầy đủ; 4) Tánh lìa cấu trược; 5) Oai nghi trong sáng.

*Sau là năm câu thuận theo pháp:* 1) Giữ gìn tâm hạnh vững chắc; 2) Duyên bên ngoài không hủy hoại; 3) Trên thuận với tâm Thánh; 4) Dưới không có mong cầu gì khác, cho nên nói là không nương tựa gì; 5) Xứng với lý bình đẳng, cho nên không hề có gì.

*Trong 10 câu sau là thuận theo trên:* 1) Không chấp trước gọi là lìa xa điên đảo; 2) Không bị trói buộc gọi là Vô ngại; 3) Không giữ lấy Giới tướng mà còn lìa xa Giới thủ; 4) Dùng tâm bảo vệ chúng sinh gọi là Vô tranh, lại không phản đối chế định trước đây, không tạo lập thêm nữa; 5) Không sai lầm gì có thể chọn lựa; 6) Khế hợp tương ứng cho nên nói là an trú; 7) Vượt qua Nhị thừa; 8) Tâm niệm chuyên chú cho nên bất động; 9) Không phân tán; 10) Lìa xa nóng giận, đều lìa nhiễm đến cuối cùng, cho nên nói là Phạm.

*Từ đây trở xuống là tự mình thực hành để chuyển hóa người khác, có 12 câu:* Đầu là một câu nêu ra chính mình để ví dụ người khác; từ “Tu tập...” trở xuống là riêng biệt hiển bày khiến cho người khác thành tựu: 1) Bắt đầu tu; 2) Thực hành đầy đủ; 3) Không có sai lầm; 4) Không chấp; 5) Hiểu rõ lý; 6) Lìa xa Ngã; 7) Lìa xa mê hoặc; 8) Lìa xa vi phạm; 9) Lìa xa vô tâm; 10) Giữ tâm quyết định; 11) Không miễn cưỡng sinh ra buồn phiền.

*Trong phần ba là giải thích về thành tựu, có hai:* Đầu là giải thích ngược lại, sau là giải thích thuận theo.

*Trong phần đầu, nguyên có thể nào là nêu ra hỏi rằng:* Trong này Bồ-tát hạnh đã đầy đủ, vì sao không chỉ thuyết pháp chuyển hóa người khiến cho tu Phạm hạnh mà lại tự mình tu tập? Sau giải thích: Nếu tự mình không tu tập mà khiến cho người khác tu tập, thì không có điều này, có mười câu có thể biết. Nhiếp Luận nói: “Nếu tự mình ở trong tà hạnh, giả sử muốn sửa chữa điều sai lầm của người khác, thì người này

rốt cuộc không thể nào chặn đứng sai lầm của người khác.”

Sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là trong phần giải thích thuận theo. Trước nêu ra hỏi rằng: Tự mình đã không tu tập thì khuyên dạy người khác không được, nếu mình thực hành thì có thể khuyên dạy người khác chăng? Sau trong giải thích: Trước là tổng quát giải thích, tự mình như lời nói thực hành lìa bỏ sai trái, có thể giải thích về lìa bỏ sai trái để giảng dạy cho người, thì lời nói và việc làm tương ứng, cho nên nói là lời nói chân thật-việc làm chân thật. Sau trình bày về lợi ích thanh tịnh ba nghiệp, lìa nhiễm-diệt chướng. Sau là riêng biệt giải thích, tự mình thực hành khuyên dạy người khác có năm câu: a) Thắng thấn, b) Nhẫn nại, c) Lìa bỏ nghi ngờ, d) Tin tưởng, e) Kiên định đối với pháp. Hồi hướng thiện căn như vậy là kết luận về hồi hướng trên đây.

**Thứ hai từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về hồi hướng khiến cho đạt được các pháp, trong đó có mười câu:**

1) Khiến cho đạt được pháp môn, nghĩa là có thể Chứng pháp, có thể bẻ gãy tà luận.

2) Từ “Tất đặc tam thế...” trở xuống là khiến cho đạt được Pháp Hải: Trước là tổng quát nêu ra; sau từ “Ưu nhất nhất...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười loại pháp hải: Một, Sinh pháp là thiết lập Tông tướng; Hai, Phương tiện là nhờ vào các ví dụ khéo léo thành tựu Tông pháp; Ba, Ngữ ngôn pháp là tùy theo quy phạm ngôn ngữ của từng địa phương; Bốn, Thi thiết là đưa ra tên gọi đối với nghĩa, và tùy theo ý thích của căn cơ mà lập nghĩa, thành tựu theo thứ tự trước sau; Năm, Văn giáo làm thành quy phạm, lại sắp xếp phân bố theo quy phạm của giáo; Sáu, Nhờ vào ngôn từ hiển bày nghĩa lý, giải thích trao cho nghi thức; Bảy, Thuyết giảng hiểu rõ thông suốt gọi là Môn, cũng là pháp môn của các Tông; Tám, Khiến cho người hiểu rõ thông suốt gọi là Nhập; Chín, Tông nghĩa rõ ràng khiến cho quyết định hiểu rõ; Mười, Kết luận về Tông cứu cánh thành tựu về nghĩa an lập gọi là Trú pháp, đều đạt được pháp tạng vô tận là tổng quát kết luận về pháp đã đạt được.

3) Từ “Đặc vô úy pháp...” trở xuống là khiến cho đạt được Pháp Biện.

4) Từ “Đặc bất thối...” trở xuống là khiến cho đạt được Pháp Minh.

5) Từ “Đặc pháp giới đẳng vô lượng thân...” trở xuống là khiến cho đạt được Pháp Thân.

6) Đạt được Pháp Trú.

7) Đạt được Pháp Thật cho nên nói là pháp quyết định.

- 8) Học nhiều pháp.
- 9) Trú trong pháp thực hành.
- 10) Hưởng về Nội chứng.

Từ “Như thị hồi hương...” trở xuống là kết luận về thành tựu quả.

**Thứ ba từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về hạnh Tự lợi-Lợi tha tròn vẹn:** Đầu là 10 câu về hạnh Tự lợi tròn vẹn, nghĩa là thấy pháp giới cùng với vô lượng chư Phật..., có thể biết; từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là trở lại giúp cho chúng sinh giống như mình, cho nên nói là như mình không khác, 11 câu đều hiển bày về không có khác nhau.

**Thứ tư từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về hạnh xứng với pháp giới, cũng có 10 câu:** Đầu là Trí dựa vào Lý phát khởi bởi vì cũng cùng là tánh vô biên; pháp giới trang nghiêm chúng sinh, có ba nghĩa: 1) Dựa vào pháp giới này mà chúng sanh được thành tựu, cho nên nói là trang nghiêm; 2) Bởi vì chúng sinh tức là giống như pháp giới, khiến cho chúng sinh ngay nơi đó thanh tịnh, cho nên nói là trang nghiêm; 3) Bởi vì chúng sinh giống như pháp giới thâm nhiếp ở trong Duyên khởi môn của Đại pháp giới, vì vậy khiến cho chúng sinh đầy đủ đức.

**Thứ năm từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về được thấy Phật hiểu rõ pháp, trong đó có ba:** Một, Tổng quát. Hai, Có 10 câu về được thấy Phật thành tựu hạnh. Ba, Có 10 câu về hiểu rõ pháp giới: 1) Không biến đổi tùy theo duyên, cho nên không sinh; 2) Bởi vì không giữ lấy tánh; 3) Bởi vì không hai; 4) Không phải là chủ động dựa vào; 5) Hư vọng không thể nào vấy nhiễm; 6) Không phải là thụ động duyên, cho nên lìa xa tướng; 7) Không phải là chủ động duyên, cho nên vắng lặng; 8) Khắp tất cả mọi nơi mà không phải là tất cả mọi nơi, cho nên nói là không có nơi chốn; 9) Tùy theo lưu chuyển không mất đi nhiễm ô hiện tại không quy tập, lại rời bỏ nhiễm không mất đi thanh tịnh hiện tại không quy tập; 10) Tánh ở trong các phần vị không thay đổi, cho nên nói là không hủy hoại, chiếu rọi thông hiểu pháp giới như nhau gọi là Giải.

**Thứ sáu từ “Phục thứ...” trở xuống là khiến cho chúng sinh trở thành Pháp sư.** Trong đó khiến cho trở thành 20 loại Pháp sư, khiến cho chúng sinh thành Phật và Đại Bồ-tát là Pháp sư. Trong 20 câu đều có hai, đều trước là nêu ra tên gọi của Pháp sư, sau là giải thích hiển bày về nghĩa, cũng là do việc làm, bởi vì vốn là cùng loại hồi hương, là hồi hương thiện căn của Pháp thí khiến cho trở thành Pháp sư... Như phẩm Pháp Sư trong kinh Pháp Hoa v..v... Như phẩm Pháp Sư trong kinh Đại Bồ Tát Tạng v..v... Kinh Nhân Vương có 13 loại Pháp sư, đó chính là 12

Trú và Phật. Lại ở mười phương thế giới sau khi Phật diệt độ, bảo vệ và thọ trì Chánh pháp của Như Lai, thuyết giảng rộng ra, truyền bá khắp nơi, khai hóa không dứt là Pháp sư, như Pháp sư Biện Tích, Pháp sư Na-la-diên, Pháp sư Tha-ma Thất-lợi..., đều do những người ấy làm cho Phật pháp tiếp tục phát triển tồn tại lâu dài ở thế gian..., đây là Pháp sư duy trì Chánh pháp. Hiểu rõ các ma sự, như trong luận Trang Nghiêm: “Có ma giả hiện bày thần thông, dấy lên hình dạng La-hán, làm cho mê hoặc rối loạn, các Tỳ-kheo ngu si đều quy phục. Có Tỳ-kheo đa văn dùng tấm đá A-tỳ-đạt-ma, mài vào vàng giả tức thì lộ bày, liền trách mắng ma đó, những người ngu si khác nổi giận đối với Pháp sư này, về sau quả nhiên mới biết v.v...”

**Thứ bảy từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về hạnh không phân biệt lựa chọn**, không lựa chọn là không phân biệt. Lại bởi vì những việc đã làm đều xứng với tánh, không có gì sai lầm, không thể nào lựa chọn loại bỏ, cho nên nói là không lựa chọn. Trong văn có 10 câu thành tựu pháp, là pháp của quả đã thành tựu. Những câu còn lại có thể biết.

**Thứ tám từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về thành tựu Đại hạnh Vô trước, trong đó có hai:** Một là trình bày về Vô trước, tóm lược những điều không mong muốn; hai từ “Đản dục...” trở xuống trình bày về ý nguyện vui thích là vì thành tựu Đại hạnh.

Trong phần một có 18 câu: Đầu là 17 câu về bảo vệ phiền não không đắm theo thế gian; sau là một câu về bảo vệ Nhị thừa không đắm theo quả nhỏ bé. Hồi hướng tâm hiểm ác là như Sa di hồi hướng làm rồng... Hồi hướng hủy hoại thiện căn là hồi hướng làm Ma vương... và làm Đại Lực vương tiêu diệt Tam Bảo..., ở đây không có điều ấy. Trong phần hai là mong muốn thành tựu Đại hạnh có 9 câu, nghĩa là bởi vì thành tựu Đại hạnh Phổ Hiền của mình và người, cho nên hồi hướng.

**Thứ chín từ “Ma-ha-tát như thị bình đẳng tâm...” trở xuống là trình bày về đích thực mong cầu Đại hạnh, trong đó có bốn:** Một có 10 câu trình bày về tâm chủ động hồi hướng. Hai từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là 42 môn hồi hướng mong muốn thành tựu Đại hạnh của mình và người, trong đó phân biệt duyên khởi đạt được pháp hóa sinh ra tâm, nghĩa là do phân biệt pháp ấy mà sinh khởi Trí của tâm, cho nên nói là từ pháp hóa sinh, những loại này đều là Đại hạnh Phổ hiền. Ba là trình bày về lìa nhiễm, trước là nêu ra, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu lìa nhiễm. Bốn từ “Như thị hồi hướng thời...” trở xuống là kết luận về lợi ích của hồi hướng.

**Thứ mười từ “Phục thứ...” trở xuống là hồi hướng khiến cho**

**chúng sinh đạt được pháp âm thuộc về ngữ nghiệp**, một âm đầu là tổng quát, 32 âm còn lại là riêng biệt, đều là chủng loại đầy đủ đức thuộc Viên âm của Phật, có thể biết.

**Thứ mười một từ “Phục thứ...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh khiến cho đạt được Pháp thân, trong đó có ba:** Một là 10 câu khiến cho đạt được Thể của hạnh thuộc mười thân. Hai từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là 10 câu khiến cho đạt được Tướng của hạnh thuộc mười thân: 1) Chiếu rọi không có gì không thấu suốt, gọi là thân Minh Tịnh; 2) Trong đó hiện rõ tất cả chúng sinh ở năm đường, Thể không có gì ám chướng, gọi là thân Ly Trược; 3) Nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, gọi là thân Cứu Cánh; 4) Đức thanh tịnh tràn đầy bên trong, gọi là thân Thanh Tịnh; 5) Phiền não chướng không còn, gọi là thân Ly Trần; 6) Sở tri chướng không còn, gọi là thân Ly Chủng Chủng Trần; 7) Tập khí cũng diệt hết, gọi là thân Ly Cấu; 8) Ánh sáng thường có luôn luôn chiếu rọi, gọi là thân Quang Minh; 9) Trên mỗi một thân đều có vô lượng tướng tốt của mười Liên Hoa Tạng, gọi là thân Khả Lạc; 10) Hình thể đầy khắp pháp giới, màu sắc khắp nơi mười phương, rỗng rang thông suốt không chướng ngại, gọi là thân Vô Ngại. Ba từ “Dĩ như thị...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng của mười thân, câu đầu là tổng quát, từ “Thị hiện chúng sinh Bồ-tát hạnh...” trở xuống là 10 câu riêng biệt hiển bày về tướng của Dụng, cuối cùng một câu là kết luận về hồi hướng đã thành tựu.

**Thứ mười hai từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về thành tựu Đại hạnh Vô biên, trong đó:** Đầu là thân khắp nơi khởi hạnh làm duyên chủ động lợi ích; từ “Kiến giả bất không...” trở xuống là chính thức trình bày về lợi ích đã thành tựu: 1) Khiến cho phát tâm; 2) Tâm bất hoại; 3) Hạnh rộng lớn; 4) Đầy đủ Bi chuyển hóa chúng sinh; 5) Được thấy Phật tu thiện; 6) Sống yên ổn trú vào pháp, đạt được Văn tuệ về Pháp luân, Pháp minh là Tư tuệ, thực hành Bồ-tát hạnh là Tu tuệ; 7) Từ “Nhập chúng sinh...” trở xuống có 11 câu trình bày về soi sáng nguồn cội của pháp cho nên nói là Nhập. Sơ lược nêu ra 11 câu, thật sự tức là vô tận, đây là kết luận về hồi hướng.

**Thứ mười ba từ “Phục thứ...” trở xuống là hồi hướng thành tựu trang nghiêm quốc độ, trong đó có hai:** Một là trình bày về đồng Thể trang nghiêm có hai: 1) Cùng chung pháp giới; 2) Thâu nhiếp lẫn nhau đạt được Chánh giác bậc nhất hiển bày về đã thành Phật, làm sáng tỏ về Phật độ mà thôi. Hai từ “Bỉ nhất nhất sát...” trở xuống là tướng trang nghiêm riêng biệt, trong đó có mười sự việc trang nghiêm: 1) Vật báu trang nghiêm; 2) Hương; 3) Hoa; 4) Tràng hoa; 5) Hương thoa; 6) Hương

bột; 7) Y phục; 8) Tán che; 9) Cột cao; 10) Cờ phướn.

*Ngay trong phần một là vật báu trang nghiêm, có ba:* a) Phân rõ về chủ động trang nghiêm sai biệt; b) Từ “Phục như thị niệm...” trở xuống là hiển bày về phạm vi giới hạn đã trang nghiêm; c) Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận.

*Trong mục a có trăm sự việc trang nghiêm bên trong:* Bắt đầu từ pháp tòa-màn che cho đến nhạc khí có 83 sự việc thuộc pháp bên ngoài; từ “Trang nghiêm bảo thân dĩ...” trở xuống là 17 sự việc trình bày về trang nghiêm thuộc pháp bên trong, đó là ba nghiệp-sáu căn... Bảo thú là ý thú, lại là chí thú cao xa. Còn lại có thể biết. Bởi vì Y-Chánh vô ngại trang nghiêm lẫn nhau hiển bày về thù thắng. Phần 1 là vật báu trang nghiêm, xong.

Hai từ “Như bảo nghiêm...” trở xuống là nêu ra vật báu để ví dụ cho 9 môn còn lại đều có 100 sự việc, thành 1000 loại trang nghiêm khiến cho dựa theo biết rõ, cho nên nói là cũng lại như vậy.

*Thứ mười bốn từ “Như thị Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày kết luận về ý chính của hồi hướng, trong đó có ba:* Một, Một câu vì nuôi lớn thiện căn, nghĩa là nhờ vào lực hồi hướng rộng lớn này mà khiến cho thiện căn lớn thêm, cho nên hồi hướng. Hai, Có một câu vì trang nghiêm làm thanh tịnh cõi Phật, cho nên hồi hướng. Ba, Có 20 câu vì khiến cho chúng sinh thanh tịnh bình đẳng, cho nên hồi hướng. Một câu này là tổng quát, 19 câu sau là riêng biệt, vì khiến cho chúng sinh đều bình đẳng đạt được hai trang nghiêm thanh tịnh-công đức trọn vẹn đầy đủ; từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là kết luận về bình đẳng, kết luận về thanh tịnh, có thể biết.

*Thứ mười lăm từ “Ma-ha-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là trình bày về khiến cho chúng sinh Chứng pháp mà phát khởi thuyết giảng, trong đó có ba:* Một là khiến cho Chứng pháp, nghĩa là đạt được thì nói là Chứng, pháp đã Chứng sâu rộng gọi là Vô lượng Pháp hải; hai từ “Ư nhất nhất...” trở xuống là dựa vào Chứng mà khởi Trí; ba từ “Linh chúng sinh...” trở xuống là trình bày về dựa vào Trí mà phát khởi thuyết giảng, có mười câu: 1) Khiến cho khéo léo giảng dạy; 2) Khiến cho duy trì được nghĩa; 3) Quả biện tài như nhau; 4) Thân Phật như nhau; 5) Tâm thuyết pháp; 6) Đạt được Trí thuyết giảng; 7) Thuyết giảng khắp nơi; 8) Thuyết giảng không gián đoạn; 9) Khiến cho vui thích mong cầu; 10) Khiến cho hoan hỷ thuyết giảng. Trên đây là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, xong.

Từ đây trở xuống là phần sau trình bày về hồi hướng Thật tế,



dựa theo phẩm Thập Địa sau này nói là an trú, văn này thích hợp là thực hành hồi hướng làm cho thanh tịnh mà thôi. Có 28 câu: Đầu là 10 câu dựa theo ba nghiệp-năm ấm-ba khoa trong ngoài, ngay nơi Tướng cùng là Chân mà hồi hướng pháp giới, trong là Chánh báo, ngoài là Y báo. Còn lại 18 câu dựa theo hạnh-dựa theo sự hiểu rõ giống như pháp giới, cho nên nói là hồi hướng. Trên đây là phần chính thức hồi hướng, xong.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ ba trình bày do hồi hướng mà thành tựu lợi ích, nghĩa là bởi vì ba nghiệp... đều giống như pháp giới, cho nên đạt được ba nghiệp bình đẳng an trú trong pháp giới bình đẳng vô lượng thanh tịnh. Trong mười câu: Sáu câu đầu trình bày về ba nghiệp bình đẳng nhiếp hóa pháp giới; bốn câu sau trình bày về ba nghiệp rộng lớn, điều hòa chúng sinh an ổn tốt lành, có thể biết.

Trên đây là phần giải thích, xong,

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về quả của phần vị, nghĩa là phần vị này đầy đủ thành tựu bốn loại quả: 1) Đạt được quả thành tựu đầy đủ hạnh nguyện của Phổ Hiền; 2) Quả trang nghiêm thanh tịnh pháp giới quốc độ Phật; 3) Quả chứng lý viên mãn thành Phật; 4) Quả thuộc Dụng về trí đức rộng lớn của Phổ Hiền.

Một và hai như văn; Ba từ “Cụ túc thành tựu...” trở xuống là trình bày về quả thứ ba, trong đó có ba câu: 1) Lý-Trí sâu xa chứng được Thể của Phật; 2) Hiện thân thành Phật đạt được phần vị; 3) Từ “Tất đặc...” trở xuống có 12 câu trình bày về đức tự tại đạt được Lượng trí của Phật, có thể biết.

Bốn từ “Tất đặc vô biên mãn túc...” trở xuống là trình bày về quả thứ tư, trong đó có mười câu: 1) Đạt được mắt của Phổ Hiền; 2) Đạt được tai của Phổ Hiền; 3) Đạt được Lượng trí của Phổ Hiền; 4) Đạt được thanh tịnh của Phổ Hiền; 5) Đạt được Lý trí của Phổ Hiền; 6) Đạt được ngữ nghiệp của Phổ Hiền; 7) Đạt được ánh sáng của Phổ Hiền; 8) Đạt được nghiệp quả nhanh chóng thành tựu của Phổ Hiền; 9) Có thể khiến cho chúng sinh thanh tịnh như Phổ Hiền; 10) Từ “Cụ túc thành...” trở xuống là có thể cuối cùng đến bờ giải thoát như Phổ Hiền.

Trên đây là phần Chánh thuyết, xong.

Phần sau là trình bày về lợi ích thuyết giảng, nghĩa là mặt đất rung động-phát sinh niềm tin. Trong văn phát khởi cúng dường biểu thị cho hạnh: Trước là mặt đất rung động, sau là phát khởi cúng dường.

*Trong cúng dường:* Một là cúng dường bên ngoài; Hai từ “Thiên thân...” trở xuống là cúng dường bên trong.

Toàn bộ trên đây là thuyết về pháp Đại hồi hướng này trong một thế giới, xong.

Hai từ “Như thử...” trở xuống là trình bày trong thế giới như mười phương pháp giới... cũng cùng thuyết về pháp này, cho nên hợp thành tất cả các Hội. Trong đó, tất cả thế giới hệ (Tứ thiên hạ) là trình bày về trăm ức thế giới hệ trong thế giới này.

Trên đây là một thuyết-tất cả thuyết, tổng quát trình bày về phần Thuyết giảng, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ sáu trình bày về phần Chứng thành, trong đó: Trước là chứng về thuyết giảng trong thế giới này, sau là chứng về thế giới mười phương.

*Trong phần trước có hai:* Một là đến nơi ca ngợi về thuyết giảng; hai từ “Ngã đẳng...” trở xuống là thuật về thế giới ấy giống như thế giới này. Phần Chứng thành, xong.

*Trong phần hai là kệ tụng, có hai:* Trước là ý phân Tựa, có thể biết; sau là trong phần chính thức nói tụng, có 94 kệ phân bốn: Một, có 14 kệ tụng về Thể của hạnh trước đây, một kệ tụng về đạt được phần vị Pháp sư, những kệ còn lại tụng về đức của Pháp sư. Hai, từ “Bồ-tát pháp thí...” trở xuống là 68 kệ tụng về hồi hướng rộng lớn trước đây. Ba, từ “Thí như Như Như...” trở xuống là hai kệ tụng về hồi hướng rất sâu xa. Bốn, từ “Như thị thù thắng...” trở xuống là 10 kệ kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng.

Ngay trong phần hai là hồi hướng rộng lớn, hiển bày về tùy ý phát ra biện tài thuyết giảng không cần đến thứ tự, ngôn từ không gián đoạn là đức thuộc hạnh vô ngại tự tại của Phổ Hiền. Trong đó sơ lược phân làm tám:

Một có tám kệ tụng về Tự hành thù thắng của Bồ-tát trước đây.

Hai từ “Thập phương nhất thiết vô lượng...” trở xuống có tám kệ tụng về hạnh trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh.

Ba từ “Nhất thiết Phật tử...” trở xuống có bốn kệ tụng về đạt được quả tự tại của Phật trước đây.

Bốn từ “Bồ-tát năng ư nhất niệm...” trở xuống có 12 kệ trình bày về ở tất cả mọi nơi cúng dường tất cả chư Phật.

Năm từ “Vô lượng vô biên nhất thiết chư kiếp...” trở xuống có 6 kệ trình bày về ở tất cả mọi lúc cúng dường tất cả chư Phật.

Sáu từ “Tất năng giác ngộ nhất thiết pháp giới...” trở xuống có 15

kệ trình bày về dùng tất cả vật cúng dường để cúng dường tất cả chư Phật.

Bảy từ “An trú Phổ Hiền...” trở xuống có 13 kệ tụng về thâm nhiếp hạnh Phổ Hiền đều dùng để hồi hướng.

Tám từ “Thân khẩu chư nghiệp...” trở xuống có hai kệ tụng về do hồi hướng mà thành tựu đức trước đây. Vẫn còn lại có thể biết.

Hỏi: Kinh này từ trên xuống dưới phần nhiều nói về hạnh nguyện Phổ Hiền, trong phẩm này nói rộng nhất, vì sao tiến vào Địa lại không trải qua ngôn ngữ?

Đáp: Đây là dựa theo Nhất thừa, Địa vốn dựa theo Tam thừa.

Hỏi: Nhất thừa lẽ nào không có Địa thượng, Tam thừa lẽ nào không có Địa tiền, sao không hiển bày như nhau?

Đáp: Lý thật là như nhau, nhưng Địa tiền hiển bày về phương tiện của Nhất thừa, Địa thượng thâm nhiếp phương tiện của Tam thừa, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Thế nào là phương tiện? Nghĩa là Địa tiền thuộc phần vị yếu kém mà đạt được hạnh nguyện của Phổ Hiền, vốn là hiển bày về phương tiện tự tại của phần vị; nếu như đối với Địa thượng là phần vị thù thắng, thì đạt được tương tự tại của Phổ Hiền không cần phải hiển bày. Ý còn lại về sau sẽ riêng biệt phân rõ. Hội thứ năm, xong.

